

CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam

Hải Phòng, năm 2023

CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự án của Công ty TNHH TORSHARE Việt Nam

CHỦ DỰ ÁN



TỔNG GIÁM ĐỐC
LONG, SHUNCAI



PHO GIÁM ĐỐC

Trần Thị Dung

Hải Phòng, năm 2023

MỤC LỤC

Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
1. Tên chủ dự án đầu tư	6
2. Tên dự án đầu tư: Dự án của Công ty TNHH TORSHARE Việt Nam.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	6
3.1. Công suất sản xuất của dự án	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	7
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	13
3.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	13
3.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	15
Chương II.....	21
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường.....	21
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường.....	21
Chương III	22
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	22
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	22
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	22
1.2. Thu gom, thoát nước thải	23
1.4. Xử lý nước thải.....	24
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	27
2.1. Công trình, thiết bị thu gom khí thải từ hoạt động hàn SMT	27
2.2. Biện pháp giảm thiểu hơi, khói hàn từ khu vực quét kem hàn, hàn thủ công.....	29
2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của phương tiện cá nhân ra vào dự án.	30
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	30
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	32

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	33
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	34
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	38
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	38
Chương IV	40
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	40
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	40
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	42
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	42
Chương V	50
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	50
1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện.....	50
1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải.....	50
Qua kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, các thông số phân tích trong nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP. Như vậy, có thể thấy rằng, hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải phát sinh của dự án.....	55
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.....	55
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	60
Chương VI.....	62
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	62

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

- BOD – Nhu cầu oxy sinh học
BTCT – Bê tông cốt thép
COD – Nhu cầu oxy hóa học
CTNH – Chất thải nguy hại
ĐCCT – Địa chất công trình
HEZA – Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
KCN – Khu công nghiệp
KTSX – Kỹ thuật sản xuất
PCCC – Phòng cháy chữa cháy
QCVN – Quy chuẩn Việt Nam
QLSX – Quản lý sản xuất
RTSH – Rác thải sinh hoạt
TCCP – Tiêu chuẩn cho phép
TCVN – Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN – Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH – Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TSS – Chất rắn lơ lửng
UBND - Ủy ban nhân dân
VLXD – Vật liệu xây dựng

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Sản phẩm đầu ra của dự án	13
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất đầu vào của dự án.....	13
Bảng 1.3. Nhu cầu vật tư trong giai đoạn vận hành ổn định	14
Bảng 1.4. Nhu cầu điện, nước phục vụ cho dự án.....	15
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị của Dự án.....	16
Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của Dự án	18
Bảng 3.1. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào TXLNT tập trung của KCN Đồ Sơn	25
Bảng 3.2. Khối lượng chất thải rắn sản xuất của dự án (100% công suất)/	31
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hàng năm của Công ty	32
Bảng 5.3. Chương trình giám sát môi trường khi Dự án đi vào vận hành	59
Bảng 5.4. Dự trù kinh phí giám sát môi trường	60
Bảng 5.5. Chi tiết chi phí phân tích mẫu giai đoạn vận hành.....	61

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Quy trình sản xuất đèn LED	9
Hình 1.2. Sơ đồ tổ chức nhân sự của Công ty	19
Hình 2.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa	22
Hình 2.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải	23
Hình 2.3. Hình ảnh ống hút khí, nguyên lý thu khí của các máy hàn tại công đoạn SMT	27
Hình 2.4. Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống thu gom, xử lý khí thải	28

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Địa chỉ văn phòng: Lô 4.8B, KCN Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư

Ông: LONG SHUN CAI

Chức vụ: Tổng giám đốc

- Điện thoại: 0936589880

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp: số 0202023296 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 27/04/2020, thay đổi lần thứ 4 ngày 04/05/2022.

- Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 9906690891 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/02/2020, điều chỉnh lần thứ 05: ngày 28/12/2022;

2. Tên dự án đầu tư: Dự án của Công ty TNHH TORSHARE Việt Nam.

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô 4.8B, KCN Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: số 82/QĐ-BQL ngày 08/1/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

- Văn bản đánh giá về kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án: số 3884/BQL-TNMT ngày 01/9/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

- Quy mô của dự án đầu tư: dự án nhóm C (là dự án sản xuất thiết bị thông tin, điện tử có tổng mức đầu tư dưới 80 tỷ đồng, được quy định tại khoản 2 Điều 10, Luật Đầu tư công).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

Công suất và công nghệ của Dự án xin cấp phép kỳ này theo đúng Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo Quyết định số 82/QĐ-BQL ngày 08/1/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng. Cụ thể:

3.1. Công suất sản xuất của dự án

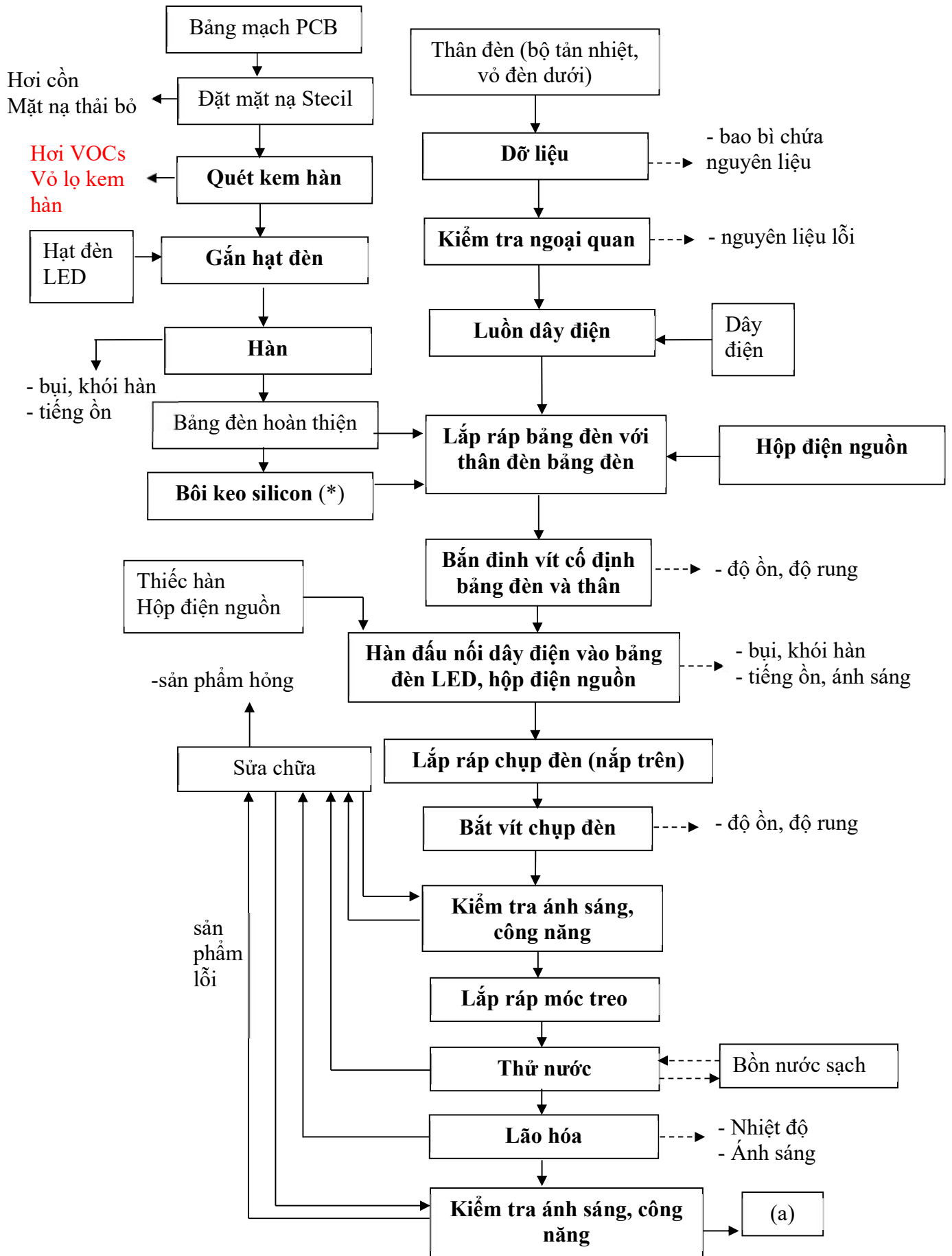
Công suất sản xuất của dự án xin cấp phép như sau:

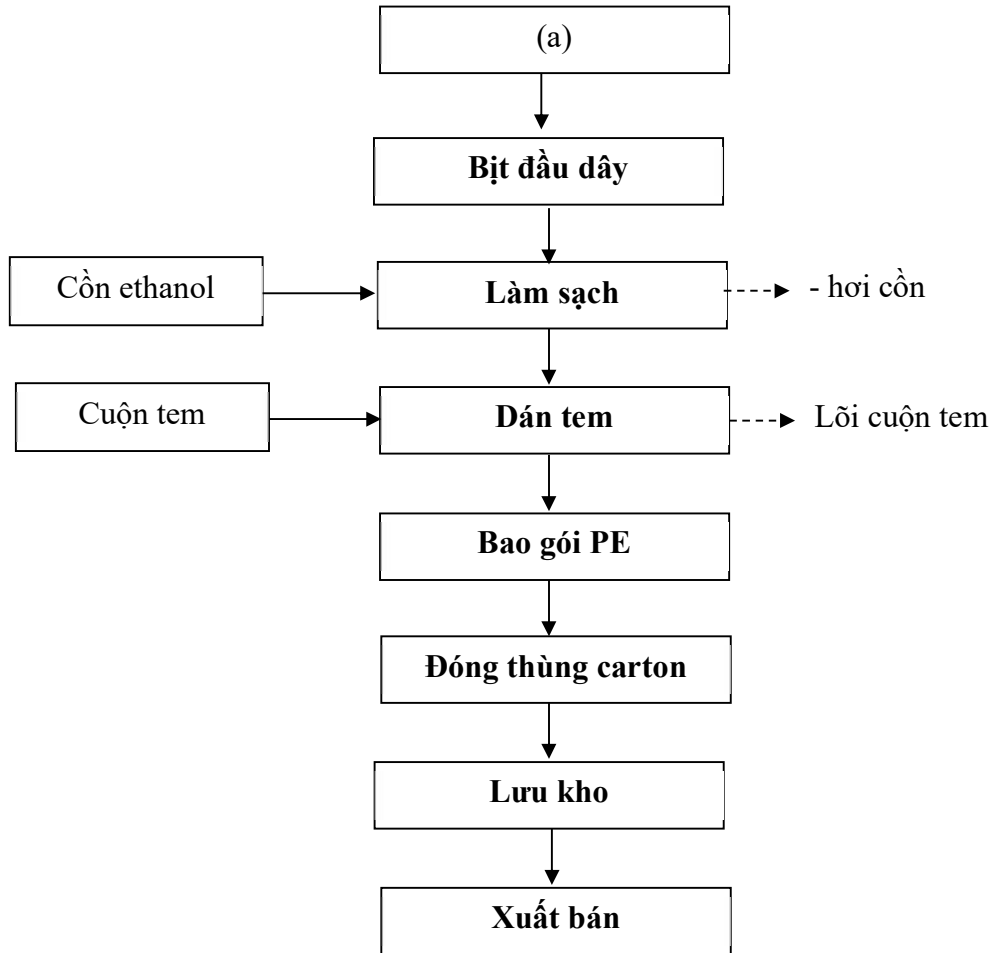
- Sản xuất, gia công, lắp đèn chiếu sáng trang trí LED, đèn chiếu sáng LED công suất 500.000 sản phẩm/năm, tương đương 2.800 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Quy trình công nghệ sản xuất

a. Sơ đồ công nghệ





Hình 1.1. Quy trình sản xuất đèn LED

Thuyết minh quy trình:

Quy trình sản xuất đèn LED của dự án cụ thể như sau:

Nhập liệu:

Nguyên liệu nhập về nhà máy gồm các loại bảng PCB, hạt đèn LED, chụp đèn, vỏ đèn, các loại đầu mối kết nối, ốc vít, dây điện,...được nhập về theo số lượng, chủng loại của từng đơn hàng.

Nguyên liệu chủ yếu được chứa trong các thùng bì carton. Sau khi dỡ liệu, nguyên liệu sẽ được công nhân kiểm tra về ngoại quan, tiếp đó được chuyển lên chuyền sản xuất. Do nguyên liệu sản xuất của nhà máy được nhập về từ các đơn vị sản xuất, cung ứng nguyên liệu từ Trung Quốc, Việt Nam, nguyên liệu đã được qua khâu kiểm soát chất lượng nên phân loại bỏ lỗi hỏng không đáng kể.

Bảng mạch PCB (Printed Circuit Board): Là bảng mạch in, là bảng mạch điện dùng phương pháp in để tạo hình các đường mạch dẫn điện và điểm nối linh kiện trên tấm nền cách điện.

Hạt đèn LED (*Light Emitting Diode*), là một loại linh kiện điện tử có khả năng phát ra [ánh sáng](#), tia hồng ngoại hay tia [tử ngoại](#).

Lắp ghép bảng đèn

Bảng mạch PCB được nhập về từ các nhà cung cấp Trung Quốc đã được kiểm định chất lượng từ kho nguyên liệu đưa lên chuyên sản xuất. Sản phẩm đèn LED của nhà máy là sản phẩm đèn LED công nghiệp, mỗi bảng đèn sẽ được gắn khoảng 300-500 hạt đèn. Các hạt đèn LED được lấy từ hộp đựng đèn ra và đưa vào công đoạn lắp ghép. Bảng mạch và đèn LED nhập về do tác động của môi trường có thể bị ẩm, do đó trước khi đưa vào quy trình công nghệ sẽ được sấy khô tại máy sấy.

Sau công đoạn sấy, hạt đèn và bảng mạch PCB sẽ được đưa vào dây chuyền lắp ghép bảng đèn bằng công nghệ STM (*Surface Mount Technology* – công nghệ dán bề mặt). Quy trình công nghệ cụ thể của các công đoạn này như sau:

Quét kem hàn: Hoạt động quét kem hàn được thực hiện bằng máy quét kem hàn. Trong quá trình quét kem hàn có sử dụng mặt nạ quét để định vị vị trí kem hàn được quét trên bề mặt bản mạch PCB tại đúng các vị trí lắp ghép hạt đèn. Kem hàn được bơm tự động bằng máy chảy đều trên bề mặt của mặt nạ, chảy tràn trên bản mạch. Sau công đoạn bơm kem hàn, mặt nạ hàn được dỡ và vệ sinh sạch sẽ bằng cồn ethanol, hoạt động vệ sinh được thực hiện thủ công, công nhân sử dụng rẻ lau để lau sạch bề mặt mặt nạ. Mặt nạ sử dụng được chế tạo bằng hợp kim không rỉ, được tái sử dụng nhiều lần, tần suất thay thế tương đối lâu: 1-2 năm mới cần thay mới.

Bản mạch sau công đoạn quét kem sẽ được di chuyển sang công đoạn lắp ghép hạt đèn. Hạt đèn LED được dỡ hộp nạp vào các phễu nạp liệu của máy lắp ghép hạt đèn và lắp ghép tự động vào bản mạch PCB.

Sau khi bảng đèn được ghép hạt đèn LED xong sẽ được đưa vào máy hàn để hàn, gắn chặt, kết nối hạt đèn LED với bản mạch PCB. Hoạt động hàn SMT diễn ra trong máy hàn SMT kín cụ thể như sau:

Đầu tiên bảng đèn tiến vào vùng sấy sơ bộ nơi mà ở đó nhiệt độ của bản mạch và hạt đèn tương đối đồng đều và được nâng lên một cách từ từ. Việc này làm giảm thiểu ứng suất nhiệt khí khi quá trình lắp ráp kết thúc sau khi hàn.

Bảng đèn sau đó tiến vào vùng với nhiệt độ đủ lớn 250°C đến 300°C (*nhiệt sinh ra trong buồng hàn SMT với nguồn năng lượng là điện năng*) để có thể làm nóng chảy kem hàn để gắn chặt các hạt đèn LED vào bảng mạch. Sức căng bề mặt của kem hàn nóng chảy giúp cho linh kiện không lệch vị trí. Sau đó bo mạch tiến vào vùng làm mát, tại đây bảng đèn được làm mát bằng tua bin quạt gió, sau đó đi ra khỏi máy hàn và chuyển sang công đoạn lắp ráp tiếp theo.

Lắp ráp hoàn thiện

Tại nhà máy bố trí 03 bộ chuyên lắp ráp hoàn thiện từ công đoạn ghép thân đèn, đầu nối dây điện, kiểm tra công năng, và đóng gói từ đầu chuyên đến cuối chuyên.

Thân đèn gồm vỏ sau của đèn và bộ tản nhiệt đi đồng bộ cùng nhau được đưa lên chuyên sản xuất, kiểm tra chất lượng đầu vào bằng cảm quan, sau đó sẽ luôn ghép dây dẫn điện vào thân đèn. Các đoạn dây dẫn điện được cắt theo kích thước, dây điện được cắt bằng thủ công, chiều dài thiết kế được công nhân luôn, ghép thủ công qua vỏ đèn và bộ tản nhiệt, được cố định với thân đèn bằng 01 nút cao su.

Bảng đèn được hoàn thiện tại công đoạn trên sẽ được chuyển sang chuyên lắp ráp, được công nhân lắp ghép vào thân đèn. Sau khi lắp ghép vào thân đèn, sẽ sử dụng các máy bắn vít treo trên chuyên để bắn vít, vít chặt bảng đèn vào thân đèn.

Ngoài ra với một số dòng sản phẩm (đèn UFO – đèn tròn), bảng đèn được quét một lớp keo silicone dẫn nhiệt vào mặt sau của bản PCB để tăng khả năng tản nhiệt, làm mát cho sản phẩm đèn. Sau khi quét silicone, bảng đèn được ghép vào thân đèn và chuyển sang công đoạn bắn vít.

Sau công đoạn bắn vít, bán thành phẩm được chuyển đến bộ phận hàn dây điện, để hàn dây dẫn điện vào bảng đèn tại hai vị trí cực điện âm, dương được xác định vị trí sẵn trên bảng đèn để sau này cấp điện cho các hạt LED thông qua bản mạch PCB. Đầu dây điện còn lại được hàn nối vào hộp điện nguồn.

Hàn dây điện: hoạt động hàn được thực hiện thủ công, chất liệu hàn là thiếc cuộn, công nhân sử dụng máy hàn cầm tay với nhiệt độ mỏ hàn là 450°C để hàn tại 2 điểm nối đầu dây điện, khối lượng hàn tương đối nhỏ.

Lắp ráp chụp đèn (nắp trên của đèn): Bộ phận này làm bằng nhựa trong suốt được lắp ghép để bảo vệ hạt đèn và bản mạch PCB.

Sau công đoạn lắp ghép, tiếp tục sử dụng máy bắn vít để bắn vít cố định nắp đèn vào thân đèn và lắp móc treo đèn.

Sau khi bắn vít xong, đèn được chuyển qua bộ phận kiểm tra điện áp để thử khả năng phát sáng, phát hiện các hạt LED hỏng, các lỗi lắp ráp chưa hoàn thiện. Nếu phát hiện lỗi, đèn sẽ được chuyển sang khu vực chỉnh sửa để sửa lỗi, với các vật tư, nguyên liệu bị lỗi hoàn toàn sẽ được loại bỏ khỏi chuyên sản xuất và quản lý chặt chẽ theo quy định về quản lý chất thải. Với thành phẩm sửa chữa lại được sẽ được kiểm tra lại và chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Thử nước.

Đèn sau công đoạn lắp móc treo được đưa sang khu vực thử nước. Khu vực thử nước bố trí các buồng thử kín 03 mặt, hoạt động với nguyên lý: tạo môi trường mưa nhân

tạo trong buồng thử, đèn được treo trên móc treo, nước được bơm qua giàn phun mưa. Nước trong buồng thử được tuần hoàn liên tục, không thải bỏ vào môi trường.

Hoạt động thử nước sẽ diễn ra trong thời gian khoảng 5 phút.

Hoạt động này để kiểm tra xem trong điều kiện thời tiết mưa gió, đèn có bị hỏng, có bị thấm nước không. Với sản phẩm bị thấm nước, không đảm bảo yêu cầu, ảnh hưởng đến chất lượng, sẽ được chuyển sang lại sấy khô, sửa chữa, khắc phục lỗi, thay bóng khắc phục lỗi hỏng bóng, thay nắp, khắc phụ lỗi ngấm nước. Đèn không sửa chữa được sẽ được loại bỏ hoàn toàn.

Kiểm tra lão hóa sản phẩm:

Sau công đoạn thử nước, đèn được lau khô thủ công và chuyển vào phòng lão hóa.

Hoạt động lão hóa được thực hiện trong một buồng lão hóa riêng, tại phòng lão hóa có bố trí các giá treo để treo đèn, nhiệt độ đảm bảo ở điều kiện nhiệt độ phòng bình thường. Đèn được treo trên các giá treo, cấp điện trong thời gian 24h để kiểm tra độ bền của các hạt LED, phát hiện các vấn đề đèn chết, đèn nhấp nháy và các hiện tượng không mong muốn khác. Trong quá trình lão hóa, 2 giờ một lần sẽ ngắt điện áp trong 20s và nhân viên tiến hành kiểm tra các vấn đề phát sinh.

Thử ánh sáng, công năng

Sau các công đoạn thử nước, lão hóa, đèn tiếp tục được chuyển về khu thử điện áp để kiểm tra khả năng phát sáng một lần nữa. Sản phẩm đèn đạt yêu cầu được đưa vào chuyên đóng gói.

Đóng gói:

Hoạt động đóng gói được thực hiện thủ công trên chuyên được thiết kế dài, đèn đi từ đầu chuyên đến cuối chuyên, công nhân thực hiện các thao tác, bịt đầu dây nối điện, lau sạch đèn bằng cồn ethanol, tiếp theo chuyển sang vị trí dán tem xuất xứ, nhãn sản phẩm, lời cảnh báo, sang vị trí bao gói PE, lót xốp và đóng thùng carton, dán tem niêm phong, chuyên lưu kho chờ xuất hàng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm đầu ra của dự án như sau:

Bảng 1.1. Sản phẩm đầu ra của dự án

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng cho năm sản xuất ổn định	
		Sản phẩm/năm	Tấn/năm
1	Đèn chiếu sáng LED các loại	500.000	2.800

3.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

3.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất (đầu vào)

- Nhu cầu nguyên liệu chính, hóa chất:

Thành phần nguyên liệu, hóa chất đầu vào quá trình sản xuất của Dự án trong năm sản xuất ổn định được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất đầu vào của dự án

STT	Tên nguyên liệu/linh kiện	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc
I	Nguyên liệu			
1	Hạt đèn LED	Tấn	224,224	TQ
2	Hộp điện nguồn	Tấn	153,033	TQ
3	Bộ tán nhiệt	Tấn	560	TQ
4	Nút cao su giữ dây điện	Tấn	8,408	VN
5	Bản PCB (*)	Tấn	425,465	TQ
6	Chụp đèn (nắp trên)	Tấn	896,897	TQ
7	Vỏ đèn (nắp dưới)	Tấn	392	TQ
8	Các loại ốc vít	Tấn	56	VN/TQ
9	Các loại dây điện kết nối	Tấn	56,056	VN/TQ
10	Tem mác nhãn hiệu	Tấn	0,28	VN/TQ
11	Các vật liệu phụ trợ khác (Đầu bịt)	Tấn	27,757	VN/TQ
	Tổng I		2.800,12	

II	Hóa chất			
1	Kem hàn các loại: B353, Q3a.	tấn/năm	1	TQ
2	Keo silicon	tấn/năm	0,5	TQ
3	Cồn Ethanol	tấn/năm	1,5	VN
4	Thiếc hàn	tấn/năm	0,25	VN
	Tổng II		3,25	

- Vật tư, phụ liệu:

Bảng 1.3. Nhu cầu vật tư trong giai đoạn vận hành ổn định

STT	Tên vật tư	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton	50.000
2	Bao tay	300
3	Giẻ lau làm sạch sản phẩm	300
4	Giẻ lau bảo dưỡng máy móc thiết bị	500
5	Bao bì PE	500
Tổng		51.100

3.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm dự án

a. Nguồn cung cấp nước

Nước sử dụng cho dự án bao gồm nước phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy, lượng nước dùng cho nước tưới cây, rửa đường và nước cho PCCC.

Nguồn nước được cung cấp bởi KCN Đồ Sơn.

b. Nguồn cung cấp điện

Nhu cầu tiêu thụ điện chủ yếu là cấp điện chiếu sáng cho hoạt động sinh hoạt và cấp điện động lực cho các thiết bị máy móc kỹ thuật trong nhà máy.

Nguồn cấp điện, nước được cấp bởi KCN Đồ Sơn.

Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng năng lượng, nước, vật liệu phụ của dự án như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu điện, nước phục vụ cho dự án

STT	Tên năng lượng	Đơn vị	Khối lượng	Đơn vị cung cấp
1	Điện	kWh/tháng	1.000.000	KCN Đồ Sơn
2	Nước	m ³ /ngày đêm	29,1	
	+ Nước sinh hoạt	m ³ /ngày đêm	13,5	
	+ Nước tưới cây, rửa đường	m ³ /ngày đêm	14,6	
	+ Nước cho công đoạn thử nước	m ³ /ngày lớn nhất	1	

3.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

3.5.1. Danh mục máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc thiết bị của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị của Dự án

STT	Tên thiết bị	Thông số máy	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng của máy (tấn)		Công đoạn sử dụng	Xuất xứ
					1 máy	Tổng		
I	Bộ phận sản xuất							
1	Dây chuyền sản xuất	1.5KW, 24m*0.9m*0.76m độ ồn: 80 dBA, độ rung 50 Hz	dây	7	2	14	Bộ phận lắp ráp	VN
2	Tuốc nơ vít điện và Tuốc nơ vít khí nén	TSK-1500, GSK-418B	cái	45	0,001	0,045	Bộ phận lắp ráp	VN/TQ
3	Máy nén khí	22KW	cái	1	0,5	0,5	Bộ phận sản xuất	TQ
4	Máy biến áp hóa già	110-480	cái	6	1	6	Bộ phận lão hóa	TQ
5	Nguồn điện biến tần	HY9001T, công suất 1KW, điện áp nhập 220V, điện áp ra 0-500V	cái	8	1	8	Bộ phận kiểm tra ánh sáng	TQ
6	Thiết bị kiểm tra IES	Bước sóng quang phổ: 380nm ~ 800nm. Nhiệt độ màu tương quan CCT: 1.500K ~ 25.000K (LMS -9000A), 1500K ~ 100.000K (LMS-9000B), Độ chính xác CCT: ± 0,5% (LMS-9000A), ± 0,3% (LMS-9000B)	Bộ	1	0,2	0,2	Bộ phận chất lượng – thử nghiệm ánh sáng	TQ
7	Máy đo điện trở nối đất	CC2521	cái	1	0,1	0,1	Bộ phận chất lượng	TQ

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam-
Lô 4.8B, KCN Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng*

8	Máy SMT	80 kW, độ ồn 76 dBA, độ rung 50 Hz	Bộ	2	3	6	Bộ phận sản xuất	TQ
9	Máy hàn thủ công	0,09 kW, độ ồn 72 dBA, độ rung 50 Hz	cái	10	0,001	0,01	Bộ phận sản xuất	TQ
10	Thiết bị kiểm tra chống thấm nước	-	Bộ	02	1	2	Bộ phận chất lượng – kiểm tra chống thấm nước	TQ
11	Máy sấy	Điện áp 380C-80Hz – 6KVA Nhiệt độ buồng sấy 200°C	cái	01	0,5	1	Sấy linh kiện (hạt đèn, bảng PCB)	TQ
II	Khu vực kho, văn phòng, phụ trợ							
11	Xe nâng tay	Tải trọng nâng 2,5 tấn	cái	12	0,2	2,4	Bộ phận kho	TQ
12	Xe nâng điện	Tải trọng nâng 2 tấn	cái	2	2	4	Bộ phận kho	TQ
13	Máy văn phòng, điều hòa, quạt thông gió, máy lập trình	/	Bộ	1	100	100	Bộ phận sản xuất, văn phòng điều hành	VN/TQ
	Tổng					143,255		

3.5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình của Dự án được thể hiện trong bảng sau

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của Dự án

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Số tầng	Tỷ lệ %	Ghi chú
A	Các hạng mục chính				
1	Nhà văn phòng 1	224,2	3	2,14	Giữ nguyên hiện trạng
2	Nhà văn phòng 2	224,2	3	2,14	Giữ nguyên hiện trạng
3	Nhà xưởng 1	2.492,75	1	23,77	Giữ nguyên hiện trạng
4	Nhà xưởng 2	2.492,75	2	23,77	Giữ nguyên hiện trạng
B	Các hạng mục phụ trợ				
5	Nhà xe	60	1	0,57	Giữ nguyên hiện trạng
6	Bể nước, trạm bơm	30	-	0,29	
7	Nhà máy nén khí	28	1	0,27	
8	Nhà bảo vệ	24	1	0,23	
9	Trạm biến áp	28	-	0,27	
10	Cây xanh, sân đường	4.881,1	-	46,55	
	Tổng	10.485			

Bảng 1.7. Hạng mục công trình BVMT của dự án

Stt	Hạng mục công trình hiện trạng	Số lượng	Ghi chú
1	Thiết bị xử lý bụi, khói hàn từ công đoạn hàn SMT	01 Hệ thống	Thiết bị đồng bộ đi kèm với máy hàn SMT
2	Kho lưu chứa chất thải công nghiệp	01 kho	Diện tích 37,4 m ²
3	Kho lưu chứa chất thải nguy hại	01 kho	Diện tích 12,2 m ²
4	Bể tự hoại 03 ngăn	04 bể	Tổng dung tích 04 bể: 50,68 m ³

3.5.3. Vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư của dự án là 34.800.000.000 (Ba mươi bốn tỷ, tám trăm triệu) đồng, tương đương 1.500.000 USD (Một triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ

3.5.4. Tiến độ của Dự án:

Cho đến thời điểm lập báo cáo xin cấp phép môi trường (Tháng 5/2023), Dự án đã hoàn thành các hạng mục công trình gồm:

- + Công trình chính (nhà xưởng sản xuất + văn phòng + kho): 5.433,9 m² (đã xong 100%)
- + Các công trình phụ trợ: 5.051,1 m² (đã xong 100%)
- + Lắp đặt máy móc, thiết bị: Đã xong 100 %.
- + Đường nội bộ, cây xanh: 8.091 m²

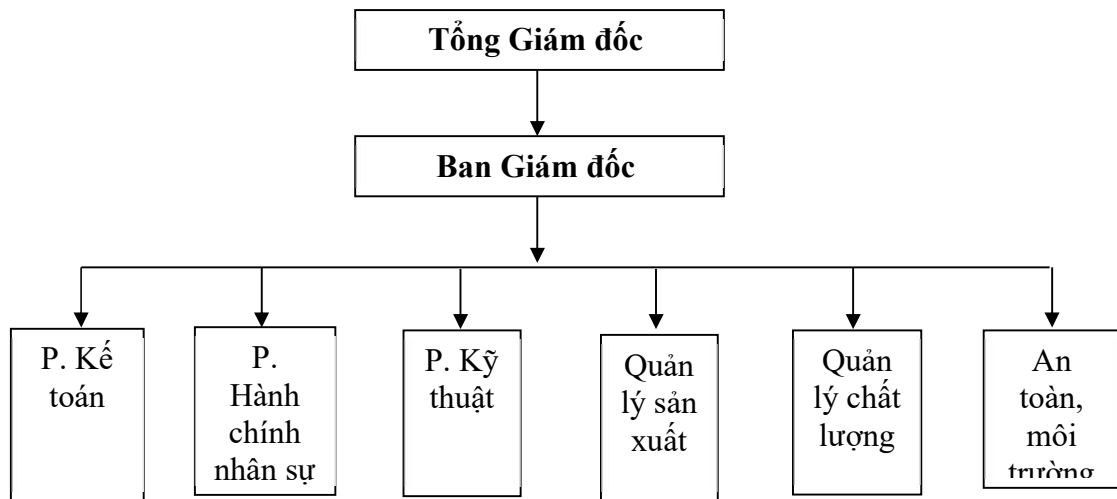
3.5.5.. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Công ty TNHH TORSHARE Việt Nam trực tiếp quản lý và thực hiện dự án. Tổng số cán bộ công nhân viên khi dự án đi vào vận hành chính thức là 300 người.

Trong đó:

- + Tổng Giám đốc Công ty: 1 người ; Ban lãnh đạo: 4 người
- + Chuyên viên kỹ thuật, văn phòng: 30 người; Lao động trực tiếp: 265 người

Sơ đồ tổ chức nhân sự của Công ty như sau:



Hình 1.2. Sơ đồ tổ chức nhân sự của Công ty

- Thời gian hoạt động sản xuất của Công ty khi dự án đi vào hoạt động như sau:
- + Số ngày làm việc trong năm: 300 ngày/năm.
- + Số ca làm việc trong ngày: 01 ca/ngày
- + Số giờ làm việc trong 1 ca: 8h/ca.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường

Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam tại Lô 4.8B, KCN Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng đã được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: số 82/QĐ-BQL ngày 08/1/2021. Khi lập Hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường (lần đầu) này, mọi thông số của Dự án đều không thay đổi. Do đó, Dự án là phù hợp với Qui hoạch bảo vệ môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường

Không thay đổi

Chương III

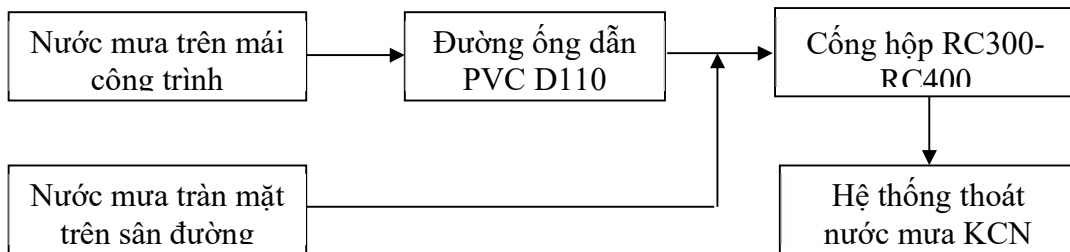
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam tại Lô 4.8B, KCN Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng đã được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: số 82/QĐ-BQL ngày 08/1/2021, chủ đầu tư đã tiến hành thiết kế, thi công các công trình bảo vệ môi trường cho Dự án.

Trong quá trình thực hiện, chủ đầu tư cũng đã có một số thay đổi theo hướng thu gom, xử lý triệt để hơn các loại chất thải (Giải trình cụ thể trong Mục 8, Chương này) và các thay đổi này đã được chấp thuận tại thông báo số 3884/BQL-TNMT của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng ngày 01/9/2021. Kết quả như sau:

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 2.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa

Công trình thu gom, xử lý:

Toàn bộ nước mưa mái được thu gom bằng đường ống D110mm về các rãnh thu nước mặt xung quanh nhà xưởng. Hệ thống thu, thoát nước mưa tràn mặt ngoài nhà là hệ thống cống hộp RC300 chạy dọc xung quanh 02 xưởng chính, đầu nối vào đường cống hộp RC400, sau đó đầu vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Đồ Sơn theo hướng tự chảy. Các hố ga thu nước mưa là hố ga hình vuông, kích thước 800 x 800mm.

Phần cặn được định kỳ nạo vét đem xử lý cùng rác thải rắn sinh hoạt của Nhà máy.

Bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước mặt, bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước mặt được đính kèm phụ lục Báo cáo.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom và theo đường ống D110 vào bể tự hoại 3 ngăn sẵn có để xử lý sơ bộ.

- Số lượng: 04 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 50,68 m³

/ 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 1, thể tích 5,75m³

/ 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 2, thể tích 5,75m³

/ 01 bể tại nhà vệ sinh khu nhà bảo vệ, thể tích 3,18m³

/ 01 bể tại nhà vệ sinh cuối nhà xưởng 1, thể tích 36m³

- Mạng lưới thoát nước thải:

+ Sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, nước thải theo đường ống D110 ra ga thu nước, sau đó theo đường ống PVC C2 D160 thoát vào hố ga cuối của Công ty.

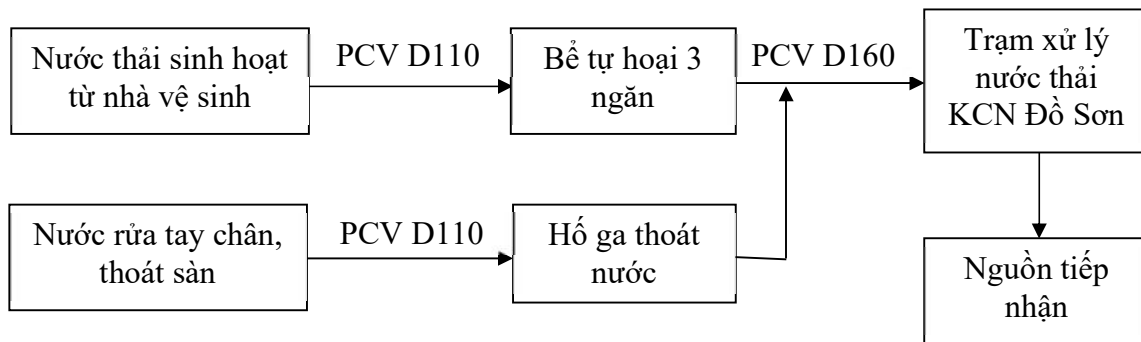
+ Nước rửa chân tay công nhân nhập dòng với nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, theo đường ống PVC C2 D160 thoát vào hố ga cuối cùng trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Đồ Sơn.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

Vị trí xả nước thải là hố ga cuối cùng trước khi đấu nối với hệ thống thoát nước chung của KCN. Hố ga có kích thước 800 x 800 x 1000mm, có bố trí nắp đậy bằng bê tông.

Phương án thoát nước: theo hướng tự chảy.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải:



Hình 2.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

1.3. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản phẩm

- Buồng thải sản phẩm: thể tích 1,5m³.

- Quy trình vận hành:

Sản phẩm được đưa vào khay của buồng thải. Nước thải sản phẩm đi từ dưới lên trên và phun lên bề mặt sản phẩm (giàn mưa), nước rơi xuống dưới theo đường ống chảy về bể chứa nước (thể tích 0,5m³) đặt dưới buồng thải sản phẩm. Nước sử dụng là nước sạch, sau khi thải sản phẩm được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường.

- Định kỳ, Công ty tiến hành vệ sinh bồn và xả nước chứa cặn vào hệ thống thoát nước thải của Nhà máy, tần suất xả cặn 6 tháng/lần.

Cặn lắng tại bồn được thu gom, xử lý cùng chất thải công nghiệp của Nhà máy.

1.4. Xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng: Bể tự hoại 3 ngăn

- Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom vào 04 bể tự hoại 3 ngăn bố trí tại khu vực nhà văn phòng, khu nhà xưởng, nhà bảo vệ.

- Số lượng: 04 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 50,68 m³. Trong đó:

+ 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 1, thể tích 5,75m³

Kích thước: 2,5 x 2 x 1,15 (m)

+ 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 2, thể tích 5,75m³

Kích thước: 2,5 x 2 x 1,15 (m)

+ 01 bể tại nhà vệ sinh khu nhà bảo vệ, thể tích 3,18m³

Kích thước: 1,99 x 1,39 x 1,15 (m)

+ 01 bể tại nhà vệ sinh cuối nhà xưởng 1, thể tích 36m³

Kích thước: 6 x 4 x 1,5 (m)

* Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật. Đầu tiên, nước thải chảy vào ngăn chứa, cặn và các chất lơ lửng được giữ lại. Tại đây xảy ra phản ứng phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ, tạo ra khí như CH₄, CO₂, H₂S...

Sau khi qua ngăn chứa, phần lớn các chất hữu cơ được xử lý, nước thải tự chảy qua ngăn lắng. Tại đây, phần các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, đồng thời tiếp tục diễn ra các phản ứng phân hủy kỵ khí để xử lý các chất hữu cơ còn lại.

Sau đó nước thải qua ngăn lọc. Tại đây có bố trí các lớp vật liệu lọc để giữ lại các thành phần lơ lửng còn lại trong nước, đồng thời hấp phụ một số chất ô nhiễm trong nước thải, rồi thoát ra ngoài qua ống dẫn.

Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí. Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý. Hiệu suất xử lý của bể tự hoại 3 ngăn đạt 60-65%.

Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn vào hồ ga cuối cùng rồi thoát về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đồ Sơn để xử lý tiếp. Chất lượng nước thải sau xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn.

Chi tiết bể tự hoại 3 ngăn được đính kèm tại phụ lục Báo cáo.

Bảng 3.1. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào TXLNT tập trung của KCN Đồ Sơn

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn
1.	Nhiệt độ	oC	45
2.	pH	-	5-9
3.	Độ màu	Co-Pt	-
4.	BOD5 (20oC)	mg/l	100
5.	COD	mg/l	400
6.	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7.	Asen (As)	mg/l	0,5
8.	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01
9.	Chì (Pb)	mg/l	1
10.	Cadimi (Cd)	mg/l	0,5
11.	Crom (Cr VI)	mg/l	0,5
12.	Crom (CrIII)	mg/l	2
13.	Đồng (Cu)	mg/l	5
14.	Kẽm (Zn)	mg/l	5
15.	Niken (Ni)	mg/l	2

16.	Mangan (Mn)	mg/l	5
17.	Sắt (Fe)	mg/l	10
18.	Thiếc (Sn)	mg/l	-
19.	Cyanua (CN)	mg/l	0,2
20.	Phenol (C6H6O)	mg/l	1
21.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
22.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	30
23.	S2- Sunfua	mg/l	1
24.	F2- Florua	mg/l	15
25.	Ammonia (NH4+)	mg/l	15
26.	Tổng N (T-N)	mg/l	60
27.	Tổng P (T-P)	mg/l	8
28.	Clorua (Cl-)	mg/l	1000
29.	Cặn Clo (Cl2) (Clo dư)	mg/l	-
30.	Hóa chất bảo vệ thực vật” Photpho hữu cơ	mg/l	-
31.	Hóa chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/l	-
32.	PCB	mg/l	-
33.	Cloriform	Mpn/100ml	-
34.	Tổng hoạt độ phóng xạ Alpha	Bq/l	-
35.	Tổng hoạt độ phóng xạ Beta	Bq/l	-

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình, thiết bị thu gom khí thải từ hoạt động hàn SMT

2.1.1. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại máy SMT được thu qua các miệng ống hút hình phễu đường kính 250mm, đưa về hệ thống xử lý đặt phía ngoài nhà xưởng. Đường ống dẫn khí thải là ống nhựa PVC đường kính 200-300mm.



Hình 2.3. Hình ảnh ống hút khí, nguyên lý thu khí của các máy hàn tại công đoạn SMT

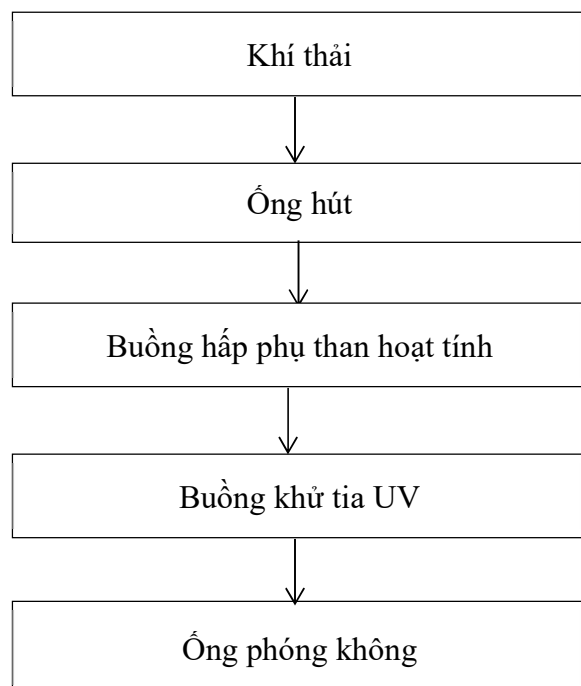
2.1.2. Công trình xử lý khí thải đã được xây dựng, lắp đặt

* Đơn vị thiết kế, thi công: Công ty TNHH Xây lắp thương mại Khởi Đạt

* Công trình thu gom, xử lý khí thải

Dự án đầu tư hệ thống xử lý khí thải đồng bộ, công nghệ xử lý là hấp phụ khí thải bằng than hoạt tính sau đó xử lý bằng tia UV.

Sơ đồ quy trình công nghệ được mô tả như sau:



Hình 2.4. Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống thu gom, xử lý khí thải

Thuyết minh quy trình:

Hệ thống xử lý khí thải là buồng hấp phụ bằng màng lọc than hoạt tính. Kích thước buồng 1.750 x 1.040 x 1.150 mm, bên trong là các khay than hoạt tính xếp song song nhau theo chiều dọc. VOC được hấp phụ trên bề mặt khay than.

Sau khi qua buồng hấp phụ than hoạt tính, khí thải tiếp tục đi qua buồng khử khí thải bằng tia UV. Buồng khử tia UV bao gồm hệ thống các đèn chiếu sáng có khả năng sản sinh ra tia UV, dưới tác dụng của nguồn năng lượng sinh ra từ tia UV phân giải phân tử Oxy thành các nguyên tử Oxy. Oxy phân tử kết hợp với Oxy nguyên tử tạo thành Ozone, khí Ozone có khả năng oxy hóa mạnh sẽ phá hủy cấu trúc các khí độc bền vững, đặc biệt là các chất hữu cơ cao phân tử thành các chất hữu cơ phân tử thấp, không độc hại, từ đó làm giảm nồng độ của các khí thải độc hại.

Sau khi qua buồng khử tia UV, khí thải được thải ra môi trường qua ống phóng không cao khoảng 6m tính từ mặt đất.

*** Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải công đoạn SMT**

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	- Vị trí: đặt tại vị trí phát sinh khí thải - Dự án bố trí 02 máy hàn SMT, mỗi máy hàn bố trí 02 chụp hút. Tổng số: 04 chụp hút. - Đường kính ống hút: D200-D300 Đảm bảo thu gom toàn bộ nguồn thải phát sinh
2	Quạt hút (chính, phụ, tổng...)	- Số lượng: 01 cái - Công suất quạt hút: 15.000m ³ /h
3	Đường ống dẫn	+ Kích thước: Đường ống nhánh: d200, d300 Đường ống chính: d300 + Vật liệu: đường ống chính nhựa PVC; đường ống nhánh là nhựa mềm có thể điều chỉnh được
4	Buồng lọc than hoạt tính	+ Số lượng: 01 buồng + Kích thước buồng: 1.750 x 1.040 x 1.150 mm + Kích thước cửa buồng: 750x900mm + Kích thước khay than hoạt tính: 860 x 450 x 100mm + Số khay than: 6
5	Buồng khử tia UV	+ Số lượng: 01 buồng + Kích thước buồng: 970 x 1.150 x 690 mm + Công suất đèn chiếu: 114W + Số lượng đèn: 04 bóng

2.2. Biện pháp giảm thiểu hơi, khói hàn từ khu vực quét kem hàn, hàn thủ công

Do khối lượng hàn thủ công không lớn, tại khu vực này, chủ dự án sẽ không áp dụng biện pháp thu gom, xử lý khí thải cục bộ, các giải pháp được áp dụng cụ thể như sau:

- Trang bị bảo hộ cá nhân cho công nhân (găng tay, khẩu trang, mũ kính chuyên dụng cho hoạt động cơ khí) đồng thời tăng cường thông gió cưỡng bức kết hợp với thông gió tự nhiên để đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân lao động.

- Giải pháp thông gió cưỡng bức: Tại vị trí làm việc, có lắp đặt các quạt điện di động, để đảm bảo hơi hữu cơ không tập trung ảnh hưởng đến công nhân làm việc.

- Tại các vị trí này, chủ đầu tư cam kết thực hiện giám sát môi trường lao động định kỳ, trường hợp phát hiện các chỉ tiêu giám sát vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, chủ dự án sẽ thực hiện việc lắp đặt các thiết bị thu gom, xử lý khí thải phát sinh đảm bảo quy định và thực hiện chương trình giám sát nguồn thải theo quy định.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của phương tiện cá nhân ra vào dự án.

Theo tính toán đã nêu trong Đánh giá tác động môi trường của dự án, lượng bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động vận tải và phương tiện cá nhân tại dự án thấp hơn rất nhiều so với các QCVN hiện hành. Tuy nhiên Công ty vẫn áp dụng một số biện pháp để giảm thiểu tác động đến môi trường từ nguồn phát sinh này như:

- Đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án và phương tiện của cán bộ công nhân viên, sử dụng các phương tiện đã qua kiểm định.

- Đề xuất các biện pháp quản lý giao thông như: bố trí bảo vệ hướng dẫn, đảm bảo tuân thủ theo đúng nội quy, quy chế trong công ty, các phương tiện ra vào phải đúng quy định hướng dẫn của bảo vệ.

- Bố trí các loại xe ra vào bãi đỗ xe hợp lý, phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của phòng bảo vệ.

- Tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông.

- Thường xuyên quét sân, đường, tưới nước xung quanh tạo độ ẩm để giảm lượng bụi vào không khí trong những ngày nắng to, gió nhiều.

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên trong Công ty để họ ý thức được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Công ty cổ phần Phương Bắc trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy định trước khi tiếp nhận mặt bằng để triển khai thực hiện dự án.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải công nghiệp:

- Kho có diện tích 37,4 m², nằm cuối nhà xưởng sản xuất.

- Kết cấu: tường sandwich panel, trần thạch cao, nền chống thấm, tách biệt với khu vực xung quanh.

- Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp với Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng, số 2021/TORSHARE-ĐT/RCN ngày 20/3/2021.

Bảng 3.2. Khối lượng chất thải rắn sản xuất của dự án (100% công suất)/

STT	Danh mục	Khối lượng (tấn/năm)
1	Thùng carton, bao bì chứa linh kiện nhập về	50
2	Thùng carton lỗi	0,05
3	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại	0,953
4	Lõi cuộn tem mác thải bỏ	0,1
5	Giấy tờ hoạt động văn phòng	0,5
5	Tổng	51,603

Như vậy, tổng khối lượng chất thải sản xuất của dự án dự báo là **51,603** tấn/năm.

3.2. Công trình thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt

- Số lượng: 03 thùng rác, dung tích 100 lít;

- Vị trí: đặt sau nhà bảo vệ;

- Quy trình: trước giờ thu gom 30-60 phút, chất thải rắn sinh hoạt được chuyển về khu tập kết, chờ đơn vị thu gom đến mang đi xử lý.

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty CP công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng số 31.3/2021/HĐTĐ-VC ngày 20/1/2021. Tần suất thu gom 1 lần/ngày.

* Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xác định như sau:

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giấy, nylon bọc thực phẩm, thực phẩm thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống,... Lượng rác bình quân theo đầu người khoảng 0,5 kg/người/ca làm việc (Giáo trình quản lý CTR – NXB Xây Dựng – GS.TS Trần Hiếu Nhuệ), với số lượng công nhân viên của Dự án là 300 người thì lượng rác thải sinh hoạt khoảng:

$$300 \text{ người} \times 0,5 \text{ kg/người/ngày} = 150 \text{ kg/ngày}$$

Các công trình này được thực hiện theo đúng Báo cáo ĐTM được phê duyệt (Hồ sơ hoàn công đính kèm theo trong phần Phụ lục của Báo cáo).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các nguồn phát sinh CTNH của Công ty như sau:

- Sản phẩm lỗi hỏng là linh kiện điện tử thải (bản mạch PCB, hạt đèn LED, hộp nguồn điện).
- Vỏ bao bì chứa hóa chất thải gồm vỏ lọ kem hàn, lọ keo silicon, cồn ethanol thải
- Bao tay, giẻ lau phát sinh từ hoạt động làm sạch chứa cồn ethanol
- Giẻ lau dính dầu phát sinh từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị
- Than hoạt tính sử dụng tại hệ thống xử lý khí thải

CTNH phát sinh trong quá trình vận hành được liệt kê tại bảng sau:

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hàng năm của Công ty

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Sản phẩm linh kiện điện tử lỗi hỏng có thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất	802	19 02 06
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	329,675	18 01 02
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	1.100	18 02 01
4	Dầu thải	50	07 03 05
5	Mực in thải	2	08 02 01
6	Hộp mực in thải	10	08 02 04
7	Bóng đèn huỳnh quang	50	16 01 06
8	Than hoạt tính thải	767	12 01 04
9	Chất thải có chứa thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	20	19 12 03
	Tổng	3.130	

- Kho có diện tích 12,2 m².
- Kết cấu:
 - + Tường gạch, riêng mặt phía trước phía dưới xây gạch, phía trên có gắn lưới mắt cáo;
 - + Trần thạch cao;
 - + Nền láng xi măng chống thấm.
- Trong nền kho có thiết kết rãnh, ga thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng sự cố đổ tràn.

- Trong kho có bố trí bình chữa cháy cầm tay. Ngoài kho có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định;

- Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, có dán nhãn, biển cảnh báo đối với từng loại chất thải nguy hại.

- Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng, số 2021/TORSHARE-ĐT/CTNH ngày 20/3/2021. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Cơ sở, Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng theo đúng nội dung ĐTM đã được phê duyệt (Hồ sơ hoàn công đính kèm theo trong phần Phụ lục của Báo cáo).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn gây ra do hoạt động của các máy móc thiết bị và các phương tiện giao thông gây ra, các biện pháp sau đây được áp dụng:

Trong quá trình làm việc của Nhà máy sẽ sinh ra nhiệt độ chủ yếu tại khu gia nhiệt (máy hàn, tủ sấy...). Nhà máy sẽ áp dụng một số giải pháp như sau: Bố trí hợp lý các thiết bị sinh nhiệt để giảm thiểu nhiệt đối lưu ra khu vực xung quanh. Các thiết bị máy gia nhiệt (hàn SMT, máy sấy) có thiết kế lớp bảo ôn cách nhiệt để hạn chế thất thoát nhiệt ra ngoài môi trường.

- Lắp đặt hệ thống quạt thông gió nhà xưởng

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng máy móc thiết bị để đảm bảo chất lượng khi vận hành và giảm tiếng ồn.

- Các phương tiện giao thông hạn chế sử dụng còi trong khu vực, hạn chế tốc độ khi ra vào đường nội bộ trong KCN và trong sân bãi Nhà máy;

- Có kế hoạch xuất nhập nguyên liệu, hàng hóa hợp lý, tránh các hoạt động về đêm của các phương tiện giao thông;

- Các công trình đều được thiết kế xây dựng bằng các vật liệu cách âm, giảm thiểu lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân (nút tai chống ồn, quần áo, găng tay bảo hộ) cho công nhân (đặc biệt là các vị trí có nguồn ồn, nguồn nhiệt cao).

- Toàn bộ xưởng sản xuất được lắp đặt hệ thống điều hòa, 40 bộ điều hòa âm trần công suất 50.000 BTU và 01 bộ điều hòa treo tường công suất 18.000 BTU.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

** An toàn lao động*

+ Thiết lập nội quy Công ty và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm túc để bảo vệ chính bản thân mình.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như khẩu trang, quần áo bảo hộ, ...

+ Niêm yết quy trình vận hành của dây chuyền sản xuất để công nhân được biết, hạn chế tình trạng vận hành sai gây sự cố đáng tiếc.

+ Nhà xưởng thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn công nghiệp về mức độ thông gió, điều kiện chiếu sáng... tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân.

+ Nhà máy sẽ thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

+ Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ môi trường đồng thời vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở.

+ Sẽ phối hợp với đơn vị quan trắc có chức năng quan trắc môi trường không khí tại xưởng sản xuất nhằm đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu đang áp dụng để đảm bảo rằng công nhân được làm việc trong môi trường an toàn, không độc hại.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố tiến hành sơ cứu người bị nạn và đưa người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất để cấp cứu.

** Sự cố hóa chất*

Thực hiện lập, ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số 32/2017/TT-BCT quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhất là trong quá trình sử dụng công ty sẽ triển khai các biện pháp sau:

- + Trang bị bảo hộ cá nhân như găng tay không thấm nước, quần áo bảo hộ,...
- + Đảm bảo điều kiện thông gió tốt tại xưởng sản xuất
- + Khi xảy ra sự cố tràn đổ: cảnh báo công nhân về nguy cơ trơn trượt, tránh để dầu/hóa chất xâm nhập vào cống, hệ thống thoát nước, nguồn nước. Sử dụng thiết bị hấp phụ để thu gom dầu/hóa chất tràn đổ.

+ Khi có hỏa hoạn: sử dụng các phương tiện chữa cháy như bình bột hóa chất, bình CO₂, bọt,... để chữa cháy

+ Trong quá trình sử dụng dầu, nếu dầu dính vào mắt thì ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước, nếu dính vào da thì rửa sạch với xà phòng và nước.

+ Niêm yết thông tin MSDS (phiếu an toàn hóa chất) của các loại hóa chất: Cồn Ethanol,... tại các vị trí sử dụng, phiếu an toàn hóa chất có đầy đủ thông tin chỉ dẫn biện pháp lưu giữ, ứng phó sự cố hóa chất phù hợp và biện pháp ứng phó, giảm thiểu tác động ảnh hưởng của chúng đối với môi trường và con người. Các giải pháp này sẽ được cụ thể hóa tại biện pháp ứng phó sự cố hóa chất của nhà máy.

** Sự cố cháy nổ*

Nhà xưởng có thuê lại của Công ty cổ phần Phương Bắc đã lắp đặt hệ thống PCCC cho toàn nhà máy và được cơ quan phòng cháy chữa cháy – công an thành phố nghiệm thu tại văn bản số 12/NT-PC07 ngày 15/01/2020 cụ thể:

- + Bố trí giao thông phục vụ PCCC, đảm bảo an toàn PCCC.
- + Bố trí đầy đủ lối thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn trong nhà xưởng kho chứa.
- + Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Spinkler bằng nước; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy tại nhà xưởng, kho chứa nguyên liệu, thành phẩm.
- + Trang bị phương tiện chữa cháy xách tay tại nhà xưởng, kho chứa chất thải.
- + Lắp đặt đầy đủ hệ thống chống sét
- + Có giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.
- + Kiểm tra hệ thống điện định kỳ.
- + Bố trí 01 bể nước dự trữ PCCC, dung tích 270 m³

Để phù hợp với loại hình sản xuất của dự án mới, Công ty TNHH Torshare Việt Nam đã thuê đơn vị có đủ chức năng thiết kế và đang trình Sở Cảnh sát PCCC thẩm định.

- Định kỳ, phối hợp với đơn vị có chức năng đánh giá tình trạng sử dụng của thiết bị PCCC hiện trạng để cơ sở có phương án thay thế kịp thời.

- Định kỳ 1 năm/lần, Công ty sẽ phối hợp với cơ quan phòng cháy có chức năng thực hiện diễn tập PCCC tại Nhà máy, đồng thời, cử cán bộ tại cơ sở đi tập huấn các lớp về phòng cháy chữa cháy.

- Chủ dự án cam kết sẽ mua bảo hiểm PCCC cho Nhà máy theo đúng quy định
Ngoài ra, chủ dự án sẽ:

+ Để phù hợp với loại hình sản xuất của dự án, chủ đầu tư đã

+ Thường xuyên kiểm tra an toàn PCCC, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy.

+ Kiểm tra an toàn hệ thống thu hồi, chống sét.

+ Thường xuyên đơn đốc nhắc nhở người lao động chấp hành tốt các nội quy, quy định an toàn PCCC.

+ Tổ chức học và thực tập phương án chữa cháy, định kỳ kiểm tra hoạt động của thiết bị, thường xuyên vệ sinh công nghiệp.

+ Quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, nguồn lửa, chất dễ cháy

+ Với vị trí lưu chứa cồn: cồn Ethanol sẽ được lưu chứa tách biệt so với các loại hóa chất khác, khu vực ít có hoạt động thao tác, công nhân qua lại, điều kiện khô ráo, thông gió tốt, cách xa các nguồn nhiệt, các nguồn gây cháy, có dấu hiệu cảnh báo phù hợp. Tại khu vực này có trang bị các thiết bị chữa cháy cầm tay bằng bọt, bột khô,

Khi xảy ra sự cố người phát hiện sớm nhất ngay lập tức phải báo cáo cho giám đốc và Ban chỉ đạo PCCC và báo động toàn Nhà máy, ban quản lý KCN. Khoanh vùng, cô lập sự cố và đảm bảo an toàn khu vực tránh sự cố dây chuyền. Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện cứu hộ, sơ tán người và tài sản. Thực hiện, phối hợp với các đơn vị chức năng trong ứng phó sự cố và khắc phục môi trường sau sự cố.

*** Sự cố hệ thống khí nén**

- Chủ dự án cam kết tất cả bình khí nén đều phải kiểm định kê trước khi đưa vào hoạt động và bắt buộc phải được kiểm định định kỳ. Cán bộ vận hành hệ thống khí nén phải được đào tạo qua lớp Huấn luyện An toàn Vận hành Thiết bị Áp lực và được cấp chứng chỉ mới được vận hành Bình chứa khí nén.

- Ban hành quy trình vận hành máy khí nén.

- Ban hành quy trình xử lý sự cố máy khí nén với các nội dung chính như sau: Đối với máy nén không hoạt động:

+ Kiểm tra các cầu dao, công tắc điện có tiếp xúc tốt hay không? Cầu chì có bị đứt không?

+ Kiểm tra các đường dây điện và các mối nối còn tiếp xúc tốt hay không?

+ Kiểm tra các cơ cấu bảo vệ như role, công tắc ...

Đối với máy nén chạy mãi không ngừng:

+ Kiểm tra áp suất trong bình.

+ Kiểm tra van an toàn xem có hơi xì ra ngoài không.

+ Kiểm tra hệ thống tự động điều khiển máy nén.

+ Kiểm tra máy nén.

Đối với bình bị rò rỉ, xì nước hoặc hơi ở các mối hàn, mối nối:

+ Tắt máy nén.

+ Mở van xả để hạ áp suất trong bình xuống.

+ Kiểm tra xem xét để tìm nguyên nhân xì, rò rỉ và cách khắc phục(nếu được).

Không được sửa chữa, thay thế các bộ phận chịu áp lực của bình trong khi bình đang làm việc hoặc còn áp suất.

+ Báo cáo cho cấp trên biết để cấp trên quyết định cho hoạt động tiếp hoặc ngưng máy sửa chữa, thay thế.

** Rủi ro do thiên tai*

+ Nhà xưởng đã lắp đặt hệ thống chống sét, sử dụng hệ thống bích thu sét bằng thép gồm: kim thu sét, dây dẫn sét, cọc tiếp địa

+ Nơi đỉnh góc và diềm chận mái có bố trí tăng cường kim thu sét làm bằng thép tròn đầu chuốt nhọn, được nối xuống hệ thống tiếp địa thông qua kẹp kiểm tra để định kỳ duy trì theo quy định, điện trở tiếp địa hệ thống cần đảm bảo $R < 10\Omega$.

+ Thành lập đội thường trực phòng chống bão lũ để kịp thời ứng cứu khi có sự cố.

+ Phòng ngừa sự cố do bão, mưa lớn, giông, lốc: bố trí người thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình bão. Thông báo kịp thời tình hình bão cho tất cả cán bộ, công nhân trên công trường để chuẩn bị đối phó với mưa bão, đồng thời kiểm tra

che chắn, chằng buộc, di dời về nơi an toàn tất cả các công trình và máy móc thi công có thể bị hư hại do bão gây ra.

+ Phòng ngừa sự cố do lũ, lụt: Theo dõi thông tin khí tượng thủy văn thường xuyên để có kế hoạch ứng phó kịp thời.

** Sự cố các công trình xử lý chất thải*

Với hệ thống xử lý khí thải được đầu tư, Công ty sẽ kiểm soát các vấn đề sự cố như sau:

+ Bố trí cán bộ kỹ thuật vận hành và ghi nhật ký vận hành hệ thống; thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống đường ống thu gom xử lý khí thải, định kỳ vệ sinh, thay thế các màng lọc theo khuyến cáo của đơn vị chuyên giao thiết bị.

+ Thường xuyên kiểm tra thiết bị xử lý

+ Trường hợp hệ thống gặp sự cố hỏng quạt hút phải tạm dừng hoạt động của máy hàn SMT để khắc phục sự cố.

+ Kiểm tra giám sát chất lượng nước thải tại cửa xả cuối, giám sát môi trường lao động định kỳ để đánh giá hiệu quả của các công trình xử lý, kịp thời phát hiện và xử lý nếu chất lượng nguồn thải không đạt tiêu chuẩn đầu ra

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Trong quá trình triển khai, Dự án có phát sinh các nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM được phê duyệt, cụ thể như sau:

STT	Hạng mục thay đổi	Theo ĐTM	Nội dung thay đổi	Lý do thay đổi
1	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 33 m ³ + 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 1, thể tích 1,5m ³ + 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 2, thể tích 1,5m ³	04 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 50,68 m ³ + 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 1, thể tích 5,75m ³ + 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn	Thực tế, trong quá trình thi công, nhà thầu xây dựng đã bổ sung thêm 01 bể tại nhà vệ sinh, đồng thời mở rộng thể tích các bể tự hoại khác.

		+ 01 bể tại nhà vệ sinh cuối xưởng 1, thể tích 30m ³	phòng số 2, thể tích 5,75m ³ + 01 bể tại nhà vệ sinh khu nhà bảo vệ, thể tích 3,18m ³ + 01 bể tại nhà vệ sinh cuối nhà xưởng số 1, thể tích 36m ³	Từ đó tăng công suất xử lý, tăng hệ số an toàn của bể tự hoại.
3	Công trình thu gom chất thải công nghiệp	Diện tích kho 45,6m ²	Diện tích kho 37,4 m ²	Do quá trình sắp xếp lại mặt bằng nhà máy, Chủ dự án đã bố trí lại diện tích các kho chứa để phù hợp. Tùy tình hình thực tế hoặc khi kho chứa đã đầy, đơn vị thu gom chất thải sẽ đến thu gom, vận chuyển theo quy định.
4	Công trình thu gom chất thải nguy hại	Diện tích kho 7,6m ²	Diện tích kho 12,2 m ²	
5	Công trình thu gom chất thải sinh hoạt	Số lượng: 02 thùng Thể tích: 120 lít	Số lượng: 03 thùng Thể tích: 100 lít	Căn cứ thực tế bố trí cho phù hợp của nhà máy

Các thay đổi này đã được chấp thuận tại thông báo số 3884/BQL-TNMT của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng ngày 01/9/2021

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn, không xả ra môi trường).

Tuy nhiên, Công ty cam kết xả nước thải đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào KCN Đồ Sơn với các nội dung sau:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân làm việc tại Nhà máy.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn.

- Vị trí xả nước thải: hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN.

Toạ độ: $X_m = 2293990.883$; $Y_m = 605871.061$ (Hệ toạ độ VN 2000 Kinh tuyến trục $105^{\circ} 45'$ Múi chiều 3°)

- Lưu lượng nước thải của Công ty: $4.050 \text{ m}^3/\text{năm}$, tương đương $13,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, $1,6875 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (tính cho 300 ngày làm việc, 8h/ngày).

+ Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý từ hố ga cuối tự chảy sang hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN.

+ Chế độ xả nước thải: 8h/ngày.

+ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đạt yêu cầu chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

- Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải không đạt tiêu chuẩn ra môi trường.

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	TC nước thải KCN Đồ Sơn	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	06 tháng/lần
2	TSS	mg/l	200	
3	COD	mg/l	400	
4	BOD	mg/l	100	
5	Amoni	mg/l	15	
6	Tổng N	mg/l	60	
7	Tổng P	mg/l	8	
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	30	
9	Coliforms	MPN/100ml	-	

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải: Công ty có 01 nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ các máy hàn SMT

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

* Vị trí xả khí thải:

Khí thải từ ống phóng không của hệ thống xử lý khói hàn máy hàn SMT: Tọa độ: X: 2294653.9; Y: 683920 (Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 105⁰ 45' Múi chiều 3⁰)

* Lưu lượng xả khí thải tối đa: 15.000 m³/giờ

- Lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép:

Lưu lượng tối đa được cấp phép: không quá 15.000m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: liên tục bằng quạt cưỡng bức.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn: gồm 3 nguồn sau đây:

+ Nguồn số 01: Máy bắt vít (khu vực bắt vít)

+ Nguồn số 02: Khu vực hàn thủ công

+ Nguồn số 03: Khu vực đóng bao thành phẩm

- Nguồn phát sinh độ rung:

+ Nguồn số 01: Máy bắt vít (khu vực bắt vít)

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ:

- Nguồn số 01: X: 2294012.207; Y: 605813.072

- Nguồn số 02: X: 2298221.064; Y: 605764.808.

- Nguồn số 03: X: 2294044.533; Y: 605777.143.

Tọa độ được xác định theo kinh tuyến trực và múi chiều của Hải Phòng, như sau:
kinh tuyến trực 105 độ 45'; múi chiều 3độ.

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Nguồn tiếng ồn	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6h (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Nguồn 01	85	-	06 tháng/lần	QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
2	Nguồn 02	85	-		
3	Nguồn 03	85	-		

Bảng 4.4. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Nguồn rung động	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Nguồn 01	1,4 m/s ²	06 tháng/lần	QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

4. Yêu về quản lý chất thải, phòng ngừa, ứng phó sự cố, tai biến môi trường:

4.1. Yêu cầu về quản lý chất thải;

4.1.1. Chứng loại, khối lượng phát sinh:

* Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Sản phẩm linh kiện điện tử lỗi hỏng có thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất	802	19 02 06
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	329,675	18 01 02
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	1.100	18 02 01
4	Dầu thải	50	07 03 05
5	Mực in thải	2	08 02 01
6	Hộp mực in thải	10	08 02 04
7	Bóng đèn huỳnh quang	50	16 01 06
8	Than hoạt tính thải	767	12 01 04
9	Chất thải có chứa thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	20	19 12 03
	Tổng	3.130	

* Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Danh mục	Khối lượng (tấn/năm)
1	Thùng carton, bao bì chứa linh kiện nhập về	50
2	Thùng carton lỗi	0,05
3	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại	0,953
4	Lõi cuộn tem mác thải bỏ	0,1
5	Giấy tờ hoạt động văn phòng	0,5
5	Tổng	51,603

* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **45 tấn/năm**

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

* Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ

Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 12,2 m²

- Kết cấu:

+ Tường gạch, riêng mặt phía trước phía dưới xây gạch, phía trên có gắn lưới mắt cáo;

+ Trần thạch cao;

+ Nền láng xi măng chống thấm.

- Trong nền kho có thiết kết rãnh, ga thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng sự cố đổ tràn.

- Trong kho có bố trí bình chữa cháy cầm tay. Ngoài kho có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định;

- Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, có dán nhãn, biển cảnh báo đối với từng loại chất thải nguy hại.

Đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: diện tích 37,4 m².

- Kết cấu: tường sandwich panel, trần thạch cao, nền chống thấm, tách biệt với khu vực xung quanh. Khu vực chứa chất thải thông thường đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Thiết bị lưu chứa: 03 thùng rác, dung tích 100 lít. Các thùng chứa có nắp đậy

- Vị trí: đặt sau nhà bảo vệ;

- Quy trình: trước giờ thu gom 30-60 phút, chất thải rắn sinh hoạt được chuyển về khu tập kết, chờ đơn vị thu gom đến mang đi xử lý.

4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

** An toàn lao động*

+ Thiết lập nội quy Công ty và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm túc để bảo vệ chính bản thân mình.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như khẩu trang, quần áo bảo hộ, ...

+ Niêm yết quy trình vận hành của dây chuyền sản xuất để công nhân được biết, hạn chế tình trạng vận hành sai gây sự cố đáng tiếc.

+ Nhà xưởng thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn công nghiệp về mức độ thông gió, điều kiện chiếu sáng... tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân.

+ Nhà máy sẽ thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

+ Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ môi trường đồng thời vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở.

+ Sẽ phối hợp với đơn vị quan trắc có chức năng quan trắc môi trường không khí tại xưởng sản xuất nhằm đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu đang áp dụng để đảm bảo rằng công nhân được làm việc trong môi trường an toàn, không độc hại.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố tiến hành sơ cứu người bị nạn và đưa người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất để cấp cứu.

** Sự cố hóa chất*

Thực hiện lập, ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số 32/2017/TT-BCT quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhất là trong quá trình sử dụng công ty sẽ triển khai các biện pháp sau:

+ Trang bị bảo hộ cá nhân như găng tay không thấm nước, quần áo bảo hộ,...

- + Đảm bảo điều kiện thông gió tốt tại xưởng sản xuất
- + Khi xảy ra sự cố tràn đổ: cảnh báo công nhân về nguy cơ trơn trượt, tránh để dầu/hóa chất xâm nhập vào cống, hệ thống thoát nước, nguồn nước. Sử dụng thiết bị hấp phụ để thu gom dầu/hóa chất tràn đổ.
- + Khi có hỏa hoạn: sử dụng các phương tiện chữa cháy như bình bột hóa chất, bình CO₂, bọt,... để chữa cháy
- + Trong quá trình sử dụng dầu, nếu dầu dính vào mắt thì ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước, nếu dính vào da thì rửa sạch với xà phòng và nước.
- + Niêm yết thông tin MSDS (phiếu an toàn hóa chất) của các loại hóa chất: Cồn Ethanol,... tại các vị trí sử dụng, phiếu an toàn hóa chất có đầy đủ thông tin chỉ dẫn biện pháp lưu giữ, ứng phó sự cố hóa chất phù hợp và biện pháp ứng phó, giảm thiểu tác động ảnh hưởng của chúng đối với môi trường và con người. Các giải pháp này sẽ được cụ thể hóa tại biện pháp ứng phó sự cố hóa chất của nhà máy.

** Sự cố cháy nổ*

Nhà xưởng có thuê lại của Công ty cổ phần Phương Bắc đã lắp đặt hệ thống PCCC cho toàn nhà máy và được cơ quan phòng cháy chữa cháy – công an thành phố nghiệm thu tại văn bản số 12/NT-PC07 ngày 15/01/2020 cụ thể:

- + Bố trí giao thông phục vụ PCCC, đảm bảo an toàn PCCC.
- + Bố trí đầy đủ lối thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn trong nhà xưởng kho chứa.
- + Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Spinkler bằng nước; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy tại nhà xưởng, kho chứa nguyên liệu, thành phẩm.
- + Trang bị phương tiện chữa cháy xách tay tại nhà xưởng, kho chứa chất thải.
- + Lắp đặt đầy đủ hệ thống chống sét
- + Có giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.
- + Kiểm tra hệ thống điện định kỳ.
- + Bố trí 01 bể nước dự trữ PCCC, dung tích 270 m³

Để phù hợp với loại hình sản xuất của dự án mới, Công ty TNHH Torshare Việt Nam đã thuê đơn vị có đủ chức năng thiết kế và đang trình Sở Cảnh sát PCCC thẩm định.

- Định kỳ, phối hợp với đơn vị có chức năng đánh giá tình trạng sử dụng của thiết bị PCCC hiện trạng để cơ sở có phương án thay thế kịp thời.

- Định kỳ 1 năm/lần, Công ty sẽ phối hợp với cơ quan phòng cháy có chức năng thực hiện diễn tập PCCC tại Nhà máy, đồng thời, cử cán bộ tại cơ sở đi tập huấn các lớp về phòng cháy chữa cháy.

- Chủ dự án cam kết sẽ mua bảo hiểm PCCC cho Nhà máy theo đúng quy định

Ngoài ra, chủ dự án sẽ:

+ Để phù hợp với loại hình sản xuất của dự án, chủ đầu tư đã

+ Thường xuyên kiểm tra an toàn PCCC, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy.

+ Kiểm tra an toàn hệ thống thu lôi, chống sét.

+ Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở người lao động chấp hành tốt các nội quy, quy định an toàn PCCC.

+ Tổ chức học và thực tập phương án chữa cháy, định kỳ kiểm tra hoạt động của thiết bị, thường xuyên vệ sinh công nghiệp.

+ Quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, nguồn lửa, chất dễ cháy

+ Với vị trí lưu chứa cồn: cồn Ethanol sẽ được lưu chứa tách biệt so với các loại hóa chất khác, khu vực ít có hoạt động thao tác, công nhân qua lại, điều kiện khô ráo, thông gió tốt, cách xa các nguồn nhiệt, các nguồn gây cháy, có dấu hiệu cảnh báo phù hợp. Tại khu vực này có trang bị các thiết bị chữa cháy cầm tay bằng bột, bột khô,

Khi xảy ra sự cố người phát hiện sớm nhất ngay lập tức phải báo cáo cho giám đốc và Ban chỉ đạo PCCC và báo động toàn Nhà máy, ban quản lý KCN. Khoanh vùng, cô lập sự cố và đảm bảo an toàn khu vực tránh sự cố dây chuyền. Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện cứu hộ, sơ tán người và tài sản. Thực hiện, phối hợp với các đơn vị chức năng trong ứng phó sự cố và khắc phục môi trường sau sự cố.

** Sự cố hệ thống khí nén*

- Chủ dự án cam kết tất cả bình khí nén đều phải kiểm định kê trước khi đưa vào hoạt động và bắt buộc phải được kiểm định định kỳ. Cán bộ vận hành hệ thống khí nén phải được đào tạo qua lớp Huấn luyện An toàn Vận hành Thiết bị Áp lực và được cấp chứng chỉ mới được vận hành Bình chứa khí nén.

Đối với bình bị rò rỉ, xì nước hoặc hơi ở các mối hàn, mối nối:

+ Tắt máy nén.

+ Mở van xả để hạ áp suất trong bình xuống.

+ Kiểm tra xem xét để tìm nguyên nhân xì, rò rỉ và cách khắc phục(nếu được).

Không được sửa chữa, thay thế các bộ phận chịu áp lực của bình trong khi bình đang làm việc hoặc còn áp suất.

+ Báo cáo cho cấp trên biết để cấp trên quyết định cho hoạt động tiếp hoặc ngưng máy sửa chữa, thay thế.

** Rủi ro do thiên tai*

+ Nhà xưởng đã lắp đặt hệ thống chống sét, sử dụng hệ thống bích thu sét bằng thép gồm: kim thu sét, dây dẫn sét, cọc tiếp địa

+ Thành lập đội thường trực phòng chống bão lũ để kịp thời ứng cứu khi có sự cố.

+ Phòng ngừa sự cố do bão, mưa lớn, giông, lốc: bố trí người thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình bão. Thông báo kịp thời tình hình bão cho tất cả cán bộ, công nhân trên công trường để chuẩn bị đối phó với mưa bão, đồng thời kiểm tra che chắn, chằng buộc, di dời về nơi an toàn tất cả các công trình và máy móc thi công có thể bị hư hại do bão gây ra.

** Sự cố các công trình xử lý chất thải*

Với hệ thống xử lý khí thải được đầu tư, Công ty sẽ kiểm soát các vấn đề sự cố như sau:

+ Bố trí cán bộ kỹ thuật vận hành và ghi nhật ký vận hành hệ thống; thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống đường ống thu gom xử lý khí thải, định kỳ vệ sinh, thay thế các màng lọc theo khuyến cáo của đơn vị chuyên giao thiết bị.

+ Thường xuyên kiểm tra thiết bị xử lý

+ Trường hợp hệ thống gặp sự cố hỏng quạt hút phải tạm dừng hoạt động của máy hàn SMT để khắc phục sự cố.

+ Kiểm tra giám sát chất lượng nước thải tại cửa xả cuối, giám sát môi trường lao động định kỳ để đánh giá hiệu quả của các công trình xử lý, kịp thời phát hiện và xử lý nếu chất lượng nguồn thải không đạt tiêu chuẩn đầu ra

h). Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Không

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện

1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải

Trong thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, Công ty đã phối hợp với Công ty CP Liên minh Môi trường và Xây dựng (VIMCERT số 185) lấy mẫu, quan trắc chất thải làm căn cứ đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải.

a. Thông tin đơn vị lấy mẫu, phân tích

- Công ty CP Liên Minh môi trường và xây dựng: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu: VIMCERTS 185 (cấp lần 3) kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-BTNMT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà số 75, DV02, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

b. Thời gian lấy mẫu và vị trí lấy mẫu

- Chương trình quan trắc nước thải:

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Thời gian lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu
<i>I</i>	<i>Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý</i>			
1	- Tại hố ga cuối cùng trước khi đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN	pH, BOD, COD, TSS, Dầu mỡ ĐTV, Amoni, Tổng N, Tổng P, coliform	- Lần 1: 8/10/2021 - Lần 2: 22/10/2021 - Lần 3: 5/11/2021 - Lần 4: 19/11/2021 - Lần 5: 6/12/2021	14 ngày/lần
<i>II</i>	<i>Giai đoạn vận hành ổn định</i>			

1	- Tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN	pH, BOD, COD, TSS, Dầu mỡ ĐTV, Amoni, Tổng N, Tổng P, coliform	- Lần 1: 20/12/2021 - Lần 2: 21/12/2021 - Lần 3: 22/12/2021 - Lần 4: 23/12/2021 - Lần 5: 24/12/2021 - Lần 6: 25/12/2021 - Lần 7: 27/12/2021	7 ngày liên tiếp
---	--	--	---	------------------

c. Thiết bị và phương pháp quan trắc

- Danh mục thiết bị quan trắc:

Stt	Tên thiết bị	Model thiết bị	Hãng sản xuất
1	Dụng cụ lấy mẫu nước	-	-
2	Máy đo đa chỉ tiêu (đo pH)	Model 8602	AZ Instrument – Đài Loan

- Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu:

+ Quy trình kỹ thuật quan trắc các thành phần môi trường nước thải áp dụng theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

+ Phương pháp lấy mẫu nước thải theo TCVN 5999:1995: Hướng dẫn lấy mẫu nước thải; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016. Mẫu vi sinh (Coliform) lấy mẫu theo hướng dẫn TCVN 8880:2011.

Kết quả phân tích nước thải so sánh với Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn.

+ Phương pháp lưu giữ mẫu phải phù hợp với thông số quan trắc và kỹ thuật phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm. Mẫu lấy xong phải phân tích ngay, nếu không thì mẫu phải được bảo quản lạnh ở nhiệt độ 5⁰C không quá 24 giờ.

Các mẫu nước để phân tích thành phần hóa học sau khi lấy đều phải được dán mẫu, đặt vào các hộp đựng mẫu và để ở nơi thoáng gió, râm mát, tránh để ở nơi có nhiệt độ cao.

Các mẫu nước để phân tích thành phần vi sinh sau khi lấy phải được đặt trong hộp nước đá hoặc các thiết bị có điều hoà nhiệt độ theo chỉ dẫn của cơ quan y tế.

+ *Phương pháp bảo quản và vận chuyển mẫu:*

/ Thông số đo nhanh như pH được đo đạc bằng thiết bị chuyên dụng có đặc tính kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quan trắc và được ghi chép tại hiện trường.

/ Các thông số kỹ thuật còn lại được lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển theo đúng hướng dẫn về phòng phân tích của Công ty CP Liên Minh môi trường và xây dựng.

- *Phương pháp phân tích:*

+ Phương pháp đo nhanh tại hiện trường:

Stt	Tên thông số	Phương pháp đo	Giới hạn phát hiện/ dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 - 12

+ Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm:

Stt	Tên thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ dải đo
1	TSS	TCVN 6625:2000	2 mg/l
2	BOD5	TCVN 6001-1:2008	1 mg/l
3	COD	SMEWW 5220C:2017	3 mg/l
4	Amoni	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/l
5	Tổng N	TCVN 6638:2000	2 mg/l
6	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,05 mg/l

7	Dầu mỡ ĐTV	SMEWW 5520,B&F:2017	0,3 mg/l
8	Coliform	TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100ml

d. Kết quả quan trắc

- Kết quả đánh giá hiệu suất của từng công đoạn xử lý nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN. Trong quá trình lấy mẫu, nhà máy đang hoạt động.

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Thông số môi trường của dự án								
	pH	TSS	BOD ₅ ²⁰	COD	Amoni	Tổng N	Tổng P	Dầu mỡ ĐTV	Coliforms
	-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100ml
Lần 1	7,23	36	32,1	88	10,8	45	2,02	1,9	6.000
Lần 2	7,65	34	5,8	12	0,1	4,8	<0,05	1	3.900
Lần 3	7,12	45	91	221	7,63	5,21	6,9	1,7	4.600
Lần 4	7,02	40	51,2	119	6,87	7,13	4,05	1,8	4.300
Lần 5	7,31	42	58,6	145	4,27	6,19	2,58	1,6	4.400
Tiêu chuẩn KCN Đồ Sơn	5-9	200	100	400	15	60	8	30	-

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải giai đoạn vận hành ổn định: Thực hiện lấy 07 mẫu nước thải sau xử lý tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN theo các thông số môi trường của dự án đã cam kết thực hiện trong báo cáo ĐTM được phê duyệt. Trong quá trình lấy mẫu, nhà máy đang hoạt động.

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Thông số môi trường của dự án								
	pH	TSS	BOD ₅ ²⁰	COD	Amoni	Tổng N	Tổng P	Dầu mỡ ĐTV	Coliforms
	-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100ml
Ngày thứ nhất	7,7	41	91	265	12,2	44,9	6,7	1,7	3.000

Ngày thứ 2	8,5	43	86	239	11,2	51,4	6,5	2	3.600
Ngày thứ 3	8,4	40	92	270	12,4	47,1	5,2	1,8	3.400
Ngày thứ 4	8,4	42	81	213	13,6	39,2	6,8	1,7	3.500
Ngày thứ 5	8	43	89	245	12,7	48,3	6,6	1,9	3.000
Ngày thứ 6	8,2	40	81	225	13,4	46,8	6,7	2	3.400
Ngày thứ 7	7,8	44	93,7	256	8,5	44,7	6,78	1,6	2.900
Tiêu chuẩn KCN Đồ Sơn	5-9	200	100	400	15	60	8	30	-

Nhận xét: Các thông số được lấy mẫu, phân tích là các thông số đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và trong kế hoạch vận hành thử nghiệm dự án. Các số liệu quan trắc đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn. Sự biến động giá trị của các thông số là không lớn, tương đối ổn định. Điều này cho thấy, hệ thống xử lý nước thải vận hành hiệu quả, ổn định.

Ngày 07/3/2022, Trung tâm đào tạo và tư vấn KHCVN bảo vệ môi trường thủy (VIMCERT 094) tiến hành lấy mẫu quan trắc đối chứng (nhà thầu phụ là Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường – VIMCERT 208), gồm 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN.

- Kết quả phân tích đối chứng mẫu nước:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NT		
1.	pH	-	7,5	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	31	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	10	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	27	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	10,41	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	22,4	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	1,83	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,9	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3.400	TCVN 6187-2:1996	-

Qua kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, các thông số phân tích trong nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP. Như vậy, có thể thấy rằng, hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải phát sinh của dự án.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Trong thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, Công ty đã phối hợp với Công ty CP Liên minh Môi trường và Xây dựng (VIMCERT số 185) lấy mẫu, quan trắc bụi, khí thải làm căn cứ đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải.

a. Thông tin đơn vị lấy mẫu, phân tích

- Công ty CP Liên Minh môi trường và xây dựng: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu: VIMCERTS 185 (cấp lần 3) kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-BTNMT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà số 75, DV02, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

b. Thời gian lấy mẫu và vị trí lấy mẫu

- Chương trình quan trắc bụi, khí thải:

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Thời gian lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu
<i>I</i> <i>Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý</i>				
1	- Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý	Lưu lượng, bụi	- Lần 1: 8/10/2021 - Lần 2: 22/10/2021 - Lần 3: 5/11/2021 - Lần 4: 19/11/2021 - Lần 5: 6/12/2021	14 ngày/lần
<i>II</i> <i>Giai đoạn vận hành ổn định</i>				
1	- Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý	Lưu lượng, bụi	- Lần 1: 20/12/2021 - Lần 2: 21/12/2021	7 ngày liên tiếp

			- Lần 3: 22/12/2021	
			- Lần 4: 23/12/2021	
			- Lần 5: 24/12/2021	
			- Lần 6: 25/12/2021	
			- Lần 7: 27/12/2021	

c. Thiết bị và phương pháp quan trắc

- Danh mục thiết bị quan trắc:

Stt	Tên thiết bị	Model thiết bị	Hãng sản xuất
1	Máy lấy mẫu bụi, đo lưu lượng khí thải	ISOKINETIC EPA5	ESC – Mỹ

- *Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu:*

+ Quy trình kỹ thuật quan trắc các thành phần môi trường khí thải áp dụng theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

+ Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu khí thải theo US EPA Method Kết quả phân tích so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ.

+ *Phương pháp bảo quản và vận chuyển mẫu:*

/ Thông số đo nhanh (lưu lượng) được đo đạc bằng thiết bị chuyên dụng có đặc tính kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quan trắc và được ghi chép tại hiện trường.

/ Thông số bụi được lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển theo đúng hướng dẫn về phòng phân tích của Công ty CP Liên Minh môi trường và xây dựng.

- Phương pháp phân tích:

+ Phương pháp đo nhanh tại hiện trường:

Stt	Tên thông số	Phương pháp đo	Giới hạn phát hiện/ dải đo
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	0 ÷ 4.500.000 m ³ /h

+ Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm:

Stt	Tên thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ dải đo
1	Bụi	US EPA Method 5	10 mg/Nm ³

d. Kết quả quan trắc

- Trong quá trình lấy mẫu, nhà máy đang hoạt động. Thực hiện lấy 05 mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải theo các thông số môi trường của dự án đã cam kết thực hiện trong báo cáo ĐTM được phê duyệt. Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án như sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Thông số môi trường của dự án	
	Lưu lượng	Bụi tổng
	m ³ /h	mg/Nm ³
Lần 1	3.309	34
Lần 2	4.954	43
Lần 3	5.472	39
Lần 4	4.858	37
Lần 5	5.068	40
QCVN 19:2009/BTNMT	-	200

- Trong quá trình lấy mẫu, nhà máy đang hoạt động. Thực hiện lấy 07 mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải theo các thông số môi trường của dự án đã cam kết thực hiện trong báo cáo ĐTM được phê duyệt. Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý khí thải giai đoạn vận hành ổn định như sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Thông số môi trường của dự án	
	Lưu lượng	Bụi tổng
	m^3/h	mg/Nm^3
Ngày thứ nhất	2.747	45
Ngày thứ 2	2.859	42
Ngày thứ 3	3.049	44
Ngày thứ 4	2.948	47
Ngày thứ 5	3.046	43
Ngày thứ 6	3.242	46
Ngày thứ 7	3.169	49
QCVN 19:2009/BTNMT	-	200

Nhận xét: Các thông số được lấy mẫu, phân tích là các thông số đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và trong kế hoạch vận hành thử nghiệm dự án. Các số liệu quan trắc đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ. Sự biến động giá trị của các thông số là không lớn, tương đối ổn định. Điều này cho thấy, hệ thống xử lý khí thải vận hành hiệu quả, ổn định.

Ngày 07/3/2022, Trung tâm đào tạo và tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thủy (VIMCERT 094) tiến hành lấy mẫu quan trắc đối chứng (nhà thầu phụ là Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường – VIMCERT 208), gồm 01 mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải.

- Kết quả phân tích đối chứng mẫu bụi, khí thải như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT		
1	Lưu lượng	m^3/h	4.525	US EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	32,3	US EPA Method 5	200

Qua kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải

đối với bụi và các chất vô cơ. Như vậy, có thể thấy rằng, hệ thống xử lý khí thải của dự án đang hoạt động có hiệu quả.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

Về nước thải: Căn cứ Khoản 2, Điều 97 và Thứ tự 4, Cột 5 Phụ lục XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP với lưu lượng nước thải tối đa chỉ 85,75 m³/ngày đêm, Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ về nước thải.

Về khí thải: Căn cứ Khoản 2, Điều 98 và Thứ tự 8, Cột 5, Phụ lục XXIX, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, với lưu lượng khí thải chỉ 15.000m³/h, Dự án cũng không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ về khí thải.

Tuy nhiên, để luôn theo dõi, giám sát được chất lượng nước thải, khí thải ra môi trường, chủ đầu tư vẫn cam kết thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng 5.1. Chương trình giám sát môi trường khi Dự án đi vào vận hành

TT	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
1	Môi trường không khí (04 điểm)			
	Khu vực hàn SMT (vị trí quét kem hàn)	Bụi, vi khí hậu, 2-[2-(2-hexyloxy)ethoxy]-ethanol, 5 (hoặc 6)- carboxy-4-hexylcyclohex-2-ene-1-octanoic acid, Succinic acid	6 tháng/lần	QCVN 02:2019/BYT QCVN 03:2019/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT 3733/2002/QĐ-BYT
	Khu vực bắn vít	Vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung.		
	Khu vực hàn thủ công	Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, hơi Sn		
	Khu vực đóng bao thành phẩm	Vi khí hậu, tiếng ồn, Etanol		
2	Môi trường nước (01 điểm)			
	Mẫu nước thải tại cống thải cuối của Công ty	pH, BOD, COD, TSS, Dầu mỡ ĐTV, Amoni, Tổng N, Tổng P, coliform	6 tháng/lần	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào KCN Đồ Sơn

3	Khí thải (01 điểm)			
	Ổng phóng không của hệ thống xử lý khói hàn máy hàn SMT	Lưu lượng, bụi, VOCs (2-[2-(2-hexyloxy) ethoxy]-ethanol, 5 (hoặc 6)-carboxy-4-hexylcyclohex-2-ene-1-octanoic acid, Succinic acid)*	6 tháng/lần	QCVN 19: 2009/BTNMT QCVN 20: 2009/BTNMT

Ghi chú:

(*): Với các thông số 2-[2-(2-hexyloxy) ethoxy]-ethanol, 5 (hoặc 6)- carboxy-4-hexylcyclohex-2-ene-1-octanoic acid, Succinic acid đặc trưng trong thành phần kem hàn, hiện tại chưa có quy chuẩn kỹ thuật quy định giá trị nồng độ trong nguồn thải, chưa có phương pháp lấy mẫu, phân tích đủ điều kiện để cấp chứng nhận đủ điều kiện quan trắc theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công ty cam kết khi có phương pháp lấy mẫu, phân tích được công nhận sẽ thực hiện quan trắc đúng quy định.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 5.2. Dự trù kinh phí giám sát môi trường

TT	Các khoản chi	Thành tiền (VNĐ)
1	Chi công khảo sát, lấy mẫu 03 người x 01 ngày x 500.000đ/người/ngày x 02 lần/năm	3.000.000
2	Chi phí phân tích/ 4.970đ x 2	9.940.000
3	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường	8.000.000
4	Thuê xe đi lại và thiết bị đo đạc, lấy mẫu, chi khác	6.000.000
	Tổng	26.940.000

Bảng 5.3. Chi tiết chi phí phân tích mẫu giai đoạn vận hành

TT	Thông số	Số lượng mẫu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Không khí khu vực sản xuất			
1	Khu vực SMT			0
	Vi khí hậu	1	56.000	56.000
	Bụi	1	140.000	140.000
2	Khu vực bản vít			0
	Vi khí hậu	1	56.000	56.000
	Ồn	1	80.000	80.000
	Rung	1	80.000	80.000
3	Khu vực hàn thủ công			0
	Bụi	1	140.000	140.000
	Hơi thiếc	1	600.000	600.000
	Vi khí hậu	1	56.000	56.000
4	Khu vực đóng bao thành phẩm			0
	Vi khí hậu	1	56.000	56.000
	Etanol	1	600.000	600.000
	Ồn	1	80.000	80.000
II	Ống thoát khí			0
1	Ống phóng không của hệ thống xử lý khí khói hàn máy SMT			0
	Lưu lượng	1	300.000	300.000
	Bụi	1	1.200.000	1.200.000
III	Môi trường nước thải			0
1	pH	1	56.000	56.000
2	TSS	1	80.000	80.000
3	BOD ₅	1	200.000	200.000
4	COD	1	120.000	120.000
5	Tổng N	1	150.000	150.000
6	Tổng P	1	140.000	140.000
7	Amoni	1	98.000	98.000
8	Dầu mỡ ĐTV	1	500.000	500.000
9	Coliform	1	182.000	182.000
	Tổng phân tích mẫu			4.970.000

(Đơn giá phân tích mẫu được lấy theo đơn giá thực tế)

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Với quan điểm phát triển bền vững, thực hiện luật bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Torshare Việt Nam cam kết:

- Công ty cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Công ty cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường; đảm bảo các phương án xử lý chất thải của Nhà máy được kiểm soát thường xuyên;

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo luật Bảo vệ môi trường;

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý về môi trường của địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường trong suốt quá trình dự án hoạt động;

- Thông báo kịp thời với các cơ quan chức năng về những sự cố gây ô nhiễm môi trường xảy ra do hoạt động của Dự án để có biện pháp xử lý kịp thời;

- Phối hợp với các cơ quan chức năng về phòng chống thiên tai, an ninh trật tự và các biện pháp xử lý sự cố môi trường.

- Công ty cam kết không sử dụng chất cấm trong quá trình hoạt động, tuân thủ đầy đủ các cam kết, hợp đồng dân sự liên quan đến môi trường.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0202023296

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 04 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 04 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM TORSHARE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NAM TORSHARE

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02258831892

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

148.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng

Tương đương 6.500.000 Đô la Mỹ/USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TORSHARE THÂM QUYẾN (TORSHARE LTD.)

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 91440300565715847P

Ngày cấp: 09/12/2010 Nơi cấp: Cục quản lý giám sát thị trường thành phố Thâm Quyến

Địa chỉ trụ sở chính: 101 và lầu 2, lầu 3, lầu 4, lầu 5 nhà xưởng A, B số 5 đường Dân Doanh khu công nghiệp số 3 khu dân cư Thạch Long, Nhai đạo Thạch Nham, quận Bảo An, Thâm Quyến, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LONG, SHUNCAI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/01/1982

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: ED3693431

Ngày cấp: 29/05/2018

Nơi cấp: Cục quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an
Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: Số 028 tổ 13 ủy ban khu phố Tra Độ, thị trấn Tra Độ, thành phố
Lãnh Thủy Giang, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 15, xóm Trung Dũng, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Anh Tuấn



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **9906690891**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 27 tháng 02 năm 2020

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05: Ngày 28 tháng 12 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9906690891 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 05 năm 2022;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Torshare Việt Nam nộp ngày 18/11/2022.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận nhà đầu tư:

Dự án đầu tư DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM; Mã số dự án 9906690891 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 05 năm 2022; được đăng ký điều chỉnh địa điểm, diện tích, tiến độ góp vốn và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TORSHARE THÂM QUYẾN (Torshare Ltd.).**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 91440300565715847P



Ngày cấp: 09/12/2010

Nơi cấp: Cục quản lý giám sát thị trường Thâm Quyển, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở: 101 và lầu 2, lầu 3, lầu 4, lầu 5 nhà xưởng A, B số 5 đường Dân Doanh, khu công nghiệp số 3, khu dân cư Thạch Long, nhai đạo Thạch Nam, quận Bảo An, thành phố Thâm Quyển, Trung Quốc.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: Li Mantie

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 18/10/1968

Quốc tịch: Trung Quốc

Hộ chiếu số: E82170789

Ngày cấp: 06/7/2016

Cơ quan cấp: Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh - Bộ Công an Trung Quốc

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Tầng 7, toà nhà Hào Dị Thông, đường Khoa Uyển, khu công nghệ cao phía Bắc quận Nam Sơn, thành phố Thâm Quyển, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

Điện thoại: 0755-29016453-8228

Email: martin@ledman.cn

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Torshare Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0202023296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu 27 tháng 4 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 04 tháng 05 năm 2022; Mã số thuế: 0202023296.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành VSIC
Sản xuất, gia công, lắp ráp đèn chiếu sáng trang trí LED, đèn chiếu sáng LED	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

Công ty TNHH Torshare Việt Nam được áp dụng quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án (cho năm sản xuất ổn định): 2.000.000 pcs/năm, tương đương 8.000 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án:

- Lô L4.8B (thuê lại văn phòng và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Phương Bắc), Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.



- Lô đất L5.5B, L5.6A, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 24.991,3 m². Trong đó:

- Lô L4.8B (thuê lại văn phòng và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Phương Bắc): 7.146 m² (Văn phòng: 1.423 m²; Nhà xưởng: 5.723 m²).

- Lô đất L5.5B, L5.6A: 17.845,3 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 148.500.000.000 (một trăm bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu) đồng, tương đương 6.500.000 (sáu triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 148.500.000.000 (một trăm bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu) đồng, tương đương 6.500.000 (sáu triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
	VNĐ	USD			
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Torshare	34.800.000.000	1.500.000	23,07	Tiền mặt	Đã góp đủ tính đến tháng 07 năm 2020
Thâm Quyển (Torshare Ltd.)	45.900.000.000	2.000.000	30,77		Đã góp đủ tính đến tháng 08 năm 2021
	67.800.000.000	3.000.000	46,16		Đã góp đủ tính đến tháng 09 năm 2022
Tổng	148.500.000.000	6.500.000	100		

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 28 tháng 02 năm 2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Phần dự án tại Lô L4.8B (thuê lại văn phòng và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Phương Bắc) đã hoạt động chính thức từ tháng 02 năm 2021.

- Phần dự án tại Lô đất L5.5B, L5.6A thực hiện với tiến độ như sau:

+ Tháng 12 năm 2022: Hoàn thiện thủ tục pháp lý;

+ Tháng 12 năm 2023: Hoàn thiện xây dựng công trình nhà xưởng;

+ Tháng 03 năm 2024: Lắp đặt máy móc, sản xuất thử nghiệm;

+ Tháng 05 năm 2024: Sản xuất chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.



- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Các pháp luật khác có liên quan.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

+ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

+ Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

+ Các pháp luật khác có liên quan.

Điều 3: Các quy định đối với Công ty TNHH Torshare Việt Nam khi thực hiện dự án

1. Chấp hành quy định về lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy, kinh doanh bất động sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty TNHH Torshare Việt Nam chỉ được hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất nếu đáp ứng các quy định tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật về doanh nghiệp chế xuất.

3. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9906690891 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 05 năm 2022.



Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Torshare Việt Nam, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG BAN

Lê Trung Kiên



Số: 82 /QĐ-BQL

Hải Phòng, ngày 08 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam” tại Lô L4.8B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Torshare Việt Nam làm chủ đầu tư

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam” tại Thông báo kết quả thẩm định ngày 30/11/2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 02/CV-TS ngày 10/12/2020 của Công ty TNHH Torshare Việt Nam;



Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Torshare Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại Lô L4.8B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát.

3. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Giám đốc Công ty TNHH Torshare Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LDB;
- UBND: quận Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên;
- Như Điều 4;
- Các Phòng: TNMT (02), QHXD, VP Đại diện;
- Công ty Liên doanh KCN Đồ Sơn;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Số: 1015 /BQL-TNMT

Hải Phòng, ngày 05 tháng 4 năm 2022

V/v thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam”

Kính gửi: Công ty TNHH Torshare Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Văn bản số 2903/CV-TS ngày 29/3/2022 của Công ty TNHH Torshare Việt Nam về việc báo cáo kết quả thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam”, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam” tại Lô L4.8B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Torshare Việt Nam làm chủ đầu tư như sau:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

*** Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa:**

- Quy mô: gồm mạng lưới đường ống PVC D110 dẫn nước mưa từ mái nhà; hệ thống cống hộp RC300, RC400; các hố ga thu nước mưa kích thước 800x800 mm;

- Quy trình: nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó đầu nối với hệ thống thoát mặt của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng.

*** Công trình thu gom và xử lý nước thải:**

- Nước thải từ nhà vệ sinh: xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 50,68 m³ (01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 1, thể tích 5,75m³; 01 bể tại nhà vệ sinh khu văn phòng số 2, thể tích 5,75m³; 01 bể tại nhà vệ sinh khu nhà bảo vệ, thể tích 3,18m³; 01 bể tại nhà vệ sinh cuối nhà xưởng 1, thể tích 36m³).

- Quy trình: nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn về hố ga cuối của dự án trước khi về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

*** Công trình thu gom nước thải sản xuất:**

- Buồng thử sản phẩm: thể tích 1,5m³.

- Quy trình: sản phẩm được đưa vào khay của buồng thử. Nước thử sản phẩm đi từ dưới lên trên và phun lên bề mặt sản phẩm (giàn mưa), nước rơi xuống dưới theo đường ống chảy về bể chứa nước đặt dưới buồng thử sản phẩm. Nước sử dụng là nước sạch, sau khi thử sản phẩm được tuần hoàn tái sử dụng,



không thải ra ngoài môi trường. Định kỳ, thực hiện vệ sinh bồn và xả nước chứa cặn vào hệ thống thoát nước thải của nhà máy, tần suất xả thải 6 tháng/lần. Khối lượng xả 1 lần là 1,5 m³, cặn lắng tại bồn được thu gom xử lý cùng chất thải công nghiệp.

Đánh giá: Các công trình xử lý nước thải vận hành ổn định. Kết quả phân tích các mẫu nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đồ Sơn Hải Phòng.

2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý hơi VOCs từ hoạt động hàn SMT:

- Số lượng: 01 hệ thống;
- Công suất quạt hút: 15.000 m³/h;
- Thông số kỹ thuật của hệ thống như sau:
 - + Chụp hút: (Dự án bố trí 02 máy hàn SMT, mỗi máy hàn bố trí 02 chụp hút, tổng số 04 chụp hút);
 - + Quạt hút: 01 cái, lưu lượng: 15.000 m³/h;
 - + Buồng lọc bằng than hoạt tính: 01 buồng (kích thước 1.750 x 1.040 x 1.150 mm);
 - + Buồng UV: Số lượng: 01 buồng (kích thước buồng: 970 x 1.150 x 690 mm).

- Quy trình: Bụi khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại máy SMT được thu qua các miệng ống hút đưa về hệ thống xử lý đặt bên ngoài nhà xưởng. Đầu tiên khí thải đi vào buồng hấp phụ bằng than hoạt tính, buồng hấp phụ bằng than hoạt tính gồm 03 khay than hoạt tính được xếp song song nhau, VOC được hấp phụ một phần trên bề mặt các khay than. Sau khi qua buồng hấp phụ than hoạt tính, khí thải tiếp tục đi qua buồng khử khí thải bằng tia UV, tại buồng khử UV gồm hệ thống các đèn chiếu sáng có khả năng sản sinh ra tia UV, dưới tác dụng của nguồn năng lượng sinh ra từ tia UV phân giải phân tử Oxy thành các Oxy nguyên tử, Oxy nguyên tử kết hợp với Oxy phân tử tạo ra Ozone, khí Ozone với khả năng oxy hóa mạnh sẽ phá hủy cấu trúc các chất khí độc bền vững, đặc biệt là các chất hữu cơ cao phân tử thành các chất hữu cơ phân tử thấp, không độc hại, từ đó sẽ giảm nồng độ của các khí thải độc hại. Sau khi qua buồng khử tia UV, khí thải được thải ra môi trường qua ống thoát khí.

Đánh giá: Hệ thống xử lý khí thải các khu vực sản xuất vận hành ổn định. Kết quả đo đạc, phân tích các mẫu khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT.

3. Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp thông thường:
 - + Công ty bố trí kho chứa có diện tích 37,4 m², nằm cuối nhà xưởng sản xuất để lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường.

+ Xử lý: Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

+ Công ty bố trí kho chứa có diện tích 12,2 m² theo đúng quy định để lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Đánh giá: Các công trình lưu giữ, biện pháp quản lý chất thải của Dự án đáp ứng được nhu cầu hoạt động và đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

4. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác:

Các biện pháp PCCC tại Công ty: đã được Phòng Cảnh sát PCCC& CNCH – Công an thành phố Hải Phòng thẩm duyệt PCCC tại Văn bản 244/TD-PCCC ngày 06/7/2015 và đồng ý nghiệm thu về PCCC tại Văn bản 12/NT-PC07 ngày 15/01/2020.

- Chất thải sinh hoạt của dự án được thu gom, lưu chứa vào 03 thùng rác, dung tích 100 lít (đặt sau nhà bảo vệ) và ký hợp đồng với Công ty cổ phần công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng để thu gom, xử lý hàng ngày.

Đánh giá: Các công trình, hệ thống phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường vận hành ổn định và đáp ứng yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Căn cứ kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam” tại Lô L4.8B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, dự án đã thực hiện xong bước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thông báo để Công ty TNHH Torshare Việt Nam biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB; PTB: B.N.H;
- Các Phòng: HTGS, VPDD;
- Lưu: VP, P.TNMT/BQL.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải



**CÔNG TY LIÊN DOANH KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒ SƠN HẢI PHÒNG
HAIPHONG DOSON INDUSTRIAL ZONE J.V. CO.**

Add : Ngọc Xuyen Ward, Do Son District, Haiphong-Vietnam * Tel : +84.225.3729760/61 - Fax : +84.225.3729774
Email : dosoniz@gmail.com * Website : www.dosonindustrialzone.com.vn

**BIÊN BẢN BÀN GIAO
CÁC ĐIỂM ĐẦU NỒI HẠ TẦNG CỦA DOANH NGHIỆP VỚI KCN ĐỒ SƠN**

Đơn vị bàn giao: Công ty Liên doanh khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng.

Đơn vị tiếp nhận: Công ty Cổ phần Phương Bắc

- Căn cứ vào hợp đồng thuê đất giữa Công ty Liên doanh khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng và Công ty Cổ phần Phương Bắc;
- Căn cứ công văn số 013 /CV/PB ngày 14/10/2019 của Công ty Cổ phần Phương Bắc về việc xin đầu nối hạ tầng kỹ thuật;
- Căn cứ mặt bằng hiện trạng, quy hoạch xây dựng KCN và nhu cầu của Công ty Cổ phần Phương Bắc;

Hôm nay ngày 11 tháng 08 năm 2020 Tại lô đất L4.8B Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, hai bên đã tiến hành bàn giao tại hiện trường các điểm đầu nối hạ tầng cấp cho Doanh nghiệp (có sơ đồ kèm theo) :

1. Điểm đầu cấp nước sạch (Bao gồm đồng hồ đo đếm).
2. Vị trí cổng ra vào Công ty.
3. Vị trí đầu nối nước mưa, nước thải.

Biên bản này được lập thành hai thứ tiếng Việt – Trung mỗi loại 02 bản, mỗi bên giữ lại 01 bản.

ĐƠN VỊ BÀN GIAO

Công ty Liên doanh KCN Đồ Sơn HP

工程部
**ENGINEERING DEPT
P. CÔNG TRÌNH**

2020.8.11

ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN

Công ty Cổ phần Phương Bắc



GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Thọ



CÔNG TY LIÊN DOANH KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒ SƠN HẢI PHÒNG
HAIPHONG DOSON INDUSTRIAL ZONE J.V. CO.

Add : Ngoc Xuyen Ward, Do Son District, Haiphong-Vietnam * Tel : +84.225.3729760/61 - Fax : +84.225.3729774
Email : dosoniz@gmail.com * Website : www.dosonindustrialzone.com.vn

企业与工业区技术基础接驳点移交记录

移交单位：海防图山工业区联营公司

接收单位：北方股份公司

- 根据海防图山工业区联营公司与北方股份公司的土地租赁合同。

- 根据北方股份公司 2019 年 10 月 14 日 013 /CV/PB 号的公文有关申请与工业区的技术基础接驳；

- 根据图山工业区的平面现状，建设规划及越南矽孚有限公司的需求

今日，2020 年 08 月 11 日于海防图山工业区 L4.8B 地块，双方进行给企业移交以下基础接驳点：

(附带图纸)

1. 供水接驳点 (包括水表)
2. 出入口的位置
3. 污水，雨水接驳点

本记录中越文一式 2 份，各留 1 份。

移交方

海防图山工业区联营公司

工程 部

ENGINEERING DEPT
P. CÔNG TRÌNH

[Handwritten signature]
2020.8.11

接收方

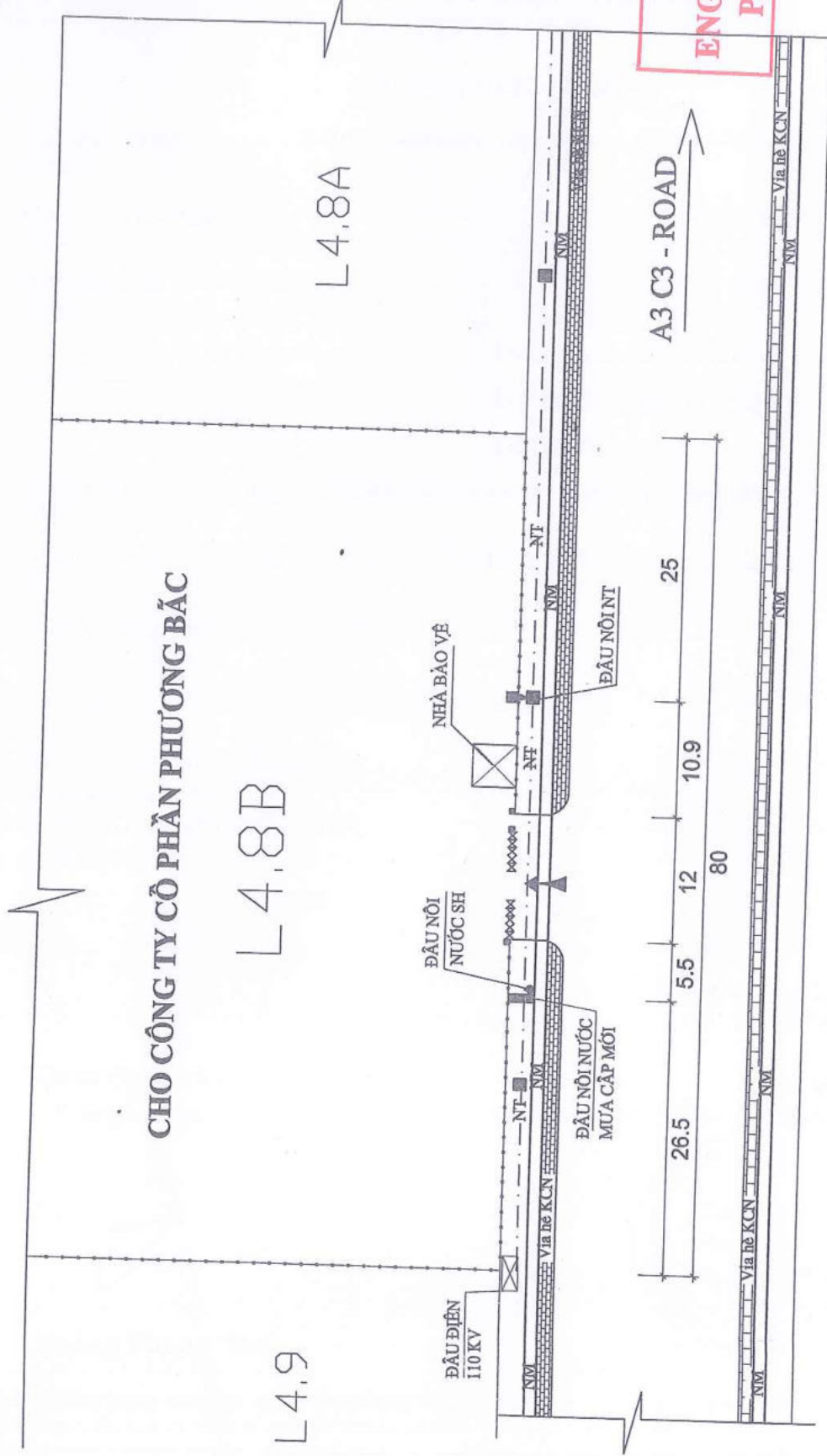
北方股份公司



[Handwritten signature]
GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Thọ

SƠ ĐỒ CUNG CẤP ĐIỂM ĐẦU NỒI HẠ TẦNG CHO CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC

CHO CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC



GHI CHÚ:

KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI LÀ MẸT

— NT — + ĐƯỜNG NƯỚC THẢI

— NM — + ĐƯỜNG NƯỚC MƯA

CÔNG TY LIÊN L
KHU CN ĐỒ SƠN



ADD: 310 VẠN CAO - T.P HẢI PHÒNG
TEL: +84 - 31 - 3729780/729781
FAX: +84 - 31 - 3729774

CÔNG TRÌNH - PROJECT . TITLE

HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒ SƠN

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒ SƠN
Q. ĐỒ SƠN - T.P HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ - DWG . TITLE

VI TRÍ ĐẦU NỒI
NƯỚC THẢI, NƯỚC MƯA

CÔNG TY LIÊN DOANH
KHU CN ĐỒ SƠN H.P

工程部
ENGINEERING DEPT
P. CÔNG TRÌNH

DESIGNED BY

BÙI QUANG HÙNG

TỶ LỆ
SCALE

NGÀY
DATE

...../08/2020

CÔNG TY CP ĐO LƯỜNG
IMET.,JSC

Số 14 Liên kê 4, Khu đô thị Đại Thanh,
Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội
Điện thoại: 024 2218 7551

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
(CERTIFICATE OF VERIFICATION)

Số (Số): 650-17-19/ĐHN

Tên đối tượng : Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí (PDM 1791-2019)
(Object)

Kiểu : P - Max
(Type)

Số : 19050294
(Serial No)

Nơi sản xuất : Malaysia
(Manufacturer)

Năm SX: 2019
(Year)

Đặc trưng kỹ thuật đo lường :
(Specifications)

Đường kính danh định: 40 mm

Lưu lượng danh định: $Q_n = 10 \text{ m}^3/\text{h}$

Cấp chính xác: B

Nơi sử dụng : Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội.
(Place)

Người / Đơn vị sử dụng : Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội.
(User)

Phương pháp thực hiện : ĐLVN 17 : 2017
(Method of verification)

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường
(Conclusion)

Số tem kiểm định : 19A86333
(Verification stamp No)

Thời hạn đến : (*) 29/11/ 2024
(Valid until)

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019
(Date of issue)

Kiểm định viên
(Verified by)

GIÁM ĐỐC
(Director)

Hoàng Phong Nhã



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Văn

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI
CHẤT THẢI NGUY HẠI**

CHỦ NGUỒN THẢI: CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính và cơ sở phát sinh chất thải nguy hại: Lô đất L4.8B,
Khu công nghiệp Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố
Hải Phòng.

Mã số QLCTNH: 31.001283.T

Số: 12 /2021/SDK-STNMT
Cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2021

Số: 12 /2021/SĐK - STNMT

Hải Phòng, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 31.001283.T

Cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2021

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Tên: CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM.

Trụ sở chính: Lô đất L4.8B, Khu công nghiệp Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 02258.831892

Ngành nghề chủ yếu: Sản xuất đèn chiếu sáng LED các loại.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0202023296, đăng ký lần đầu ngày 27/4/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14/01/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Quyết định số 82/QĐ-BQL ngày 08/01/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án của Công ty TNHH Torshare Việt Nam” tại Lô 4.8B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Torshare Việt Nam làm chủ đầu tư.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại và danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm và đầy đủ các quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đặc biệt lưu ý các nội dung sau:

- Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A).

- Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp; khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng theo



quy định tại Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3.

- Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

- Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Sở đăng ký chi cấp lại trong trường hợp có thay đổi tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh chất thải nguy hại; thay đổi, bổ sung phương án tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động. /

Nơi nhận:

- Chủ nguồn thải;
- CCBVMTHP;
- Lưu: VT



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Thuận



PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 31.001283.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng
cấp lần đầu ngày 23/4/2021)


1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.

Tên cơ sở: Công ty TNHH Torshare Việt Nam.

Địa chỉ cơ sở phát sinh chất thải nguy hại: Lô đất L4.8B, Khu công nghiệp Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (các sản phẩm linh kiện điện tử lỗi hỏng có thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất)	Rắn	802	19 02 06
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	330	18 01 03
3	Giẻ lau, găng tay bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1.100	18 02 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
5	Mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	2	08 02 01
6	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	10	08 02 04
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 06
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	767	12 01 04
9	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ (mặt nạ quét kem hàn thải)	Rắn	20	19 12 01
Tổng số lượng			3.131	

3. Danh sách CTNH đăng ký tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không có 

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

(Số: 2021/TORSHARE-ĐT/RCN)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

- Căn cứ nghị định 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/04/2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

- Căn cứ thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/06/2015 V/v "Quản lý chất thải nguy hại";

- Căn cứ nghị định 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Giấy phép Xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thăng ngày 16 tháng 08 năm 2019;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2021 tại Công ty TNHH Torshare Việt Nam, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM

Đại diện là : ZHAO XI SHOU Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên

Địa chỉ : Lô 4. 8B Khu công nghiệp Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 02258.831.892

Mã số thuế : 0202023296

Số tài khoản : 110600385866 - vietinbank CN Kiến An Hải Phòng

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THĂNG

Đại diện là : Ông ĐOÀN NGỌC HÙNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225.3701184

Fax: 0225.3956954

Mã số thuế : 0200504396

Số tài khoản : 0031000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-Chi nhánh Hải Phòng.

: 3310548 001 tại Ngân hàng Indovinabank – Chi nhánh Hải Phòng

Cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại với các điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi thực hiện hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và bên A đồng ý sử dụng dịch vụ của bên B cho việc vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại thải ra từ quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên A.

Điều 2: Đơn giá vận chuyển, xử lý và phương thức thanh toán

2.1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	Kg	4.000

- Nếu tổng khối lượng chất thải trong mỗi lần giao nhận từ 1.500 kg trở lên thì hai bên sẽ áp dụng biểu giá trên.

- Nếu tổng khối lượng chất thải giao nhận trong lần xử lý đó dưới 1.500 kg thì ngoài phí tính dựa trên khối lượng thực tế giao nhận và đơn giá vận chuyển, xử lý ở trên, Bên A phải trả cho Bên B một khoản phụ phí cho lần vận chuyển, xử lý đó là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

2.2 Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Có xác nhận khối lượng của hai bên khi thực hiện và có biên bản tổng hợp khối lượng.

- Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B chậm nhất 30 ngày sau khi nhận được chứng từ hoá đơn thanh toán đúng và phù hợp với quy định của luật tài chính hiện hành.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

3.1. Bên A có các quyền sau:

- Yêu cầu bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải của bên A vào thời gian theo yêu cầu của bên A để vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp.

3.2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ bên B đưa những bao đựng chất thải nặng (nếu có) lên xe của bên B.

- Cùng bên B xác định khối lượng chất thải được vận chuyển và xử lý làm cơ sở cho việc thanh toán.
- Thanh toán tiền dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).
- Chứa các chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh.
- Trường hợp khối lượng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp có phát sinh lớn thì bên A phải thông báo trước cho bên B ít nhất 03 ngày để bên B có phương án hỗ trợ.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

4.1. Bên B có các quyền sau:

- Yêu cầu bên A chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường.
- Yêu cầu bên A khắc phục các trở ngại để bên B thực hiện công việc vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp được nhanh chóng, thuận lợi.

4.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp cho bên A.

Về thời gian: *Theo yêu cầu của bên A*

Địa điểm tại: *Địa điểm quy định của bên A - Lô 4. 8B Khu công nghiệp Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.*

- Cùng bên A xác định khối lượng chất thải được vận chuyển và xử lý làm cơ sở cho việc thanh toán.
- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A.
- Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 5: Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng và các quy định hiện hành về công tác quản lý chất thải của Nhà nước và Thành phố.
- Nếu bên nào vi phạm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất do bên đó gây ra. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trường hợp không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại toà án Kinh tế thuộc toà án nhân dân Hải Phòng. Phán quyết của toà án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi.

96-C
TY
HỮU H
HƯƠNG
XUÃ
HANG
TP. H

020
3TY
H
ARE
JAM
AI PH

Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày 31/12/2021, nếu 1 tháng (30 ngày) trước ngày hết hạn hợp đồng, hai bên không có sự thay đổi (được gửi bằng văn bản) thì Hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn cho các năm tiếp theo. Trong trường hợp có phát sinh hai bên sẽ thống nhất bổ sung bằng các phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
ZHAO, XISHOU

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

==o0o==

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2021/TORSHARE-ĐT/CTNH

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

- Căn cứ nghị định 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/04/2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

- Căn cứ thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 V/v "Quản lý chất thải nguy hại";

- Căn cứ nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/05/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ thông tư số 25/2019/TT - BTNMT ngày 31/12/2019 V/v "Quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường";

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thăng;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 03 năm 2021, tại Công ty TNHH Torshare Việt Nam, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TORSHARE VIỆT NAM

Đại diện : ZHAO XI SHOU Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên
Địa chỉ : Lô 4. 8B Khu công nghiệp Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 02258.831.892
Mã số thuế : 0202023296
Số tài khoản : 110600385866 - vietinbank CN Kiến An Hải Phòng

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG.

Đại diện : Ông Đoàn Ngọc Hùng Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam.
Điện thoại : 0225.3701184 Fax: 0225.3956 954
Mã số thuế : 0200504396
Số TK : 3310548 – 001 tại Ngân hàng IndovinaBank Hải Phòng.
0031000230875 Tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đông
Hải Phòng

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: Nội dung công việc:

1. Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất.
2. Bên B vận chuyển và xử lý tiêu huỷ chất thải nguy hại này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

ĐIỀU 2: Địa điểm và thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại khu lưu giữ chất thải của bên A - Lô 4. 8B Khu công nghiệp Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng
2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của công ty TNHH PT, TM&SX Đại Thắng - Lô CN04-KCN Nam Cầu Kiền, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
3. Thời gian giao nhận: Tối đa 02 lần/năm Bên B tiến hành vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng bên A phải đảm bảo báo cho bên B trước 48h để bên B bố trí phương tiện vận chuyển và nhân lực.
4. Số lượng: Lượng chất thải được tính theo lượng phát sinh thực tế tại bên A.
5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển, bên A có trách nhiệm phối hợp cùng bên B để đưa hàng lên xe.

ĐIỀU 3: Đơn giá và phương thức thanh toán

3.1 Đơn giá vận chuyển, xử lý chất thải.

- Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải là: 15.000.000 đồng/năm.
- Đơn giá trên chưa bao gồm VAT.
- Nếu tổng khối lượng chất thải giao nhận trong một năm dưới 1.000 kg thì hai bên sẽ áp dụng đơn giá trên.

04:
NG
HIỆN
HIỆN,
SẢN
ẠI T
IV -



- Nếu tổng khối lượng chất thải giao nhận trong một năm vượt quá 1.000 kg thì ngoài phí tính trên, chi phí vận chuyển, xử lý của lượng chất thải phát sinh vượt lượng (nếu có) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ/kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	5.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5.000
3	Mực in thải	08 02 01	5.000
4	Hộp mực in	08 02 04	5.000
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	2.500
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	4.500
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	4.500
8	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải, bản mạch điện tử thải	19 02 06	5.000
9	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	07 01 06	5.000
10	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 03 01	5.500

3.2 Phương thức thanh toán

- Bên A thanh toán bằng chuyển khoản cho bên B sau khi bên A nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ từ Bên B.
- Nếu sau 30 ngày mà bên A chưa thanh toán cho bên B thì bên A phải có văn bản giải trình với bên B về lý do chậm thanh toán.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm của mỗi bên

4.1. Trách nhiệm của bên A

- Đảm bảo thành phần chất thải không được trộn lẫn các chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp với chất thải nguy hại.
- Chất thải nguy hại phải được phân loại riêng biệt, đựng trong bao, thùng đúng quy định trước khi bên B tiến hành vận chuyển và bên B chỉ vận chuyển chất thải nguy hại đã được đóng gói theo đúng quy định tại thông tư về quản lý chất thải nguy hại số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/06/2015.
- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở kê khai chứng từ chất thải nguy hại.
- Hỗ trợ bên B nâng các bao, thùng đựng chất thải lên xe (nếu là chất thải nặng).

- Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải thì phải có thông báo bằng văn bản cho bên B để phối hợp giải quyết.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng.

4.2. Trách nhiệm bên B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có yêu cầu bàn giao chất thải của bên A.
- Đảm bảo đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.
- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng, cung cấp số liệu cho để làm báo cáo Môi trường cuối năm và xác nhận chứng từ CTNH cho bên A khi đã hoàn thành xong trách nhiệm của mình.

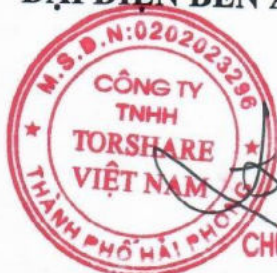
ĐIỀU 5: Điều khoản chung

- Hai bên không được đơn phương sửa đổi nội dung hay huỷ bỏ hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.
- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới toà án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của toà án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

ĐIỀU 6: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực một (01) năm kể từ ngày ký. Nếu 1 tháng (30 ngày) trước ngày hết hạn hợp đồng, hai bên không có sự thay đổi (được gửi bằng văn bản) thì Hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn cho các năm tiếp theo. Trong trường hợp có phát sinh hai bên sẽ thống nhất bổ sung bằng các báo giá hoặc phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



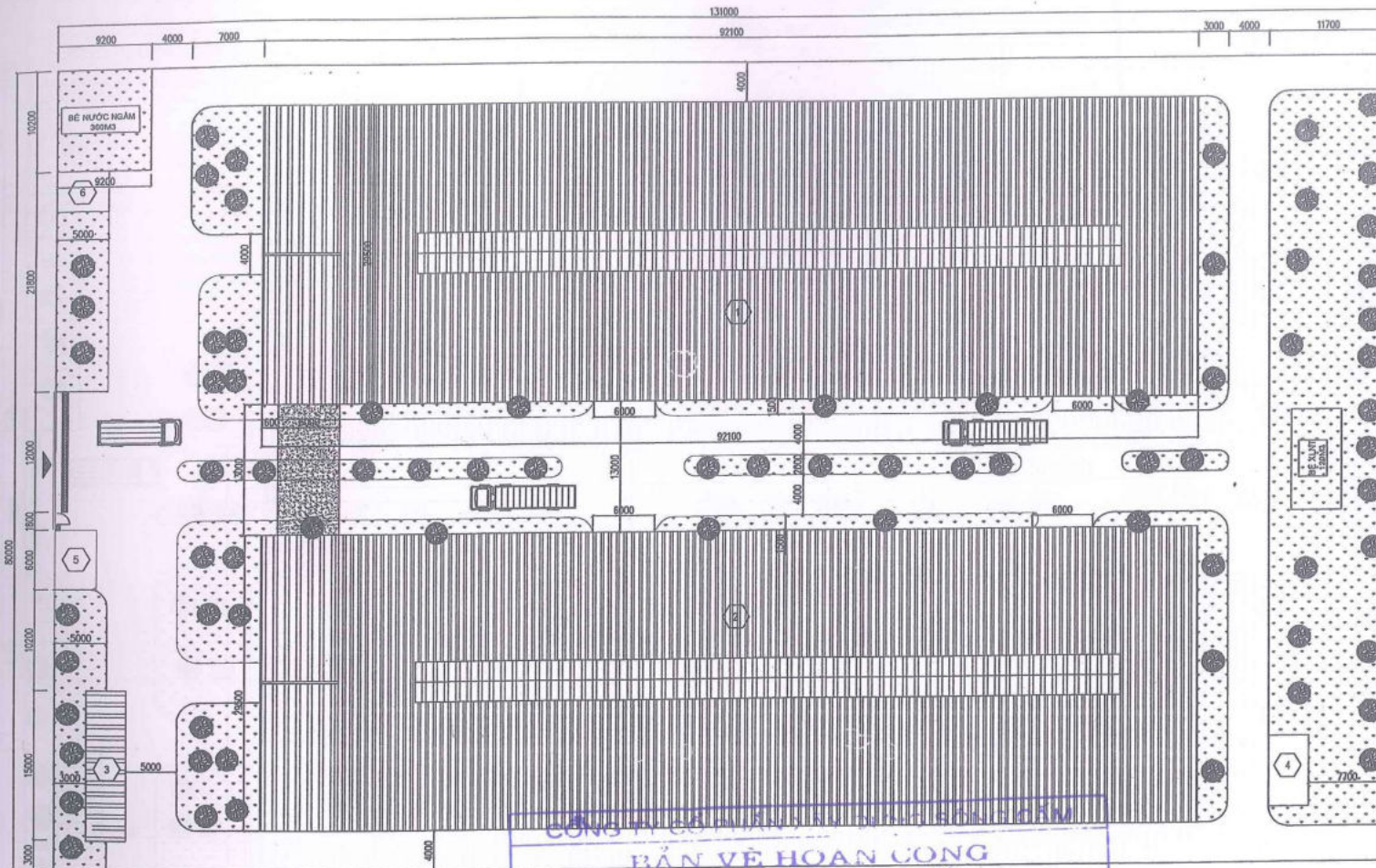
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
ZHAO, XISHOU

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng



STT		FL	TOTAL (m ²)
1	NHÀ XƯỞNG 1	01-03	2716,95
2	NHÀ XƯỞNG 2	01-03	2716,95
3	NHÀ XE	01	60
4	TRẠM BIẾN ÁP	01	28
5	NHÀ BẢO VỆ	01	24
6	BỂ NƯỚC	01	20
	TƯỜNG BAO		92,84
	TỔNG		5638,74

	%	AREA (M ²)
LAND AREA	100%	10480
BUILDING AREA	53,8%	5638,74
GREEN AREA	20,14%	2110,87
ROAD & OTHERS AREA	26,06%	2730,39

TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH

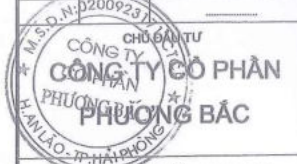
Ngày 30 tháng 11 năm 2019

theo quy định của pháp luật về xây dựng và giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quân

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION



ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNED BY):



**CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
HẢI NAM**

ĐỊA CHỈ (ADD):
TƯỞA 2/51 ĐƯỜNG LÂM P. ĐƯỜNG LÂM - Q. HẢI AN - HP
TEL: (84) 0225.3804322 FAX: (84) 0225.3804322
EMAIL: HAINAMJSCVNV@YAHOO.COM.VN



CHỨC VỤ (POSITION): K.S. PHẠM VĂN PHƯƠNG (PRIMARY)	<i>Phu</i>
THIẾT KẾ (DESIGNER): K.S. ĐỖ NGỌC HIỆU	<i>Hieu</i>
KIỂM TRA (CHECKED BY): K.S. PHẠM KHƯƠNG DUY	<i>Duy</i>

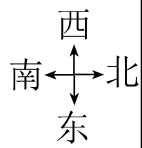
TÊN CÔNG TRÌNH (PROJECT):
**XÂY DỰNG, XÂY LẬP NHÀ MÁY TẠ
KCN ĐỒ SƠN - HẢI PHÒNG**

HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG

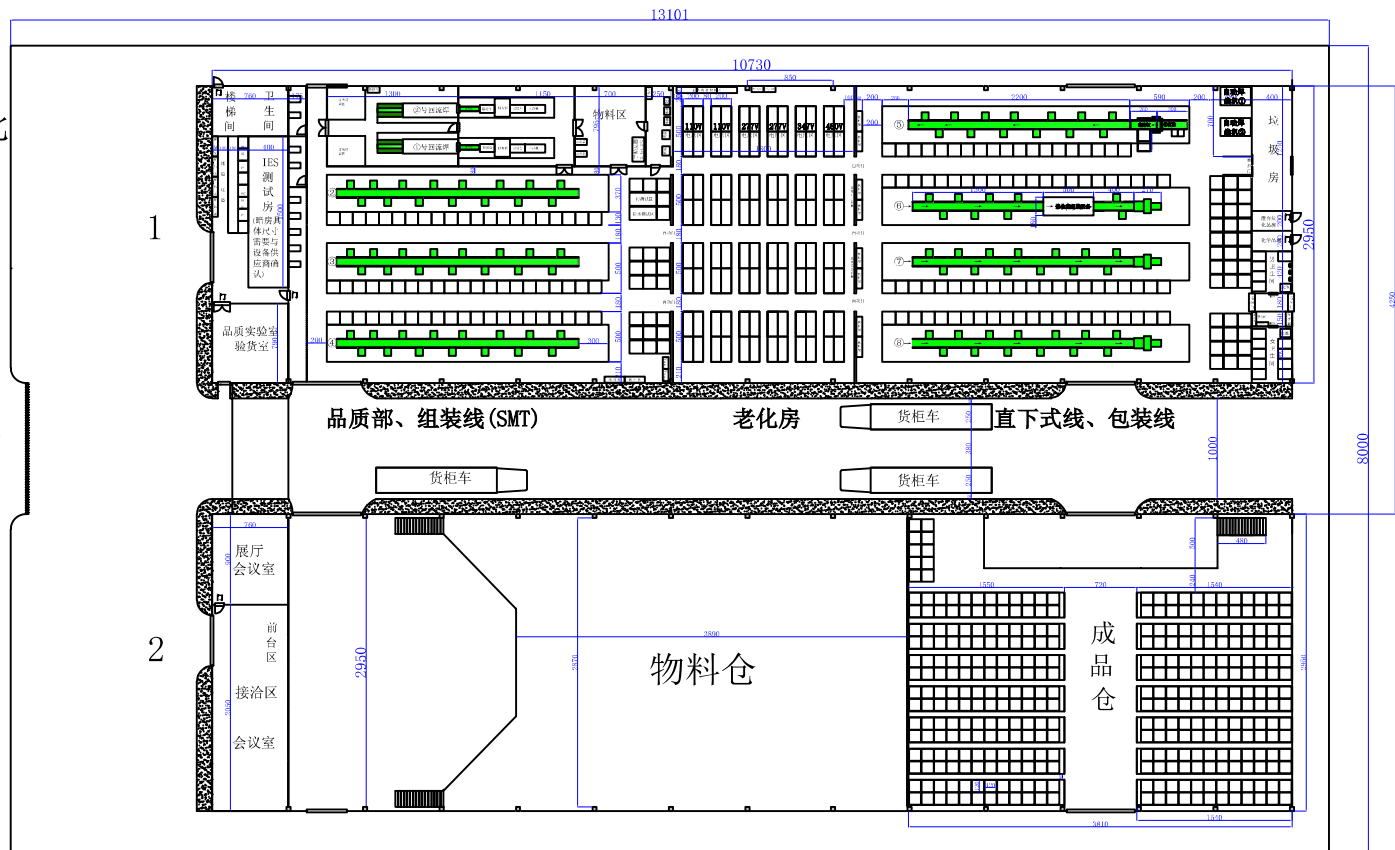
ĐỊA ĐIỂM (LOCATION):
LÔ 4.8B KCN ĐỒ SƠN, TP. HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):
TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	2019
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO): TMB : 01

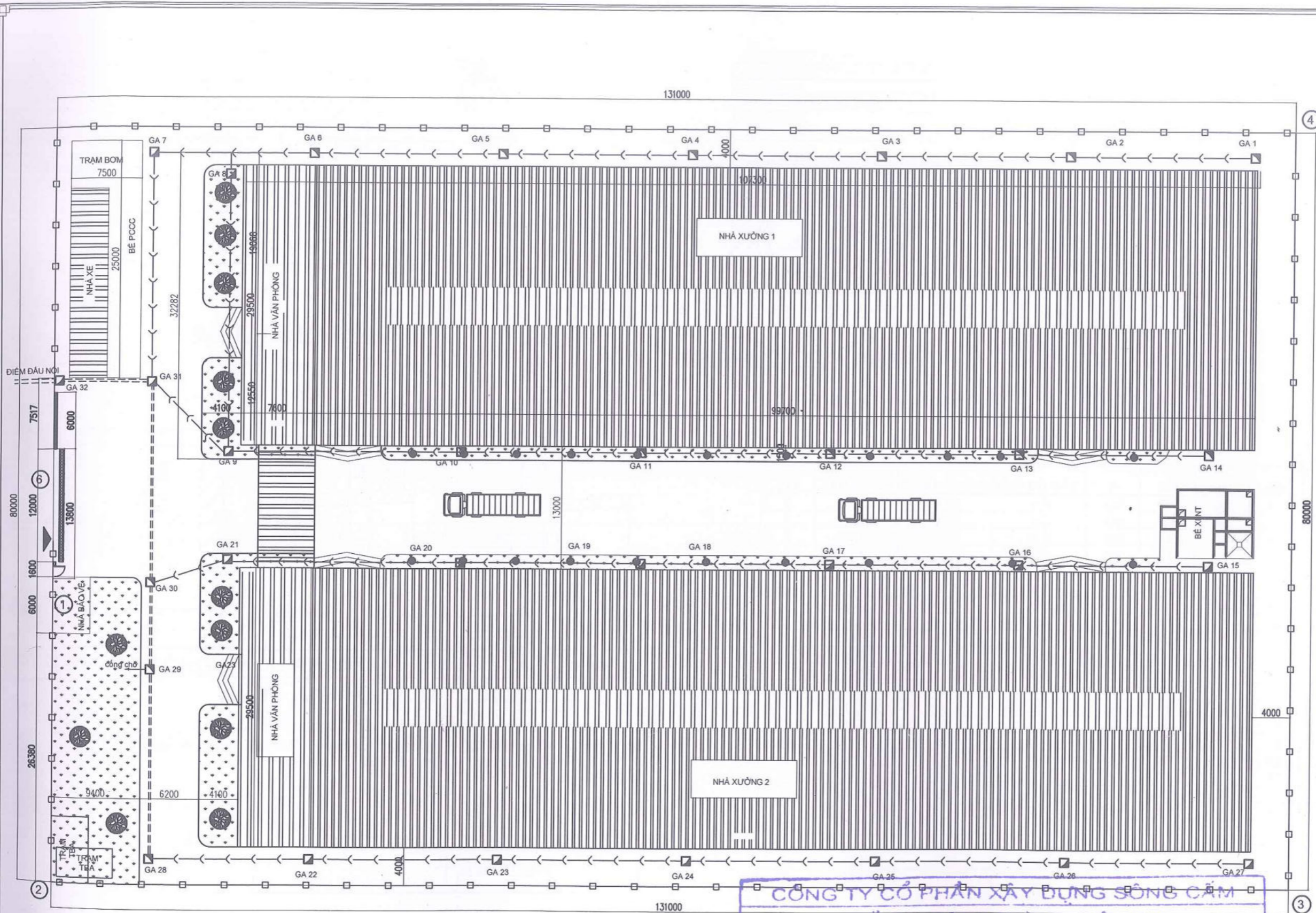


大门



越南涂山工业区规划初稿 2020-9-29 (包装线增加热缩包装设备)

说明：物料仓和成品仓做上下隔层，成品仓可以摆放28个40尺货柜的成品；
物料仓上层摆放包材物料，下层摆放电子料、电源料、五金料。



- GHI CHÚ**
- CỐNG RC400 CHIỀU DÀI 67M
 - >->->- CỐNG RC300 CHIỀU DÀI 520M
 - HỒ GA 800X800 SỐ LƯỢNG 32 CÁI

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THOÁT NƯỚC MƯA NHÀ MÁY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG CÀM

BẢN VẼ HOAN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...




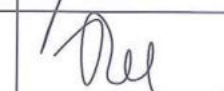
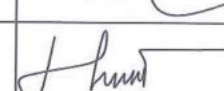
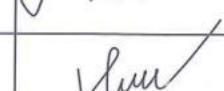
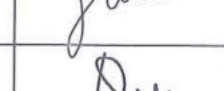
Người lập: *[Signature]*

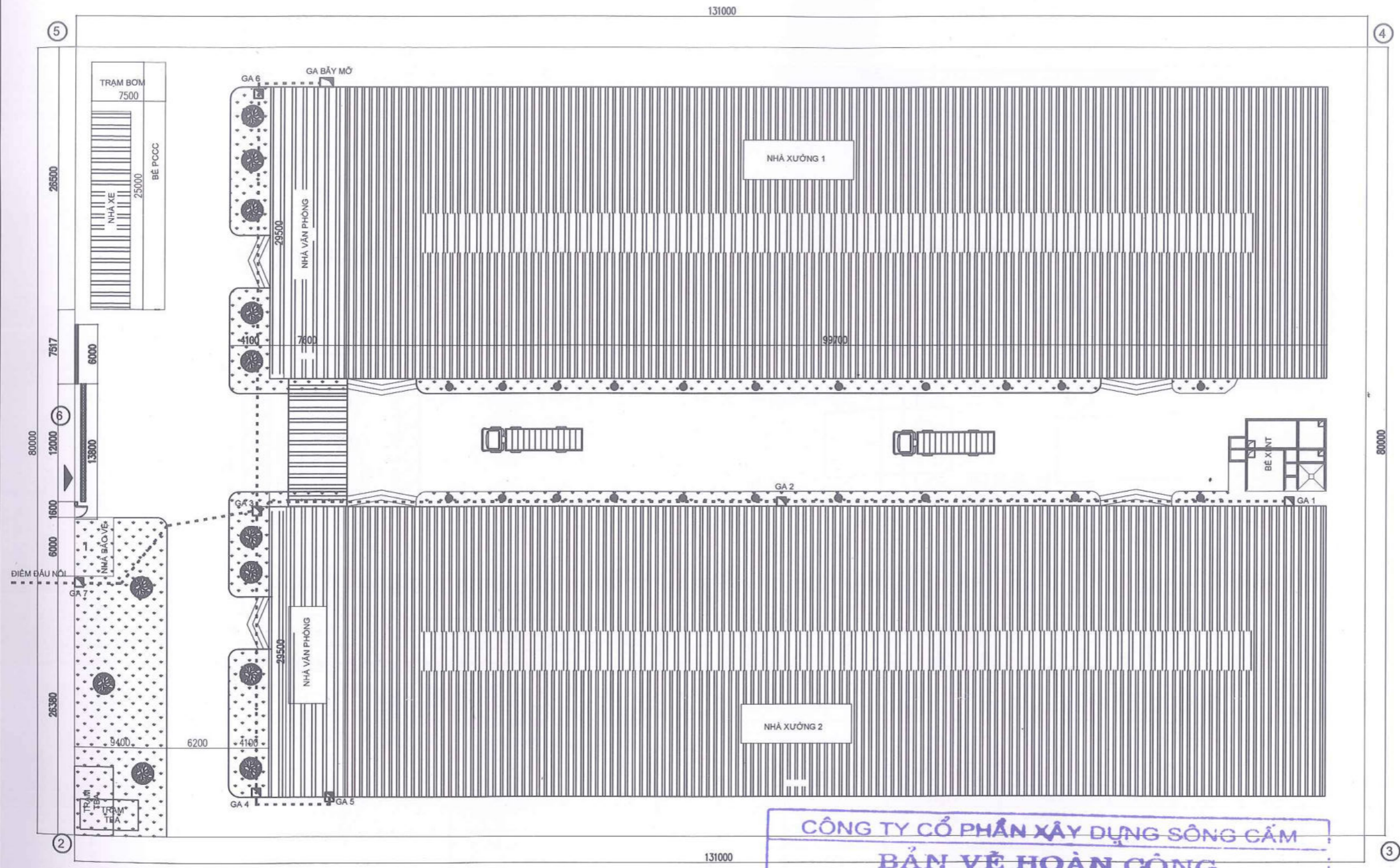
Người kiểm tra: *[Signature]*

Giám đốc: *[Signature]*

M.S.D. 020092317

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG CÀM

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC <small>AN LÃO - TP. HẢI PHÒNG</small>		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNED BY): <div style="text-align: center;">  </div>		
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM		
ĐỊA CHỈ (ADD): THỨA 2/51 ĐĂNG LÂM - P. ĐĂNG LÂM - Q. HẢI AN - HP TEL: (84) 0225.3804322 FAX: (84) 0225.3804322 EMAIL: HAINAMJSCVN@YAHOO.COM.VN		
GIÁM ĐỐC (MANAGER): KS. ĐÀO VĂN NAM		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN (PRIMARY): KTS. NGUYỄN HỒNG ĐỨC		
CHỦ TRÌ (PRIMARY): KS. PHẠM BÁ HUẤN		
THIẾT KẾ (DESIGNER): KS. ĐỖ NGỌC HIỆU		
KIỂM TRA (CHECKED BY): KS. PHẠM KHƯƠNG DUY		
TÊN CÔNG TRÌNH (PROJECT): XÂY DỰNG, XÂY LẮP NHÀ MÁY TẠI KCN ĐỒ SƠN - HẢI PHÒNG		
HẠNG MỤC: TỔNG MẶT BẰNG		
ĐỊA ĐIỂM (LOCATION): LÔ 4.8B KCN ĐỒ SƠN - HẢI PHÒNG		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	2019	
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO): TMB05	



GHI CHÚ

..... ỐNG PVC C2 D160:
 HỐ GA 740X740 SỐ LƯỢNG 13 CÁI
 TẠI CÁC ĐIỂM GIAO NHAU GIỮA ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI SẼ LÀM GA GIAO CẮT

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ MÁY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG CẨM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm 20...

Người lập KS. Đ. NGỌC HIỆU	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công xây dựng H. D.	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư H. D.
-----------------------------------	---	---

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Cường

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC
 H. AN L. Q. - TP. H. P. H. P.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNED BY):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM

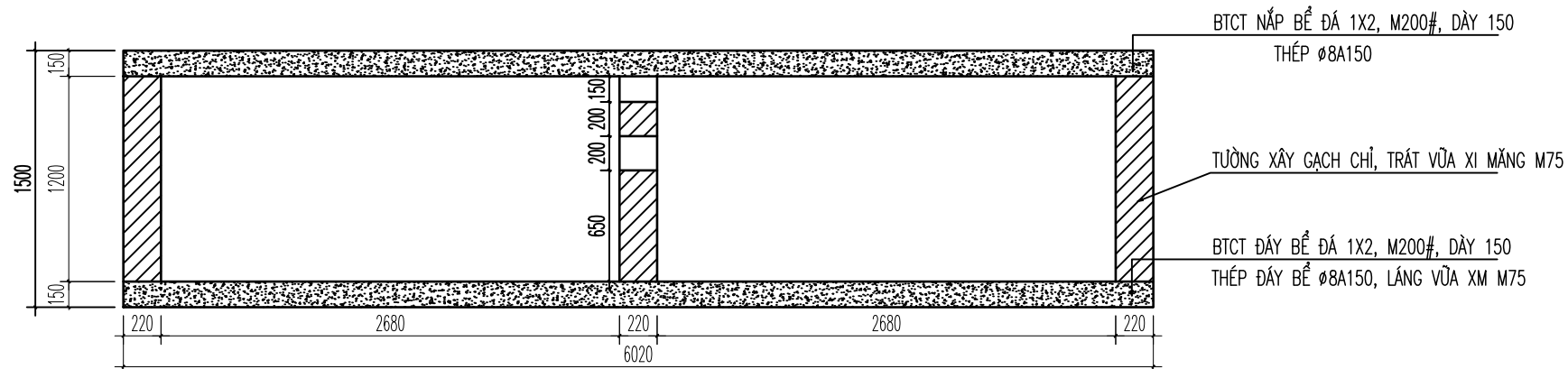
ĐỊA CHỈ (ADD):
 THỪA 2/51 ĐƯỜNG LÂM - P. ĐƯỜNG LÂM - Q. HẢI AN - HP
 TEL : (84) 0225.3804322 FAX : (84) 0225.3804322
 EMAIL : HAINAMJSCVN@YAHOO.COM.VN

GIÁM ĐỐC (MANAGER): KS. Đ. VĂN NAM	
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN (PRIMARY): KTS. NGUYỄN HỒNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ (PRIMARY): KS. PHẠM BÁ HUẤN	
THIẾT KẾ (DESIGNER): KS. Đ. NGỌC HIỆU	
KIỂM TRA (CHECKED BY): KS. PHẠM KHƯƠNG DUY	

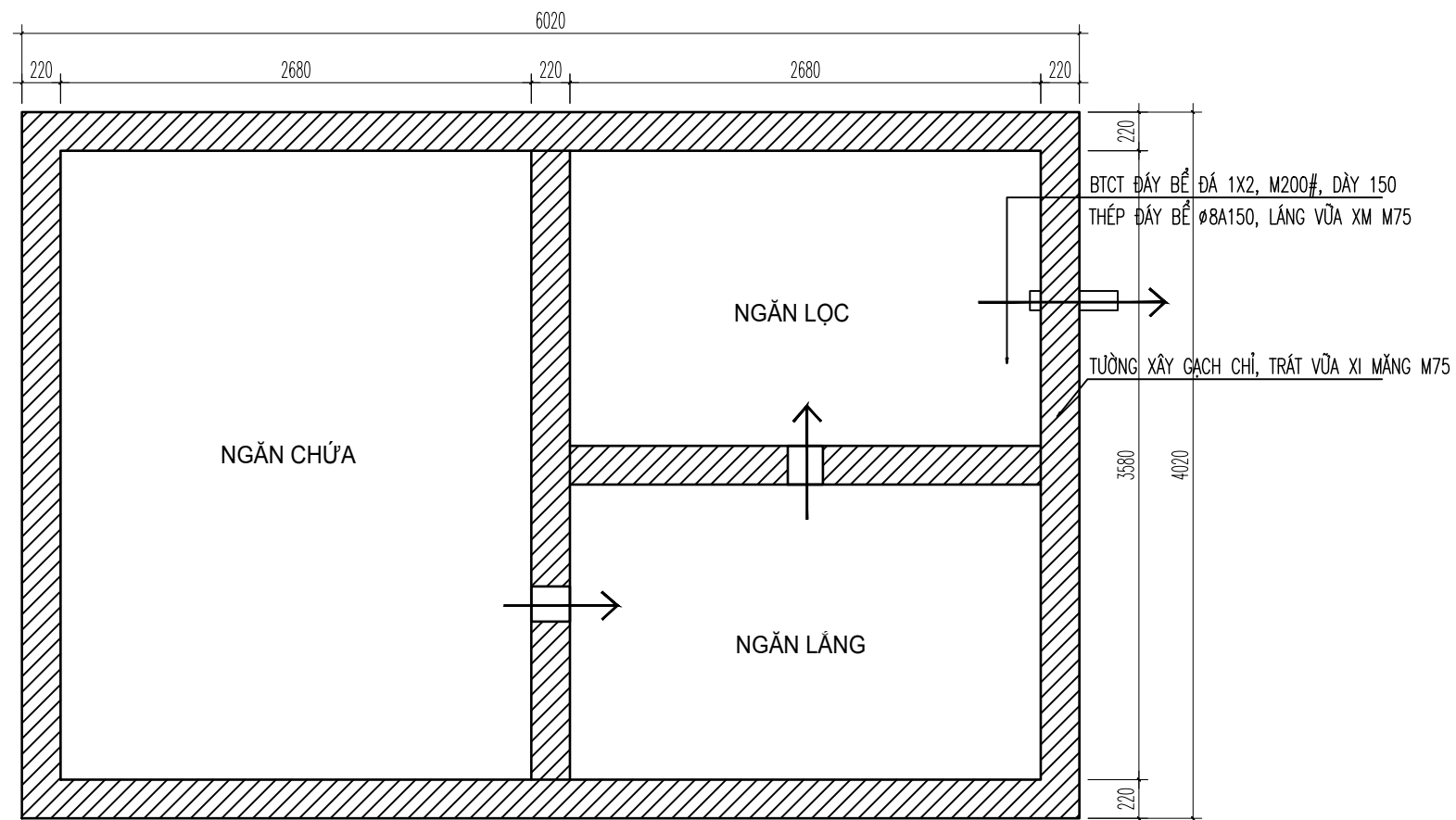
TÊN CÔNG TRÌNH (PROJECT):
XÂY DỰNG, XÂY LẮP NHÀ MÁY TẠI KCN ĐỒ SƠN - HẢI PHÒNG
 HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG
 ĐỊA ĐIỂM (LOCATION):
 LÔ 4.8B KCN ĐỒ SƠN - HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):
MB THOÁT NƯỚC THẢI

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	2019
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO): TMB-08



MẶT CẮT BỀ PHỐT



MẶT BẰNG BỀ PHỐT

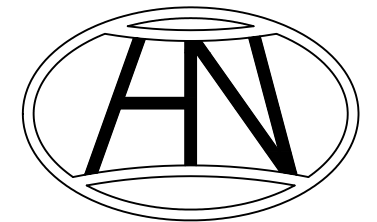
SỬA ĐỔI - REVISION

SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
	
	
	

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHƯƠNG BẮC**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNED BY):



**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
HẢI NAM**

ĐỊA CHỈ (ADD):
THỨA 2/51 ĐẶNG LÂM - P. ĐẶNG LÂM - Q. HẢI AN - HP
TEL : (84) 0225.3804322 FAX : (84) 0225.3804322
EMAIL : HAINAMJSCVN@YAHOO.COM.VN

GIÁM ĐỐC (MANAGER): KS. ĐÀO VĂN NAM	
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN (PRIMARY): KTS. NGUYỄN HỒNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ (PRIMARY): KS. CHU MINH HUỆ	
THIẾT KẾ (DESIGNER): KS. ĐỖ NGỌC HIỆU	
KIỂM TRA (CHECKED BY): KS. PHẠM KHƯƠNG DUY	

TÊN CÔNG TRÌNH (PROJECT):
**XÂY DỰNG, XÂY LẮP NHÀ MÁY TẠI
KCN ĐỒ SƠN - HẢI PHÒNG**

HẠNG MỤC:
NHÀ XƯỞNG 1&2

ĐỊA ĐIỂM (LOCATION):
LÔ 4.8B KCN ĐỒ SƠN, TP. HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):

**BỀ PHỐT NHÀ XƯỞNG
NHÀ XƯỞNG 1 VÀ 2**

NGÀY HOÀN THÀNH:
(COMPLETED DATE) **2019**

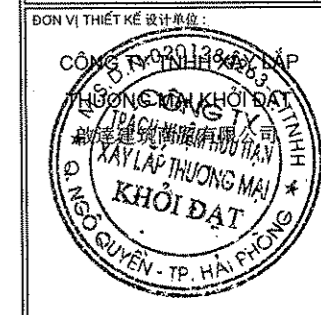
TỶ LỆ (SCALE): **BẢN VẼ (DRAWING NO):
NX : 28**

CHỦ ĐẦU TƯ 业主:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名:
CẢI TẠO NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC

HẠNG MỤC 项目:
CẢI TẠO XƯỞNG SẢN XUẤT (NHÀ SỐ 1.2)

ĐỊA ĐIỂM 地点:
LÔ L4.8B, KCN ĐỒ SƠN, TP. HẢI PHÒNG



GIÁM ĐỐC 经理:

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC 设计师:

THIẾT KẾ 设计:

QUẢN LÝ KỸ THUẬT 技术管理:

TÊN BẢN VẼ 图名:

SỬA ĐỔI 变更		
TỶ LỆ 比例	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 确认

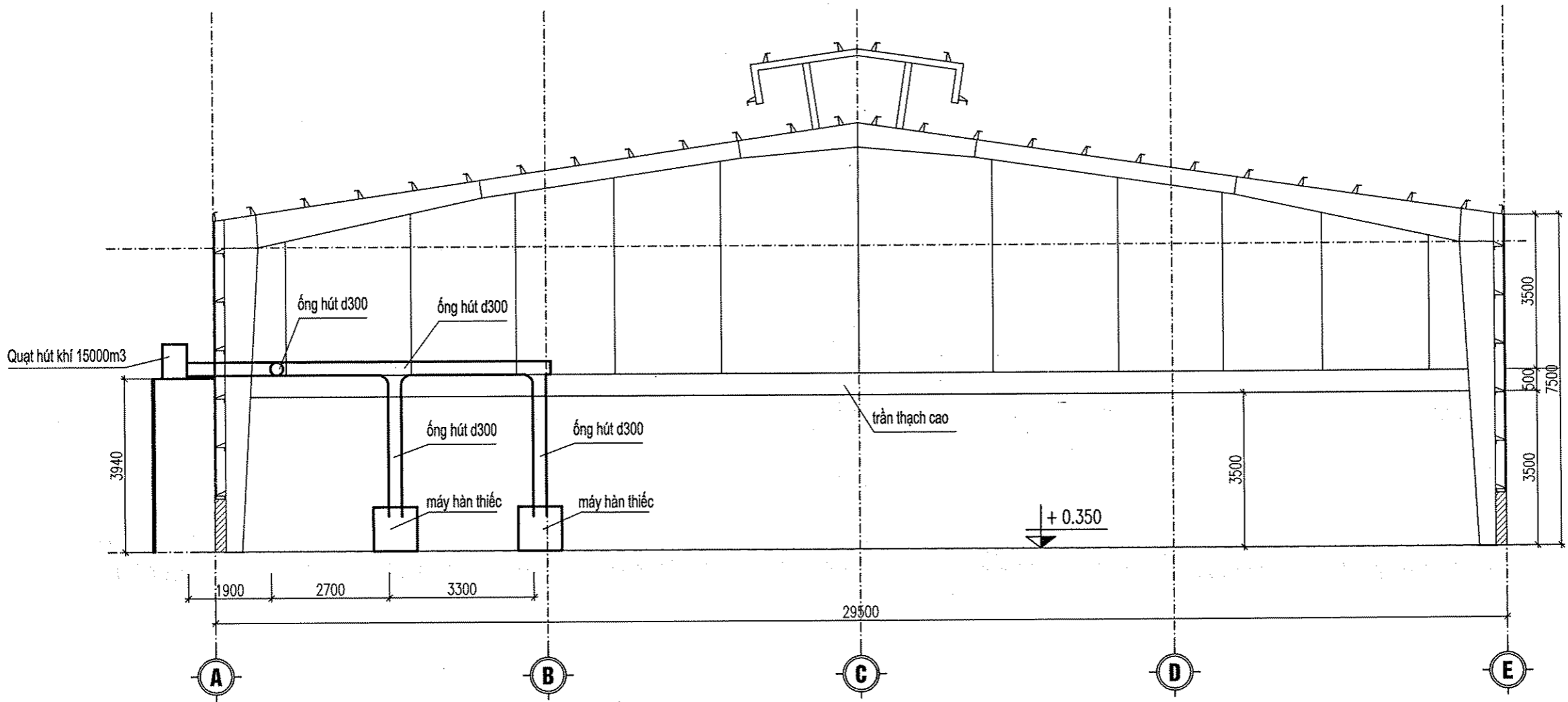
GHI CHÚ 备注:

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG 完工图纸

TỶ LỆ 比例: 1/400

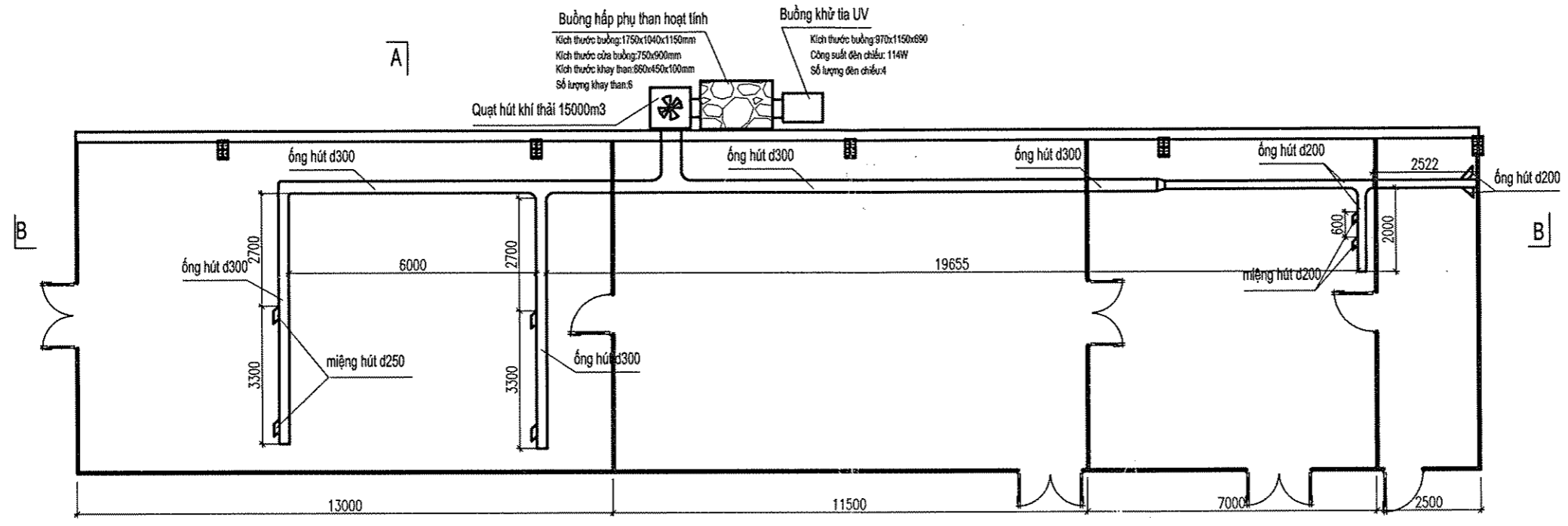
NGÀY PHÁT HÀNH 发行出版日期

BẢN VẼ SỐ 图纸序号: **OK-02**

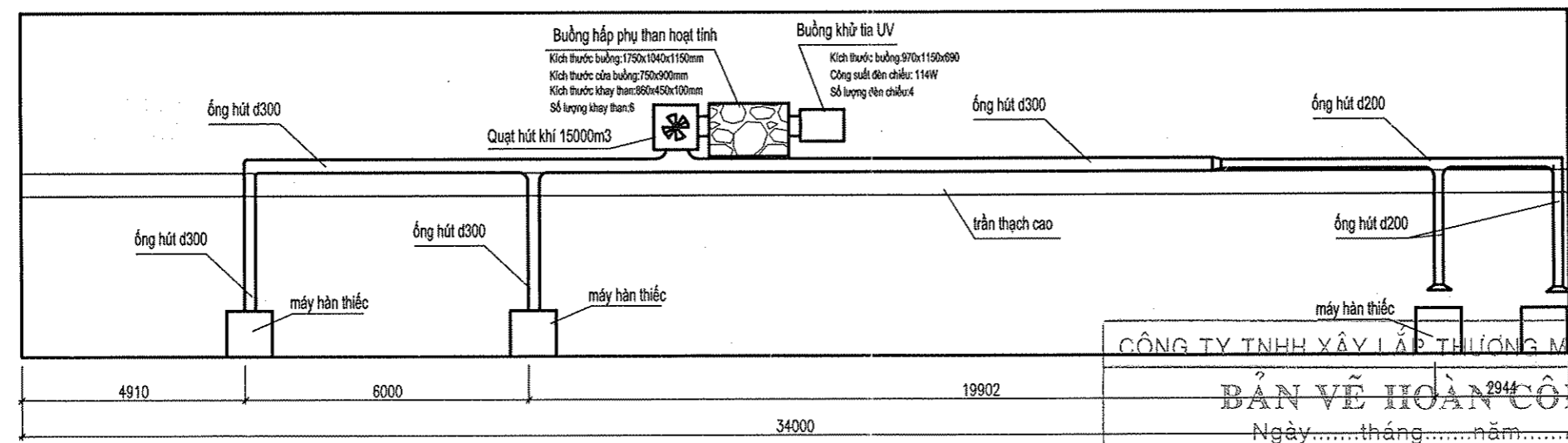


MẶT CẮT B-B

CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỎI ĐẠT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	TVGS chủ đầu tư
<i>Đinh Văn Tân</i>	<i>Phạm Văn Quý</i>	<i>Vũ Đức Đạt</i>



MẶT BẰNG HỆ THỐNG HÚT MÙI KHU HÀN THIẾC

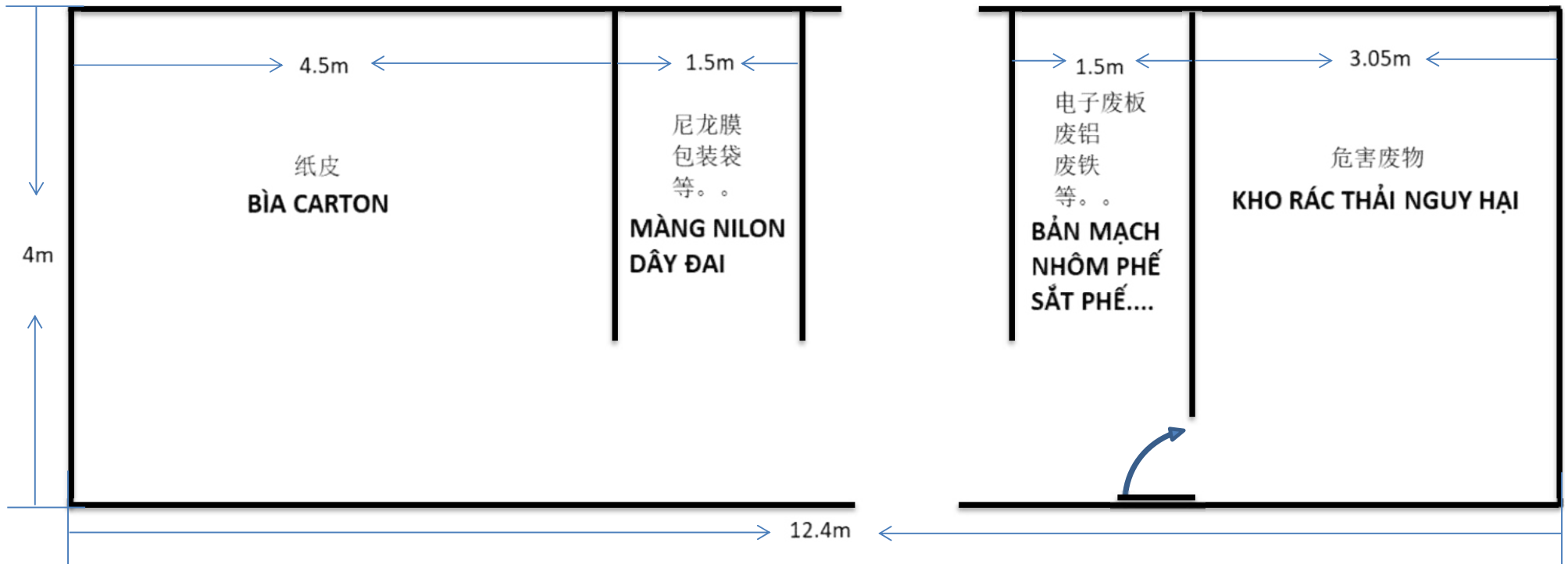


MẶT CẮT A-A

CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	TVGS chủ đầu tư
<i>Đình Văn Hào</i>	<i>Phạm Văn Tuấn</i>	<i>Vũ Đức Đạt</i>

CHỦ ĐẦU TƯ 业主:	CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC	
TÊN CÔNG TRÌNH 工程名:	CẢI TẠO NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG BẮC	
HẠNG MỤC 项目:	CẢI TẠO XƯỞNG SẢN XUẤT (NHÀ SỐ 1, 2)	
ĐỊA ĐIỂM 地点:	LÔ L4.8B, KCN ĐỒ SƠN, TP. HẢI PHÒNG	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ 设计单位:		
GIÁM ĐỐC 经理:		
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC 设计师:		
THIẾT KẾ 设计:		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT 技术管理:		
TÊN BẢN VẼ 图名:		
SỬA ĐỔI 变更		
TỶ LỆ 比例	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 确认
GHI CHÚ 备注:		
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG 完工图纸		
TỶ LỆ 比例	BẢN VẼ SỐ 图纸序号:	
1/400	OK-01	
NGÀY PHÁT HÀNH 发行出版日期		

SƠ ĐỒ PHÂN BỐ NHÀ RÁC CÔNG TY
废品房分布图





中国环境保护产品认证证书

证书编号: CCAEPI-EP-2017-823

申请单位名称: 佛山市旭晨环保科技有限公司

申请单位注册地址: 佛山市南海区狮山镇朗下村委会朗下村书院岗严恒昌厂房自编一号

制造商名称: 佛山市旭晨环保科技有限公司

制造商地址: 佛山市南海区狮山镇朗下村委会朗下村书院岗严恒昌厂房自编一号

生产厂名称: 佛山市旭晨环保科技有限公司

生产厂地址: 广东省佛山市南海区狮山镇朗下村委会朗下村书院岗严恒昌厂房自编一号

产品名称: UV 光解催化废气处理净化装置

产品商标/型号/规格: XC-GJ 型

产品标准/技术要求: 《环保产品认证实施规则 有机废气处置装置》

(CCAEP1-RG-Q-034)

认证模式: 工厂(现场)检查+产品检验+认证后监督

发证日期: 2020年04月22日

有效期至: 2020年12月29日

发证机构: 中环协(北京)认证中心



法定代表人:

易斌



证书有效期内本证书的有效性依据发证机构的定期监督获得保持

本证书有效性查询



2016191777U

检验报告

(建研)环监(2017)第(11550)号

产品名称: XC-GJ 型 UV 光解催化废气处理装置

委托单位: 佛山市旭晨环保科技有限公司

检验类别: 认证检验

报告日期: 2017 年 12 月 26 日

广东建研环境监测有限公司





2016191777U

广东建研环境监测有限公司

检验报告

(建研)环监(认)字(2017)第(11550)号

产品名称	XC-GJ型UV光解催化废气处理装置	商 标	旭晨
委托单位	佛山市旭晨环保科技有限公司	规格型号	XC-GJ-A-10
生产单位	佛山市旭晨环保科技有限公司	抽样时间	2017年11月30日
抽样地点	佛山市南海区狮山镇罗村乐安开发区乐城南一路7号厂房(住所申报)	抽样者	杨伟杰、王文登、陆丰华、汤智彬
抽样数量	1台	抽样基数	5台
样品出厂日期	2017年11月	样品出厂编号	1711297250
检验地点	广东建研环境监测有限公司	检验日期	2017年11月30日 ~12月7日
检 验 依 据	甲苯: HJ 583-2010、总烃: HJ/T 38-1999、臭氧: HJ 504-2009		
检 验 项 目	气密性、净化效率、污染物的排放浓度、压力损失、运行噪声、臭氧泄漏量		
主 要 使 用 器 具	崂应 3012H 型自动烟尘(气)测试仪、AWA5688 噪声统计分析仪、QC-2B 大气采样仪、GC9790 II 气相色谱仪、7890B 气相色谱仪、722S 可见分光光度计		
判定标准	CCAEPi-RG-Q-034-2013《环保产品认证实施规则有机废气处置装置》		
检 验 结 论	按照 CCAEPi-RG-Q-034-2013 的要求,经检验,该 XC-GJ 型 UV 光解催化废气处理装置符合 CCAEPi-RG-Q-034-2013 的规定要求。		
备 注	无		



编制:

审核:

签发:

签发人职务: 主任、工程师

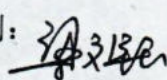
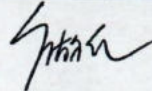
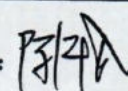
签发日期: 2017年12月26日

广东建研环境监测有限公司

检 验 报 告

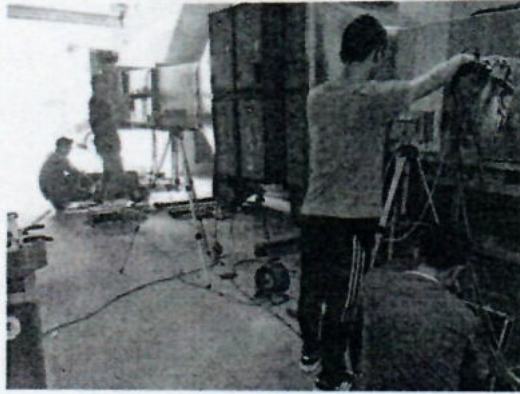
(建研)环监(认)字(2017)第(11550)号

序号	检验项目	单位	标准要求	检验结果	单项评定
1	气密性	—	吸附装置的焊缝、管道连接处、换热器等均应严密,不得漏气	符合要求	合格
2	压力损失	kPa	≤2.5	0.31	合格
3	运行噪声	dB	≤85	67.9	合格
4	总烃的排放浓度	mg/m ³	≤120	6.73	合格
5	总烃的净化效率	%	≥90	90.4	合格
6	甲苯的排放浓度	mg/m ³	≤40	0.151	合格
7	甲苯的净化效率	%	≥90	94.3	合格
8	臭氧泄漏量	mg/m ³	≤0.1	0.082	合格
	(以下空白)				
备注	1、甲苯、总烃的排放浓度执行《大气污染物排放限值》(DB 44/27-2001)表2第二时段排放限值; 2、臭氧泄漏量的排放浓度执行《紫外线空气消毒器安全与卫生标准》(GB 28235-2011)的技术要求。				

编制:  审核:  签发:  签发人职务: 主任、工程师

签发日期: 2017年12月26日

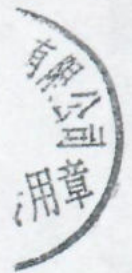
附图 1:



附图 2:



附图 3:

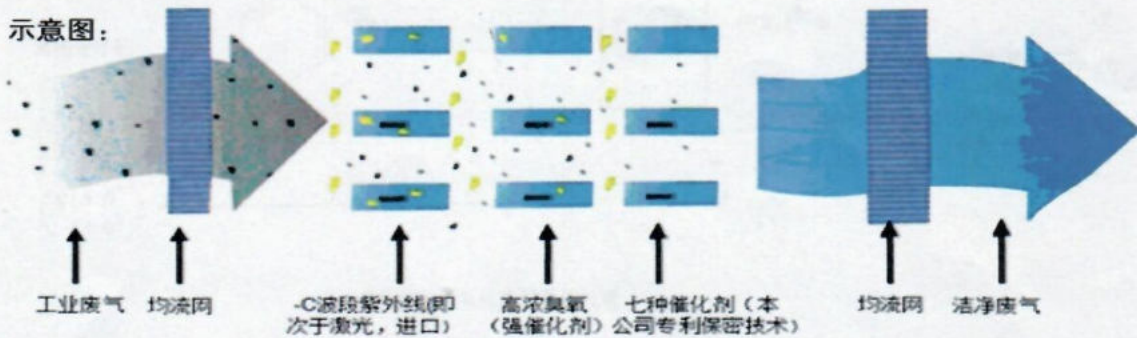


旭晨环保 UV 光解原理说明书

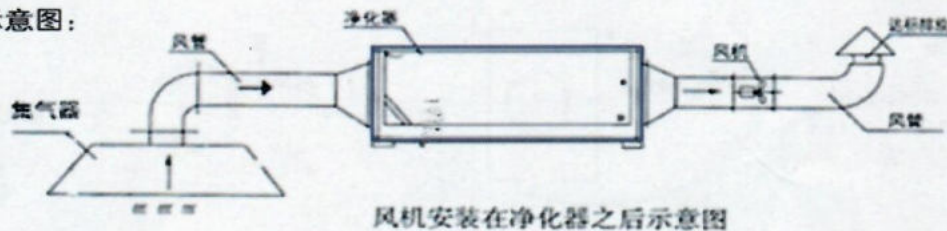
1 UV 光解除臭技术简介

旭晨环保光解除臭技术特制的高能高臭氧 UV 紫外线光束照射恶臭气体，改变恶臭气体如：氨、三甲胺、硫化氢、甲硫氢、甲硫醇、甲硫醚、二甲二硫、二硫化碳和苯乙烯，硫化物 H₂S、VOC 类，苯、甲苯、二甲苯的分子链结构，使有机或无机高分子恶臭化合物分子链，在高能紫外线光束照射下，降解转变成低分子化合物，如 CO₂、H₂O 等。加臭气、和本公司专利技术“七种催化涂层技术”进行废气再次分解和催化。利用高能高臭氧 UV 紫外线光束分解空气中的氧分子产生游离氧，即活性氧，因游离氧所携正负电子不平衡所以需与氧分子结合，进而产生臭氧。UV+O₂→O+O* (活性氧) O+O₂→O₃(臭氧)，众所周知臭氧对有机物具有极强的氧化作用，对恶臭气体及其它刺激性异味有立竿见影的清除效果。旭晨环保“七种催化涂层技术”加强了-C 波段紫外线照射数倍；增加了-C 波段光段的反射，使-C 波反射再次利用；次涂层材料属于惰性材质，在-C 波段紫外线的照射下慢慢挥发催化剂进行废气再次催化。彻底去除废气中有毒、有害、有味气体。

示意图：



安装示意图：



风机安装在净化器之后示意图

2 UV 光解技术原理

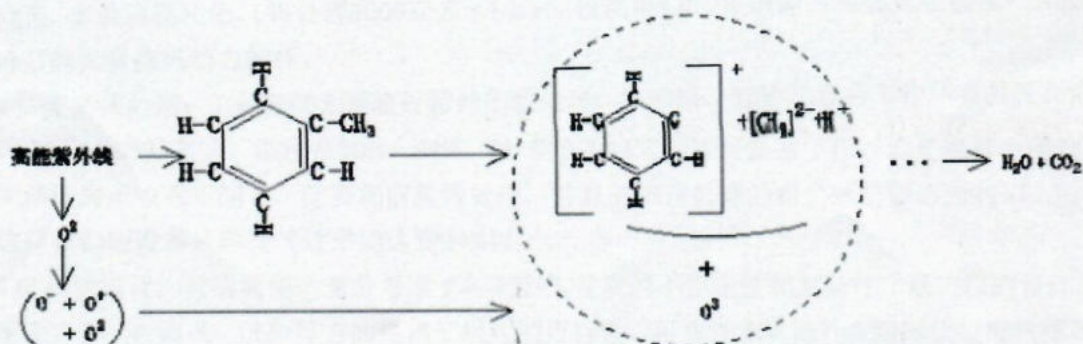
旭晨环保旭晨牌采用-C 波段光源将废气中的有毒有害的化学分子链裂解、断链、氧化、分解，将大分子链分解成无毒无害的小分子，光与气体完全没有任何间隙，光速比气体的速度快数倍，在光氧催化净化器内-C 段光源能够完全将有毒有害的有机废气完全分解，气体中的大部分有害物质被分解、氧化为二氧化碳、水和矿物质，无二次污染；祛除异味效果高达99%以上。

技术特点：无毒无害无任何副作用，完全超越了传统的空气净化器，能在有人在场的环境中持续杀菌；在裂解时产生淡淡的臭氧加上强烈的紫外线能光谱地杀灭空气中的各类细菌，测试证明对军团菌、金黄色葡萄球菌、枯草杆菌、芽胞及自然菌杀灭率达90%以上，有效去除

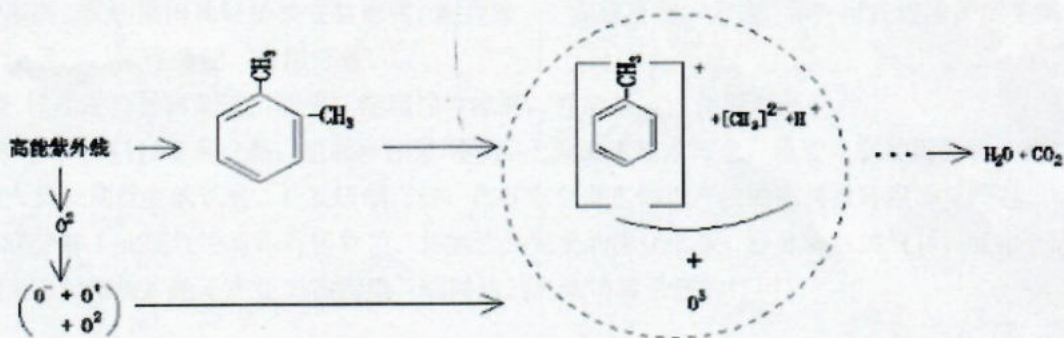
可吸收颗粒。

-C 波段紫外线主要用来去除硫化氢、氨、苯、甲苯、二甲苯、甲醛、甲醇、丙酮、尿烷、甲硫醚、二硫化碳、三甲胺、二甲基醚、树脂、等气体及消毒灭菌。

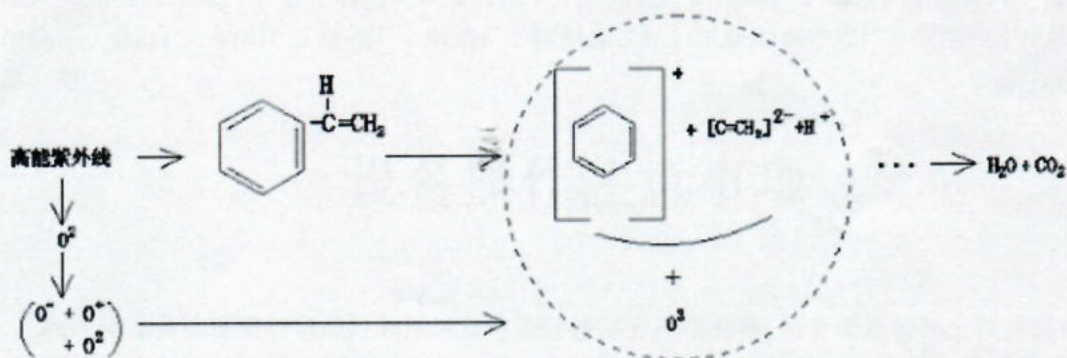
3 UV 光解净化反应机理



甲苯光解氧化净化反应机理



二甲苯光解氧化净化反应机理



苯乙烯光解氧化净化反应机理

4 UV 光氧催化除臭设备8大优点

4.1 高效除恶臭：能高效去除挥发性有机物（VOC）、无机物、硫化氢、氨气、硫醇类等主要污染物，以及各种恶臭味，净化、脱臭效率最高可达99%以上，净化、脱臭效果大大超过国家1993年颁布的恶臭污染物排放标准（GB14554-93）。

4.2 无需添加任何物质：只需要设置相应的排风管道和排风动力，使工业废气通过本设备进行分解净化，无需添加任何物质参与化学反应。

4.3 适应性强：可适应高浓度，大气量，不同工业废气物质的净化处理，可每天24小时连续工作，运行稳定可靠。

4.4 运行成本低：本设备无任何机械动作，无噪音，无需专人管理和日常维护，只需作定期检查，本设备能耗低，（每处理1000立方米/小时，仅耗电约0.2度电能），设备风阻极低<50pa，可节约大量排风动力能耗。

4.5 无需预处理：工业废气无需进行特殊的预处理，如加温、加湿等，设备工作环境温度在摄氏-30℃—95℃之间，湿度在30%—98%、PH值在3-11之间均可正常工作。但是也有个例外，如油漆房或喷涂车间等，需要加前置预处理，并且前级预处理的粉尘效果要达到95%以上，这样我们的设备处理废气效果能达到99%以上。

4.6 模块设计，灵活简便：充分考虑了各类废气性质的不稳定性和复杂性，从工程的设计，配套，安装，调试，维护等方面提供了极大的可行性，可靠性和灵活性。根据收集废气排风量，风速及废气浓度的大小，灵活配置本公司UV净化电箱模块的个数，从而达到净化处理效率高。我们采用抽屉插拔安装形式，配件统一，安装及维护方便，各件可在线维护或更换，方便灵活，操作简便，实用有效。

4.7 优质进口材料制造：防火、防腐蚀性能高，性能稳定，使用寿命长。

4.8 环保高科技专利产品：旭晨环保采用国际上最先进技术理念，通过专家及我公司工程技术人员长期反复的试验，开发研制出的，具有完全自主知识产权的高科技环保净化产品，可彻底分解工业废气中有毒有害物质，并能达到完美的净化效果，经分解后的气体，可完全达到无害化排放，绝不产生二次污染，同时达到高效消毒杀菌的作用。

5 适用场合及应用对象

石油及天然气的精炼厂、生物制药厂、染料化工厂、焦化厂、制革厂、纸浆厂、缫丝厂、金属冶炼厂、食品厂、油脂厂、溶剂厂、酿造厂、饲料加工厂、工业废水处理厂、柴油汽车（移动源）等。

设备操作注意事项

- 一 光氧净化设备处理室与电源控制系统及电源连接部分严格分离，所有需连接部分抗高温，防腐蚀电线和橡胶进行密封处理，不容许任何带电部分与废气接触，电路部分设置多重过压\过流\短路保护，保证电器部分即使发生瞬间漏电短路情况，也不会引燃爆光解室内易爆气体。
- 二 UV 光管全部用耐高温特殊材质结晶管套(安全\防碎\99%的穿透性\100%的防止灯管内的物质溢出);灯管寿命为 10000 小时;
- 三 所有高能 C 波光管均采用独立专用电模块供电,该电源模块具备过压\过流\短路\超高温等保护功能,高能 C 波光管一有异常,电源模块即停止该光管的运行并发出警示.

四 本设备内部结构精密,非本公司专业维护人员不得随意打开设备,以免造成人为原因导致设备的损坏.

五 设备在运行过程中,会瞬间产生大量的强刺激性 UV 光线,严禁人员眼睛或皮肤直接暴露在光源中,需在有安全防护措施的情况下观察.

六 使用前检查

- (1) 检查设备使用电源,设备模块电箱有二根出线,棕色线和蓝色线接 220V/AC;
- (2) 设备检修门密封是否良好;
- (3) 通电前请检查所有配件安装是否正确,牢固到位.

七 使用

设备在工作状态下,其内部带有超强紫外线光,严禁在设备工作时拆卸各部件和打开检修门;

八 用户维护时注意事项

- (1) 用户应严格按时清洗设备内的油污粉尘和组件的油污粉尘,杜绝滋生火灾隐患;
- (2) 用户应定期检查设备内两端纤维活性炭网绵是否堵塞,及时更换,防止风阻加大;
- (3) 维护人员在更换过滤棉和灯管时,应注意关闭电源,防止触电或紫外线光对人员眼睛和皮肤的伤害;
- (4) 维护人员必须带上防紫外线眼镜\手套\防护帽和穿上防护衣服;
- (5) 严禁非专业人员拆装\调试\维护设备,发生故障时应及时关闭设备的电源,由合格的专业维护人员进行检查.

产品合格证

品名：UV光解净化器

型号：XC-GJ-

合格

检测：

日期：



产品出厂检测报告

产品名称：UV光解 产品规格：XC-GJ-6

处理风量：6000m³/h 出厂编号：2106242934

检测人：杨学林 检测数量：1台

序号	项目	参考标准	检测结果	备注
1	外观	无脱漆、刮花、变形。	合格	
2	电箱	间距均匀(20±3),灯管无裂痕、击穿,整流器装配合理整齐、无漏电、伤线。	合格	
3	配置	活性炭网、说明书、警示牌	合格	
4	性能	每台光解有30分钟以上的老化时间,级板绝缘值达500MΩ以上。	合格	
5	调节	整流器调节符合技术指导书。	合格	

质量批语：本UV光解符合本厂检测标准，同意发货。

检测人：杨学林 审核：贺生

日期：2021年6月24日





E.A.C ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi... 8... giờ... 0... phút... ngày 8... tháng 10... năm 2021.
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại... Công Ty TNHH Torshere...
Địa chỉ: KCN Đô Sơn, Ngõ 8, Xương, Đô Sơn, Hà Đông

các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công Ty TNHH Torshere Việt Nam

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

2. ĐẠI DIỆN Công Ty Cổ Phần Thuận Thiên

Đại diện: Ông (bà) Phạm Trọng Lâm..... Chức vụ: Nhân viên

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

3. ĐẠI DIỆN Công Ty Cổ Phần Liên Minh MT và XD

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Cảnh Dũng..... Chức vụ: Nhân viên

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

4. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

5. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

6. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	K1	Khí thải tại ống thoát khí cuối hệ thống nước lạnh	X: 2294653,9 Y: 683920	
	N/A	Tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải KCN		



E.A. CALIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lienminhmoitruong.com.vn

Ghi chú:.....
.....
.....


Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồigiờ.....ngày


Đại diện
Nguyễn Minh.....
(ký, ghi rõ họ tên)


Đại diện
.....
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
Cty CP. TV. Thuận Thiên.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
.....
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Khắc Duy


Lê Đức An


Phạm Trường Sơn



NO CERTS 185
HA NOI

11-21

TRUNG VÀ XÂY DỰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 185 - VINCERTS 185 - CV 1968/SYT - NVY)
Địa chỉ: Tòa nhà số 75, ĐV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 0967383444 Website: liemminhmoitruong.com.vn

EAC ALLIANCE, INC

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi... giờ... phút... ngày 22 tháng 10 năm 2021
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại Công ty TNHH Jordan - Viet Nam
Địa chỉ: KCN Đô Sơn, Hải Phòng

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Jordan - Viet Nam

Đại diện: Ông (bà) Vũ Bá Đạt Chức vụ:
Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng (EAC)

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Văn Minh Chức vụ:
Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN
Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN
Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

5. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

6. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	KT	tại HT XL khu dân	10, 7370119 106, 767613	
	NT	tại bể nước mưa	10, 7370119 106, 767613	

BM.7



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VN) (VILAS: ĐƠN: VINH CERT 185 - CV: 2008XV-L-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, ĐV02, Phường Mỹ Lạc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432096988 Web: lieminhmocuatxaydung.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày 5 tháng 11 năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại Công ty TNHH Tansere Việt Nam

Địa chỉ: Lô L4.8B, KCN Đô Sơn, Q. Đô Sơn, TP. Hà Phong

các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Tansere Việt Nam

Đại diện Ông (bà) Vũ Đức Đoàn Chức vụ

Đại diện Ông (bà) Chức vụ

2. ĐẠI DIỆN Công ty Cổ phần môi trường và xây dựng

Đại diện Ông (bà) Nguyễn Quốc Trung Chức vụ KVPT

Đại diện Ông (bà) Chức vụ

3. ĐẠI DIỆN Công ty Cổ phần môi trường và xây dựng

Đại diện Ông (bà) Phạm Trung Kiên Chức vụ NV

Đại diện Ông (bà) Chức vụ

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

4. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Đủ điều kiện lấy mẫu

5. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Số	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	KTA	Ông thoát khí cuối hệ thống xử lí khí thải		
	NT3	Nước thải tại hố ga cuối công trình khi chảy vào với hệ thống thoát nước thải chung của KCN		



E.A.C ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút..... ngày 19...tháng 11...năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại.....

Địa chỉ: Công ty TNHH Dorshare Việt Nam
Số 142B, KCN Đô Sơn, Quận Đô Sơn, TP Hải Phòng

các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Dorshare Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Vũ Đức Đoàn Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN Công ty Cổ phần Liên minh môi trường và xây dựng

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Kiều Nam Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN Công ty Cổ phần Thuận Phát

Đại diện: Ông (bà) Phạm Tuyết Lan Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

4. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Đi điều biên lấy mẫu

5. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	BT	khí thải tại ống thoát khí của HITXL khí thải	605 831.7E 229 3998.7N	
	NT	Nước thải tại bể ga cuối cùng trước khí thải nước rửa hệ thống thoát nước thời chung của KCN	10. 73552775 106. 76851644	



EA CALANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 - VIMCERTS 185-CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

ĐT: 02432036988

Web: lienminhmotruong.com.vn

Ghi chú:

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi giờ ngày

Đại diện BAC Đại diện Công ty TNHH Đại diện Công ty CP Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hoàng Nam

Vũ Đức Hoàn

Phạm Trường Lâm



E.A.C ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 – VIMCERTS 135-CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút..... ngày 6... tháng 12... năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại.....

Địa chỉ: Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Số 12B, KCN B. Sơn, Quận B. Sơn, TP. Hải Phòng

các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Torshare Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Vũ Hải Đoàn Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN Công ty CP liên minh môi trường và xây dựng

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Hoàng Nam Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN Công ty CP tư vấn Thuận Đạt

Đại diện: Ông (bà) Phạm Tường Lâm Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của

Cơ sở như sau:

5. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRÁC, LẤY MẪU:

Đi đều liên tục

6. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	BT	khí thải tại ống khói khí cầu	605331.7	
		KTXL khí thải	2293998.7	
	NT	Nước thải tại ga cứu chữa nước thải	20.73552775	
		đội với KTXL thoát nước chung của KCN	106.76851644	



E.A.C. ALIANCE, JSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 – VIMCERTS 185-CV 2968/SYT-NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lieminhmoitruong.com.vn

Ghi chú:

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi giờ ngày

Đại diện BAC Đại diện Công ty T.N.M.T. Đại diện Công ty CP Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Khương Năm

Vũ Đức Đoàn

Phạm Trường Lâm



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội

ĐT: 0967383444

Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 968

Số: EAC/2110/785

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
 Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu : 01
 Ngày quan trắc : 08/10/2021
 Ngày trả kết quả : 21/10/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NT1		
1.	pH	--	7,23	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	36	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	32,1	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	88	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	10,8	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	45	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	2,02	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,9	SMEWW 5520.B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	6000	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải KCN (Tọa độ X: 2293990.883; Y: 605871.061)

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn

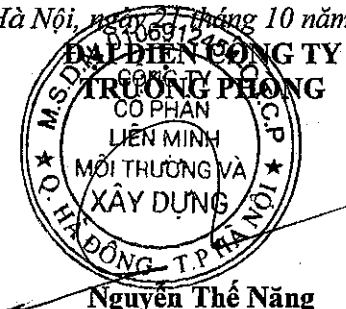
+ (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Nguyễn Thị Hà

Đỗ Văn Đông

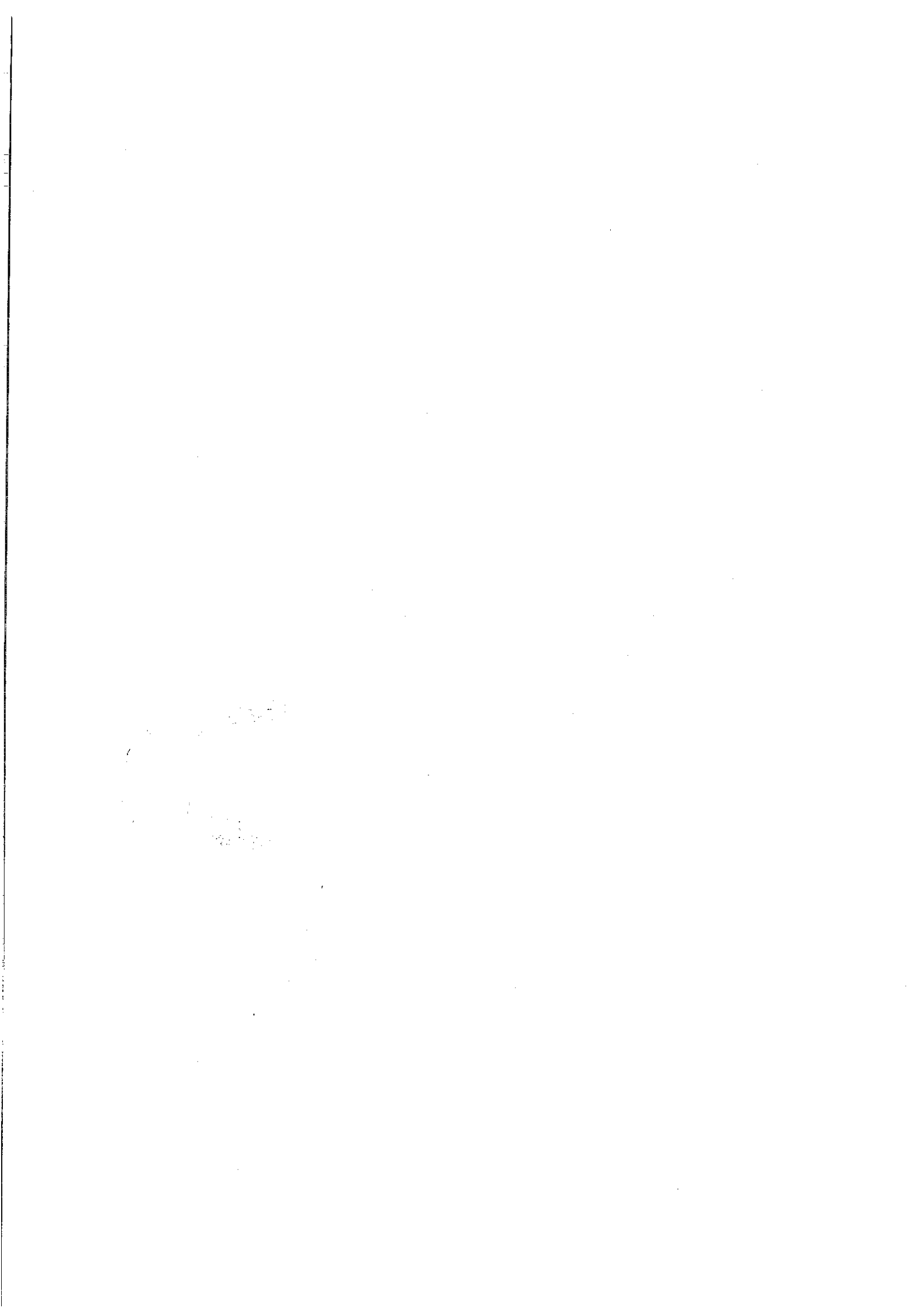
Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





E.A.C. ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0967383444 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2110/784

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu : 01
Ngày quan trắc : 08/10/2021
Ngày trả kết quả : 21/10/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			K1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	3309	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	34	EPA Method 5	200

Ghi chú:

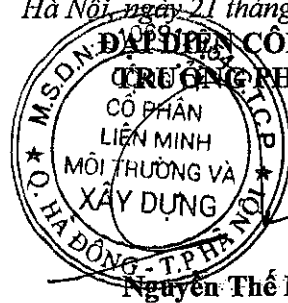
- Vị trí lấy mẫu:
- + K1: Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý, Tọa độ X: 2294653,9; Y: 683920
- Tiêu chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- + (-): Không có quy định

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

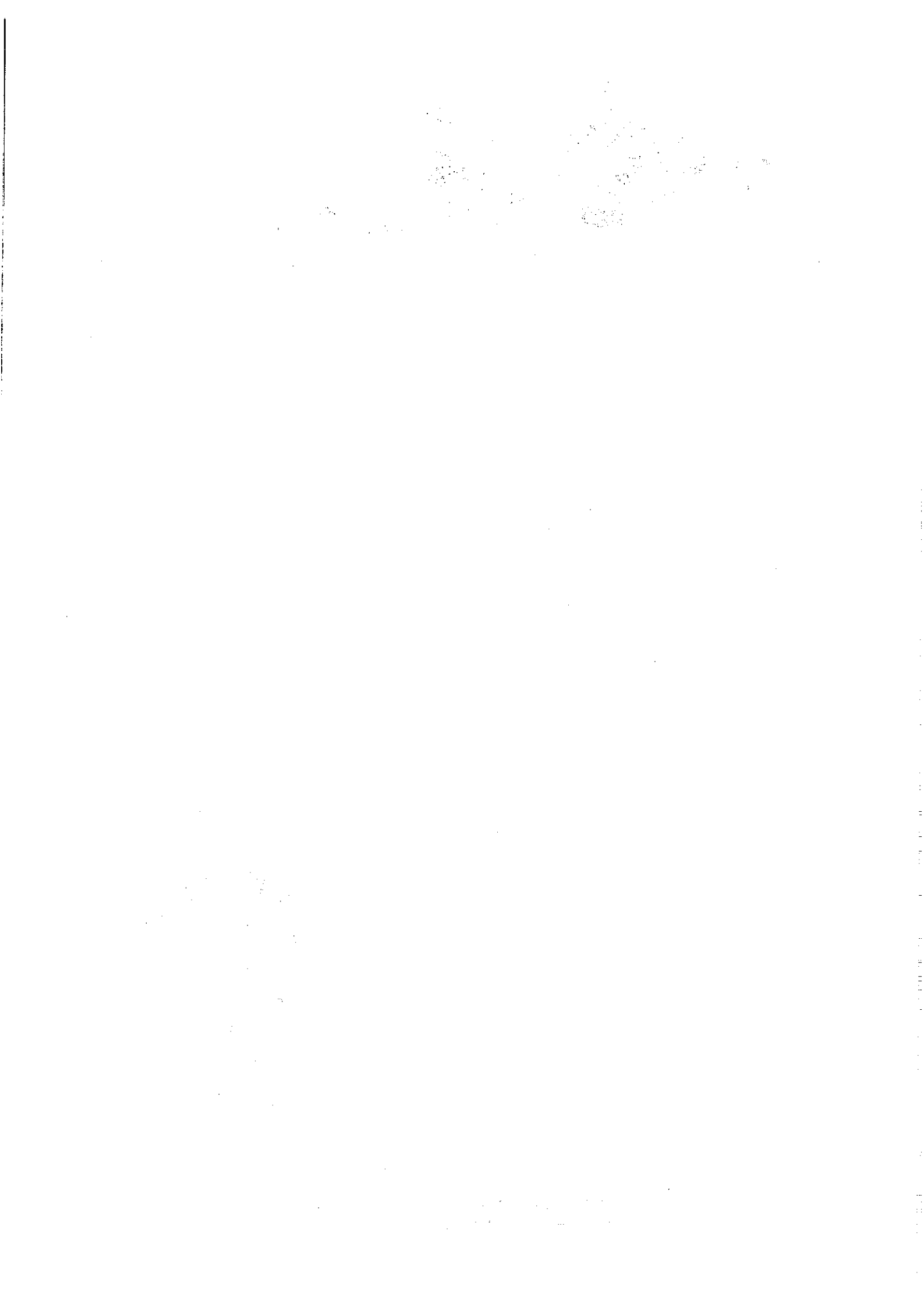
Nguyễn Thị Hà

Đỗ Văn Đông



Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0967383444 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2110/1038

Tên khách hàng: Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc: Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc: 22/10/2021
Ngày trả kết quả: 30/10/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NT1		
1.	pH	-	7,65	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	34	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	5,8	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	12	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	0,1	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	4,8	TCVN.6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	<0,05	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,0	SMEWW 5520.B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3900	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + NT1: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải KCN, tọa độ X: 2293990.883; Y: 605871.061
- Quy chuẩn so sánh:
- + TC.KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn
- + (-) : Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

QA/QC

Nguyễn Thị Hà

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG**
CỔ PHẦN
LIÊN MINH
MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG
HÀ ĐÔNG, PHÍA BẮC

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





E.A.C ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0967383444 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2110/1037

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu : 01
Ngày quan trắc : 22/10/2021
Ngày trả kết quả : 30/10/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT		
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.954	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	43	EPA Method 5	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý, Tọa độ X: 2294653,9; Y: 683920

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

+ (-): Không có quy định

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Nguyễn Thị Hà

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG
LIÊN MINH
MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG
HÀ ĐÔNG - T. PH. HÀ NỘI
Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty

Handwritten text, possibly a signature or name, located in the upper center of the page.

Handwritten text, possibly a signature or name, located in the lower left quadrant of the page.



E.A.C ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2111/372

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4,8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu : 01
Ngày quan trắc : 05/11/2021
Ngày trả kết quả : 19/11/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	5.472	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	39	EPA Method 5	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT1: Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý, tọa độ X: 2293982.279; Y: 605796.083

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

+ (-): Không có quy định

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hà

Đỗ Văn Đông

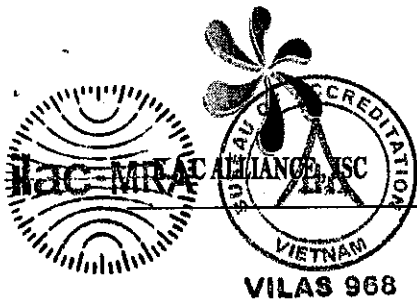


Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty

13



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội

ĐT: 0981440000

Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2111/373

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu : 01
Ngày quan trắc : 05/11/2021
Ngày trả kết quả : 19/11/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NT		
1.	pH	-	7,12	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	45	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	91	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	221	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	7,63	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	5,21	TCVN.6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	6,9	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,7	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/ 100mL	4.600	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải KCN, tọa độ X: 2293990.883; Y: 605871.061

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn

+ (-) : Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

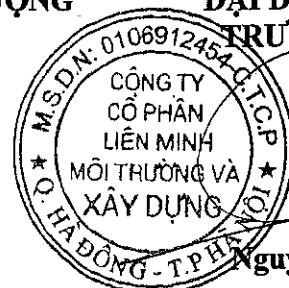
Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2021

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hà

QA/QC

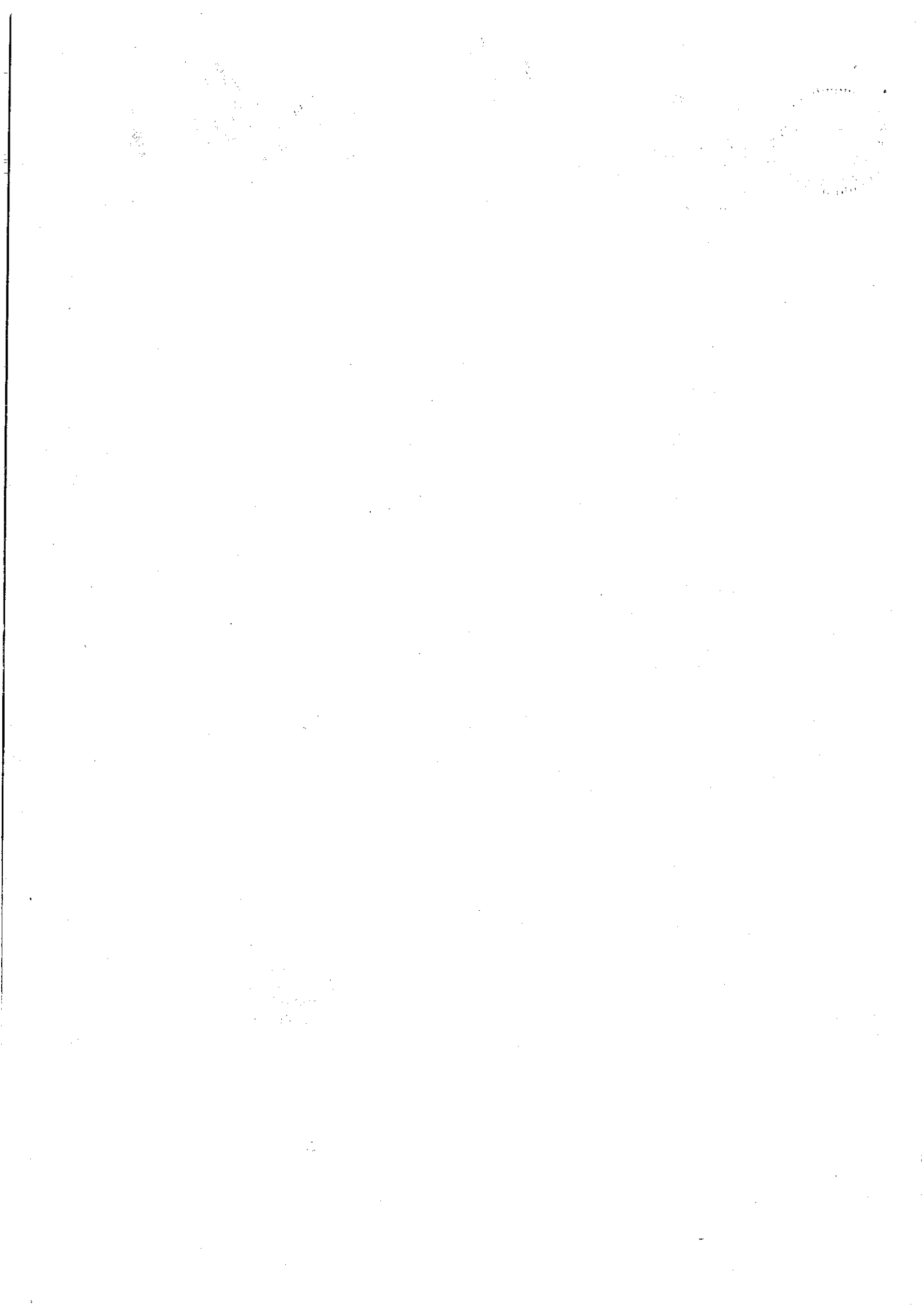
Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2112/741

Tên khách hàng: Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc: Lô đất L4,8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu: Khí thải **Số lượng mẫu:** 01
Ngày quan trắc: 19/11/2021
Ngày trả kết quả: 21/12/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.858	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	37	EPA Method 5	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + KT1: Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X = 2293982.279; Y = 605796.083;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Nguyễn Thị Hà

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2021
ĐẠI DIỆN CÔNG TY TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty

1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025



EAC ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2112/967

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 06/12/2021
Ngày trả kết quả : 25/12/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	5.068	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	40	EPA Method 5	200

Ghi chú:

- + KT1: Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X= 2293982.279; Y= 605796.083;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

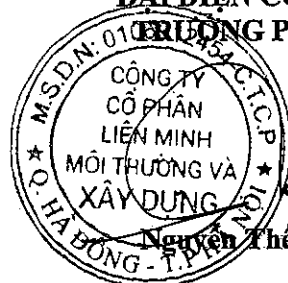
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2021

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: EAC/2112/968

Tên khách hàng AS Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải **Số lượng mẫu:** 01
Ngày quan trắc : 06/12/2021
Ngày trả kết quả : 25/12/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NT		
1.	pH	-	7,31	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	42	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	58,6	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	145	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	4,27	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	6,19	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	2,58	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,6	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	4.400	TCVN 6187-2:1996	-

Chú chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước chung của KCN. Tọa độ X= 2293990.883; Y= 605871.061;

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn;

+ (-) : Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Nguyễn Thị Ngọc

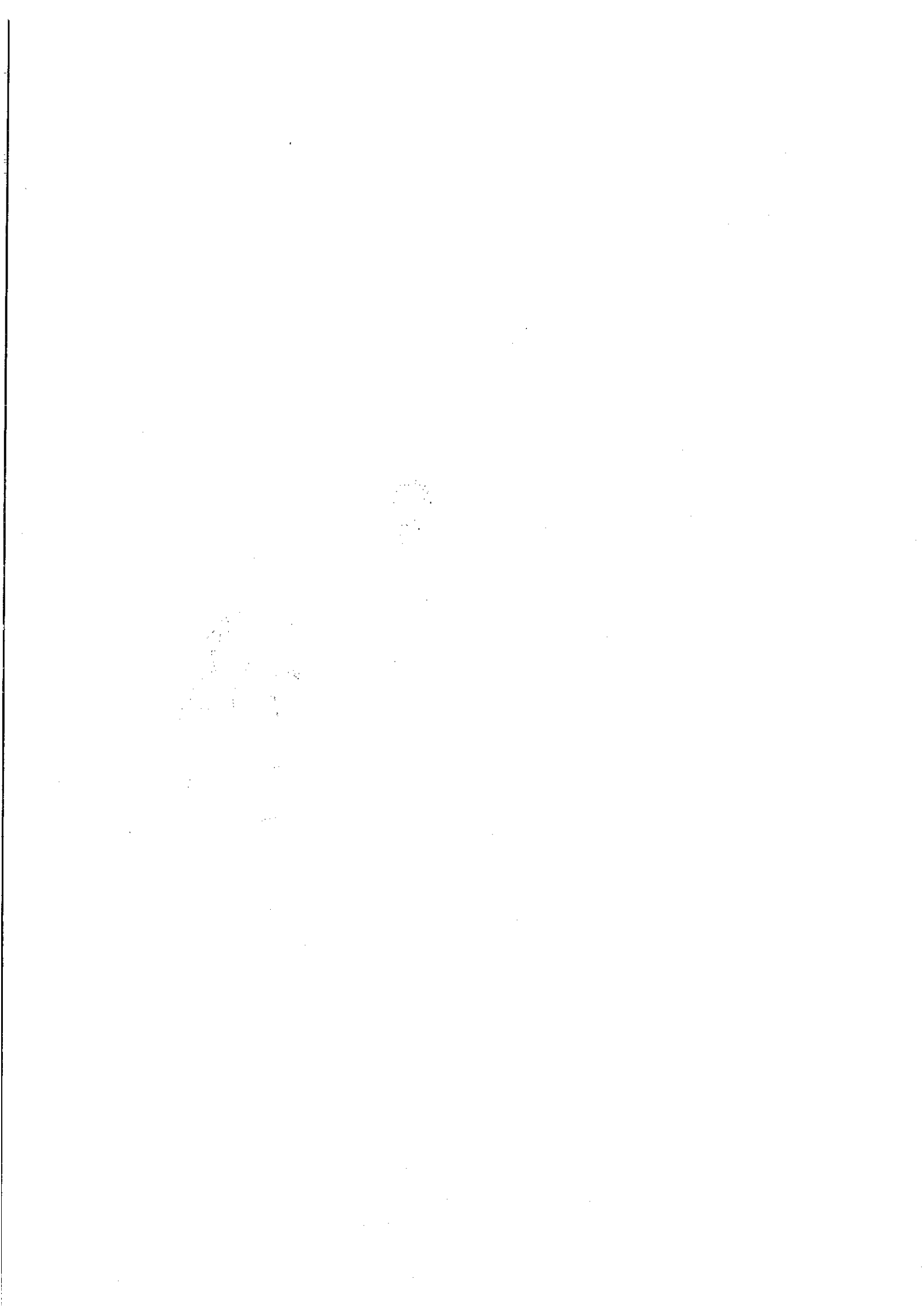
Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2021
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
LIÊN MINH PHÒNG
 MÔI TRƯỜNG VÀ
 XÂY DỰNG
 Q. HÀ ĐÔNG - T. PHẠNG

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 – VIMCERTS 185- CV 2968/SYT – NVY)
Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 0967383444 Web: lieminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút..... ngày 20 tháng 12 năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại Công ty TNHH

Tanshare Việt Nam

Địa chỉ: Lô 4, số KCN Đ. Sơn, Quận Đ. Sơn, TP

Hải Phòng

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Tanshare Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Vũ Đức Đoàn Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng (EAC)

Đại diện: Ông (bà) HÀ VIỆT TOÀN Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

5. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Tốt

6. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	KT	Mẫu khí thải nhà NT & L khí thải	22 93 997 60 58 803	
	NTSH	Mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi vào KCN	22 94 655 68 3 920	22 93 930 60 58 69



**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 – VIMCERTS 185- CV 2968/SYT – NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 0967383444 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút..... ngày 21..tháng 11..năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại Công ty TNHH

Torshere Việt Nam

Địa chỉ: Lô M.8B KEN Đô Sơn, Quận Đô Sơn

TP Hải Phòng

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Torshere Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Vũ Đức Đoàn Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN : Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng (EAC)

Đại diện: Ông (bà) HÀ VIỆT TOÀN Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

5. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Tại đây

6. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	KT	Mẫu khí thải của HTX khí thải	2298997 6058803	
	NFSH	Nước thải tại hố ga, Cuối ống thoát khí môi vào KEN	2295330 605869	



E.A.C. ALLIANCE JSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 – VIMCERTS 185- CV 2968/SYT – NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

ĐT: 0967383444

Web: lienminhmoitruong.com.vn

Ghi chú:

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi giờ..... ngày 20/12/2011.....

Đại diện:
Công ty Cổ phần Liên
minh Môi trường và
Xây dựng (EAC)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
Công ty Cổ phần Liên Minh Môi trường và Xây dựng
.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
.....
.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
.....
.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Hà Văn Toàn

[Signature]
Vũ Đức Toàn



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 – VIMCERTS 185- CV 2968/SYT – NVY)
Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 0967383444 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút..... ngày 22 tháng 12 năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại Công ty TNHH

Torshare Việt Nam
Địa chỉ: Lô Lũ 80 KCN Đô Sơn, Phường Ngọc Dương,
T. Hải Phòng

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Torshare Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Vũ Đức Đoàn Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng (EAC)

Đại diện: Ông (bà) HÀ VIỆT TOÀN Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

5. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Thời gian:

6. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	KT	Mẫu khí thải của HTXL khí thải	22 9 337 605 805	
	NTSH	Mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi nối về KCN	22 9 398 605 869	



E.A.C. ALLIANCE, JSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968 – VIMCERTS 185- CV 2968/SYT – NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

ĐT: 0967383444

Web: lienminhmoitruong.com.vn

Ghi chú:

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi giờ..... ngày

Đại diện:
Công ty Cổ phần Liên
minh Môi trường và
Xây dựng (EAC)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Việt Toàn

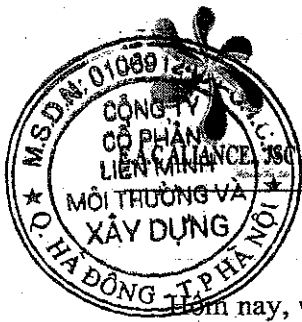
Đại diện

.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Đức Hoàn

Đại diện
.....
.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
.....
.....
(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày 23 tháng 12 năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại: Công ty TNHH

Địa chỉ: Tòa nhà Việt Nam
Lô L4 85 KCN Đỗ Sơn 1 Phường Ngọc Tuyền
T.P Hải Phòng

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN: Công ty TNHH Tòa nhà Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty CP Liên minh Môi trường và Xây dựng

Đại diện: Ông (bà) Hà Việt Tuấn Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

4. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Tốt hàng

5. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	KT	Mẫu khí thở Cũ H7 x L, khí thở	2295997	
			665805	
	M154	Mẫu nước tại tại hồ Ga Cối Cũ	2293990	
			665869	



E.A.C. ALLIANCE, JSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

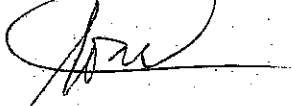
ĐT: 02432036988

Web: lienminhmoitruong.com.vn

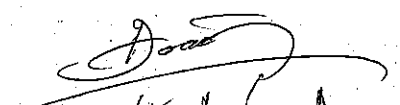
Ghi chú:.....

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồigiờ.....ngày

Đại diện Công ty EAC.....
(ký, ghi rõ họ tên)


Hà Văn Tuấn

Đại diện Cty TNHH TĐ Sơn VN.....
(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Đức Đoàn

Đại diện,
(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày 24 tháng 12 năm 20...

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại: .. Công ty TNHH TenShare
Việt Nam

Địa chỉ: .. Lô L4/B, KCN Đô Sơn, Phường Ngạc Xuân, TP. Hà
Phong

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN: .. Công ty TNHH TenShare Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) .. Vũ Đức Đoàn .. Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty CP Liên minh Môi trường và Xây dựng

Đại diện: Ông (bà) .. Hà Việt Tâm .. Chức vụ: .. NVQT

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

4. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

..... Không nắng

5. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1	KT	Mẫu khí thải của HTKL khí thải	2293997	
			605803	
2	N1S11	Mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước hồ xử nước KCN	2293990	
			605865	



E.A. ALLIANCE, JSC
Liên Minh Môi Trường và Xây Dựng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

ĐT: 02432036988

Web: lieminhmoitruong.com.vn

Ghi chú:.....

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồigiờ.....ngày

Đại diện Công ty EAC.....
(ký, ghi rõ họ tên)

Hà Việt Toàn

Đại diện C. M. Liên Minh.....
(ký, ghi rõ họ tên)

Hà Đức Đạt

Đại diện



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968-VIMCERT 185-CV 2968/SYT-NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
ĐT: 02432036988 Web: lienminhmoitruong.com.vn

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày 25 tháng 12 năm 2021

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại:

Địa chỉ: Công ty TNHH TOSKANA VIỆT NAM
Lô Hạ B.B, KCN ĐÀ SƠN 1 Phường Ngạc
Tuyên, T.P. Hải Phòng

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN: Công ty TNHH TOSKANA VIỆT NAM

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty CP Liên minh Môi trường và Xây dựng

Đại diện: Ông (bà)..... H.ã Việt Sơn..... Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

4. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Đi nắng

5. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
	KT	mẫu khí thải Cửa	2293997	
		Hà x L, khu thải	605803	
	MISH	mẫu nước thải bể' ga CƯỚI	2293990	
		Cũng như khu thải vào KCN	605865	



E.A.C. ALLIANCE, JSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

ĐT: 02432036988

Web: lienminhmotruong.com.vn

Ghi chú:.....

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồigiờ.....ngày

Đại diện *Công ty liên minh MTR XD* Đại diện *Cơ sở thực quản lý* Đại diện

(ký, ghi rõ họ tên)

Hoa Viet Phan

(ký, ghi rõ họ tên)

Lu Dai Hoa



E.A.C ALIANCE, JSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
(VILAS 968- VIMCERT 185- CV 2968/SYT-NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

ĐT: 02432036988

Web: lienminhmoitruong.com.vn

Ghi chú:.....

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồigiờ.....ngày

Đại diện **L.M.M.V & X.D**
(ký, ghi rõ họ tên)

Hoi Viet Tran

Đại diện **Sashara VN**
(ký, ghi rõ họ tên)

Lu Dai Dao

Đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/064

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đờ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đờ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 20/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột-B)
			KT1			
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.747		EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	45		EPA Method 5	200

Ghi chú:

- + KT1: Mẫu khí thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X= 2293982.279; Y= 605796.083;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

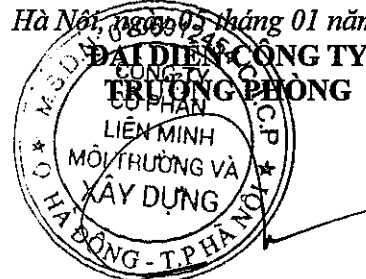
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Thị Ngọc

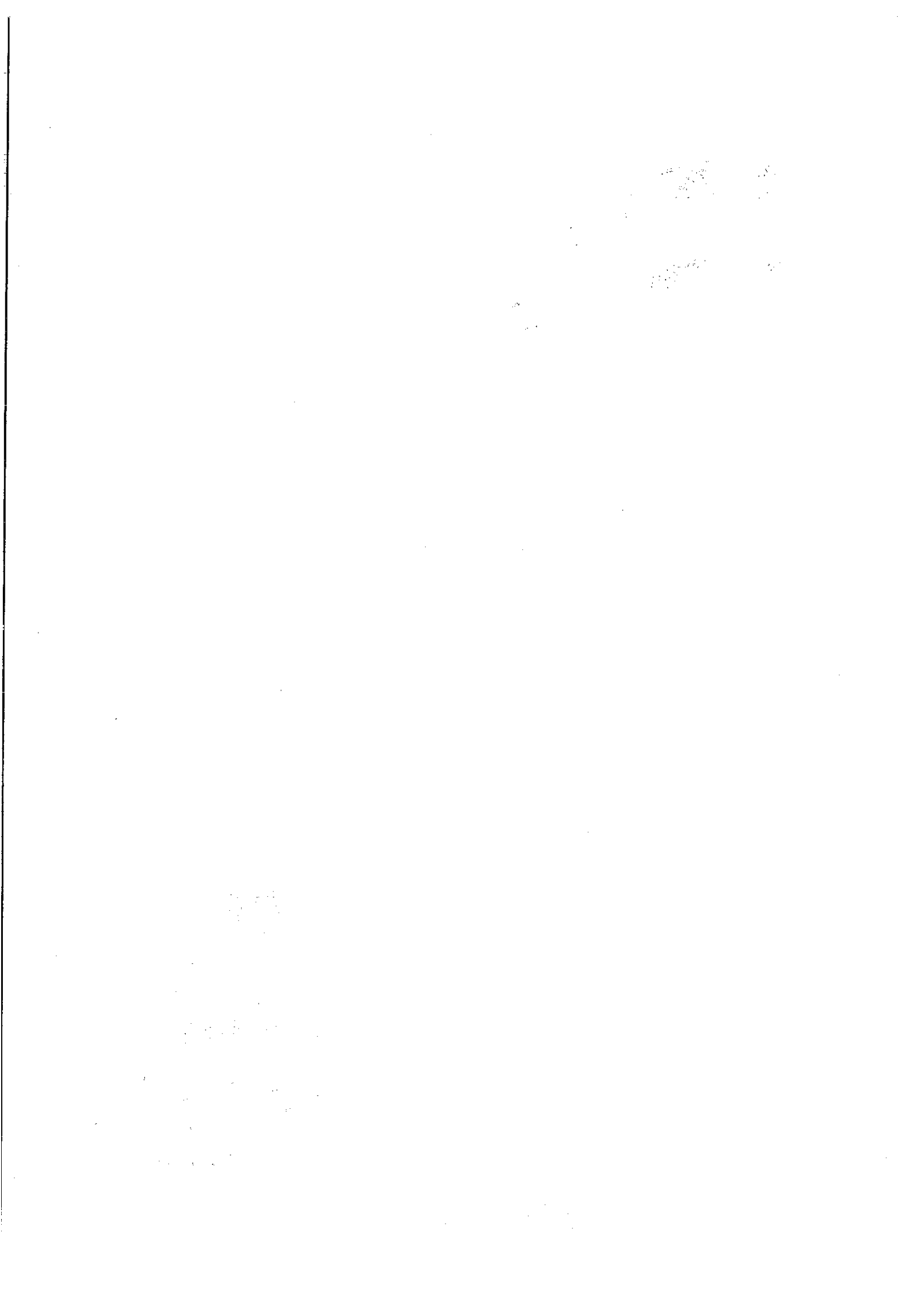
Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng



Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
 ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **LMMT/2201/070**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc: Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu: Nước thải **Số lượng mẫu:** 01
Ngày quan trắc: 20/12/2021
Ngày trả kết quả: 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NTSH		
1.	pH	-	7,7	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	41	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	91	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	265	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	12,2	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	44,9	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	6,7	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,7	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3.000	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + NTSH: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi nối vào KCN. Toạ độ X= 2293990.883; Y= 605871.061;
- Quy chuẩn so sánh:
- + TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn;
- + (-): Không có quy định.

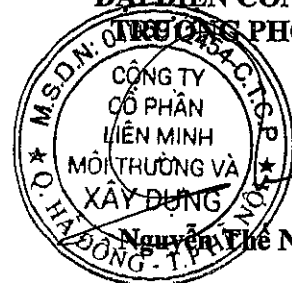
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

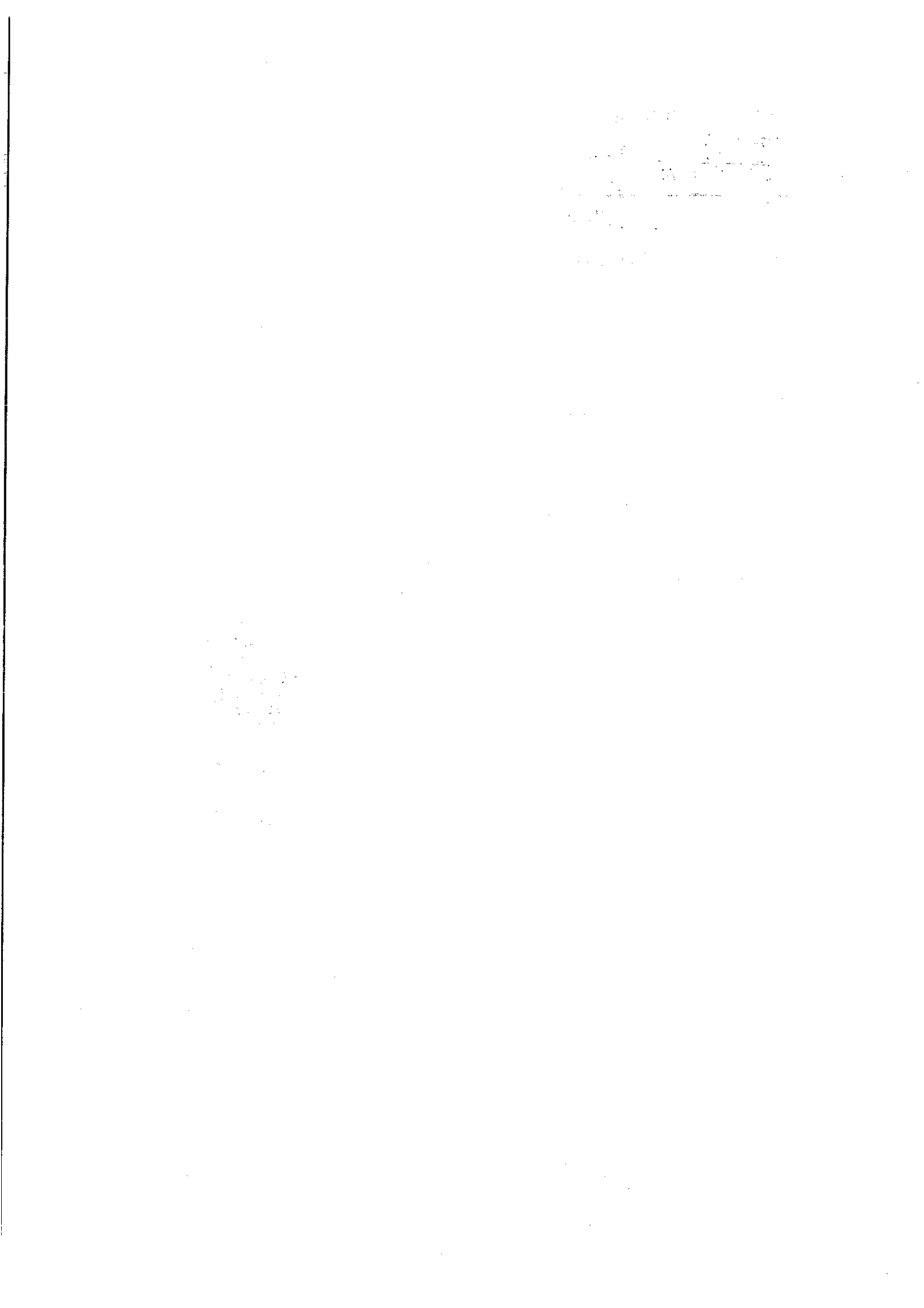
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO**

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội

ĐT: 0981440000

Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/065

Tên khách hàng: Công ty TNHH Torshare Việt Nam

Địa điểm quan trắc: Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Đơn vị đặt hàng: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng

Loại mẫu: Khí thải

Số lượng mẫu: 01

Ngày quan trắc: 21/12/2021

Ngày trả kết quả: 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.859	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	42	EPA Method 5	200

Ghi chú:

+ KT1: Mẫu khí thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X= 2293982.279; Y= 605796.083;

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ (-): Không có quy định.

**BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC**

Nguyễn Thị Ngọc

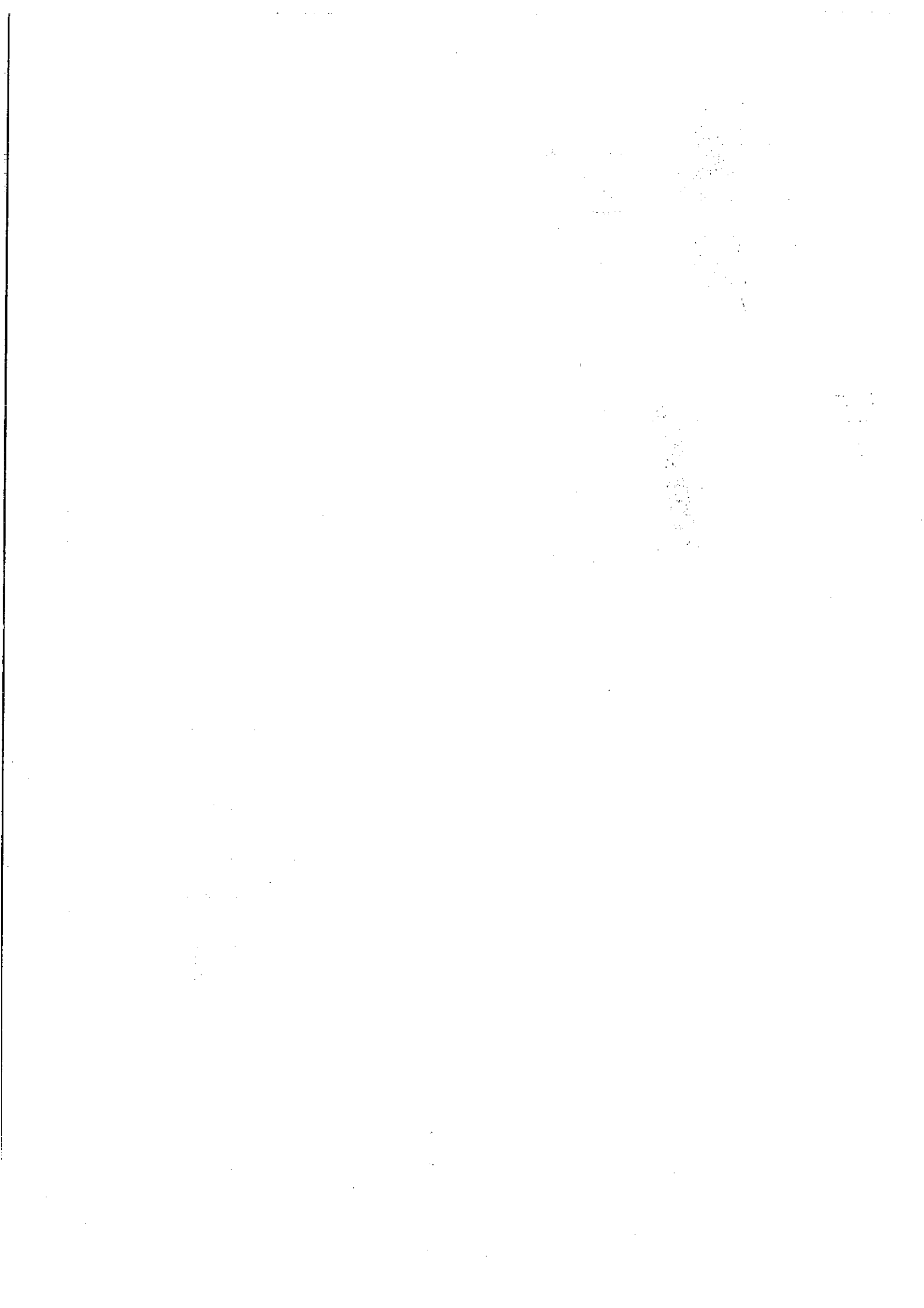
Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội

ĐT: 0981440000

Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/071

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
 Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Ngày quan trắc : 21/12/2021
 Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NTSH		
1.	pH	-	8,5	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	43	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	86	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	239	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	11,2	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	51,4	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	6,5	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	2,0	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3.600	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSH: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi nối vào KCN. Toạ độ X= 2293990.883; Y= 605871.061;

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn;

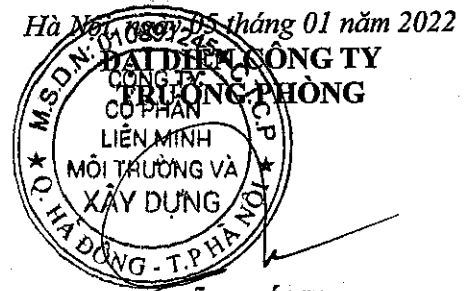
+ (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

QA/QC

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





EAC ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/066

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 22/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột.B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	3.049	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	44	EPA Method 5	200

Ghi chú:

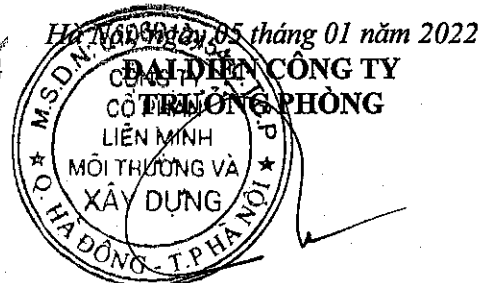
- + KT1: Mẫu khí thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X= 2293982.279; Y= 605796.083;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Nguyễn Thị Ngọc

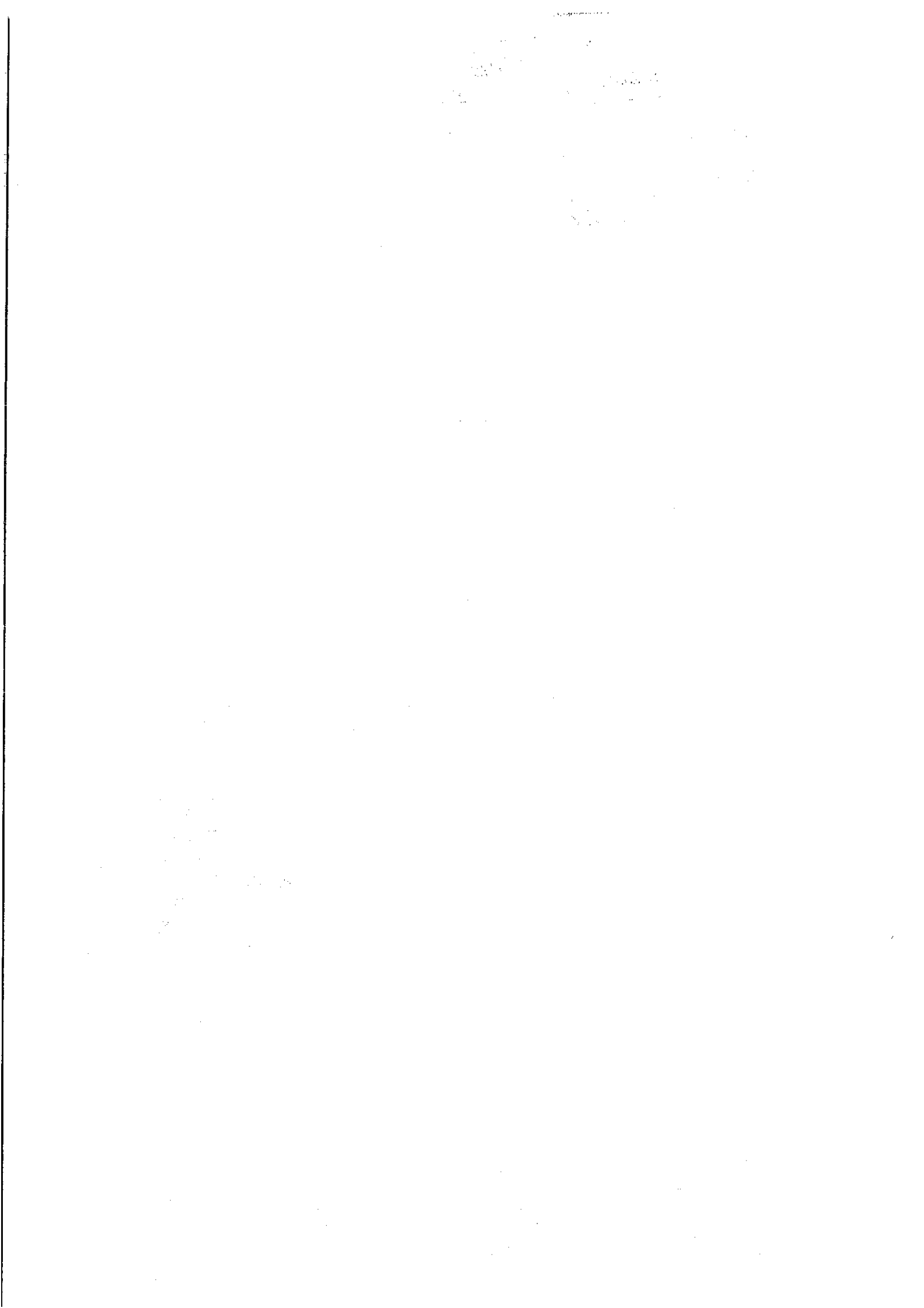
Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng



Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO**

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 968

Số: LMMT/2201/072

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải **Số lượng mẫu**: 01
Ngày quan trắc : 22/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NTSH		
1	pH	-	8,4	TCVN-6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	40	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	92	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	270	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	12,4	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	47,1	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	5,2	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,8	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3.400	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSH: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi nối vào KCN. Toạ độ X= 2293990.883; Y= 605871.061;

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn;

+ (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

**BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC**

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty

1000

1000



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)
Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/067

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 23/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.948	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	47	EPA Method 5	200

Ghi chú:

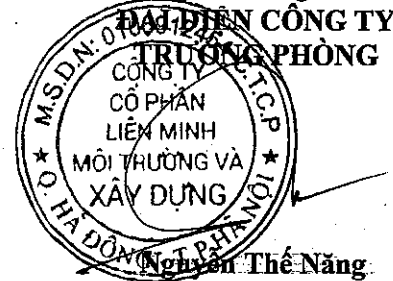
- + KT1: Mẫu khí thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X= 2293982.279; Y= 605796.083;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông



Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty

Handwritten notes in the top right corner, including a date and some illegible text.

Handwritten notes in the bottom left corner, including a date and some illegible text.



E.A. CALLIANCE JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội.
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/073

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 23/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NTSH		
1.	pH	-	8,4	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	42	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	81	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	213	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	13,6	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	39,2	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	6,8	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,7	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3.500	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSH: Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi nối vào KCN. Toạ độ X= 2293990.883; Y= 605871.061;

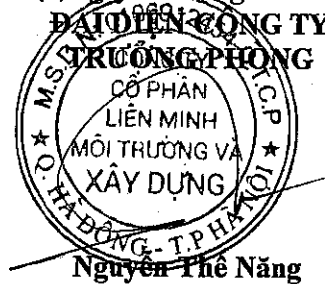
- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn;

+ (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022



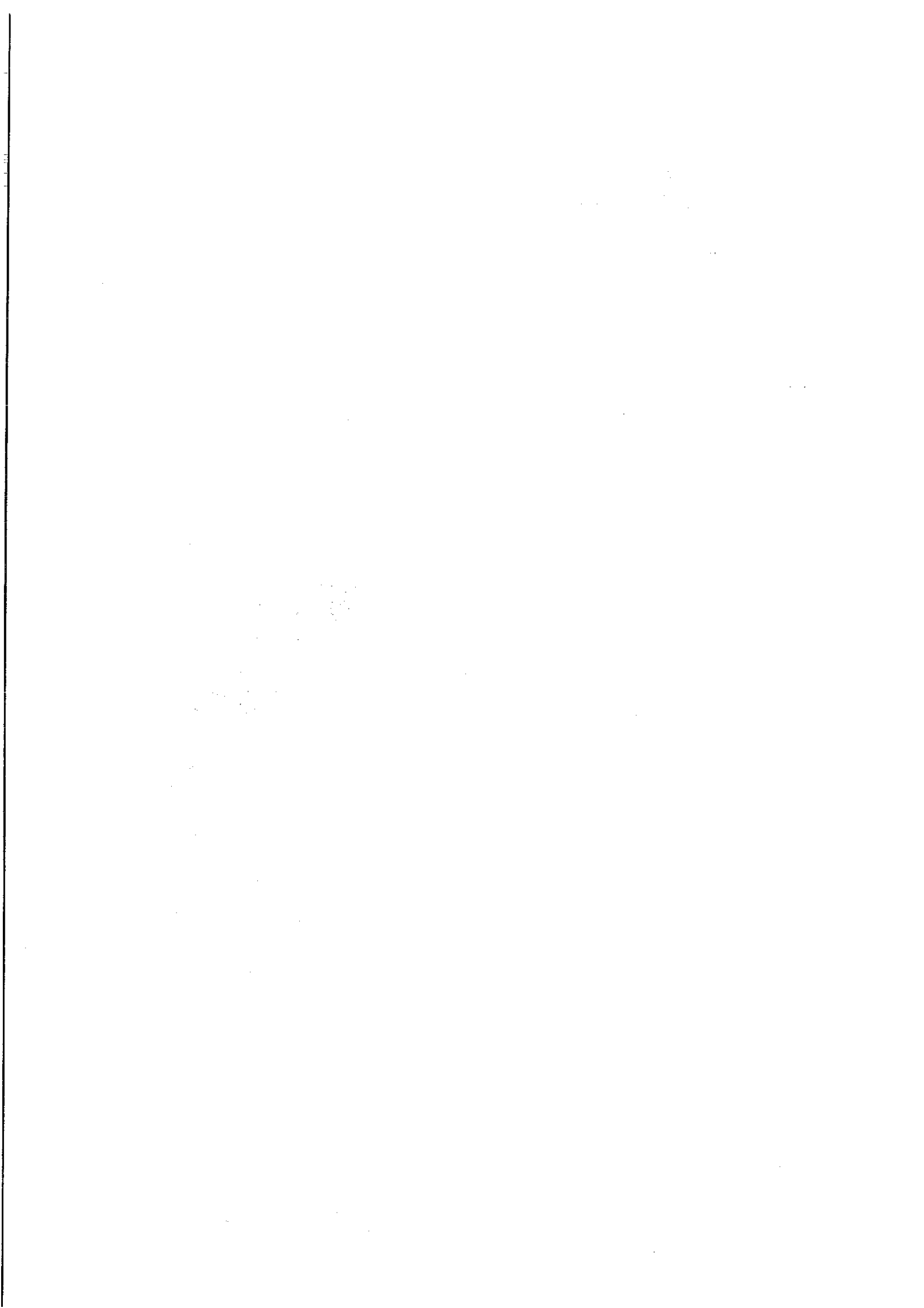
Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





E.A.C ALLIANCE JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lieminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/068

Tên khách hàng: Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc: Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu: Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc: 24/12/2021
Ngày trả kết quả: 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột-B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	3.046	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	43	EPA Method 5	200

Ghi chú:

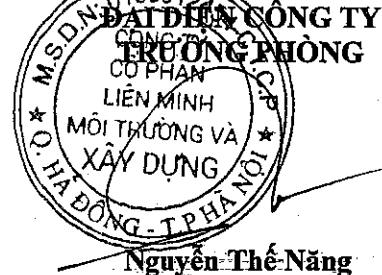
- + KT1: Mẫu khí thải của hệ thống xử lý khí thải. X= 2293982.279; Y= 605796.083;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022



Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty

1944

1944



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
 Điện thoại: 0981440000 Web: lieminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/074

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
 Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Ngày quan trắc : 24/12/2021
 Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NTSH		
1.	pH	-	8,0	TCVN-6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	43	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	89	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	245	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	12,7	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	48,3	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	6,6	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,9	SMEWW 5520,B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3.000	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSH: Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi nối vào KCN. Toạ độ X= 2293990.883; Y= 605871.061;

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn;

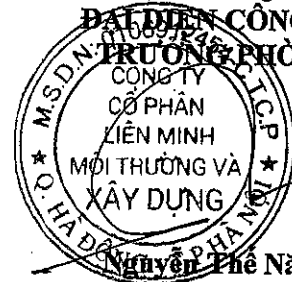
+ (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

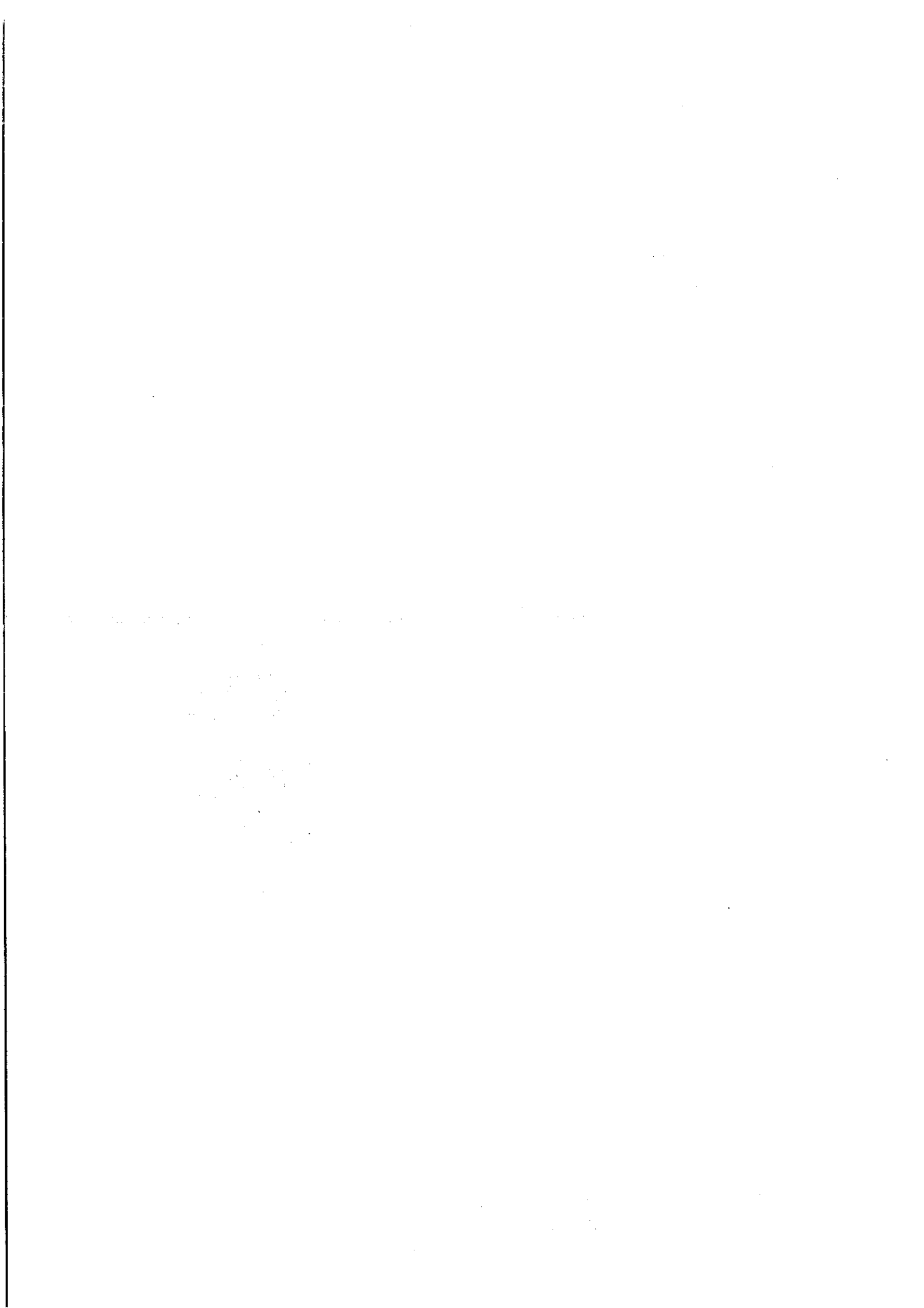
Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông



Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





E.A.C ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/069

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 25/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

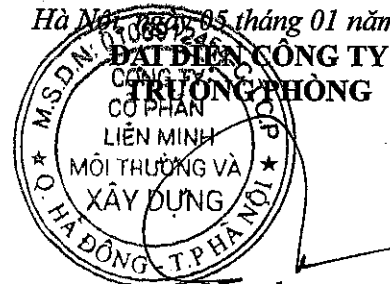
Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	3.242	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	46	EPA Method 5	200

Ghi chú:

- + KT1: Mẫu khí thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X= 2293982.279; Y= 605796.083;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022



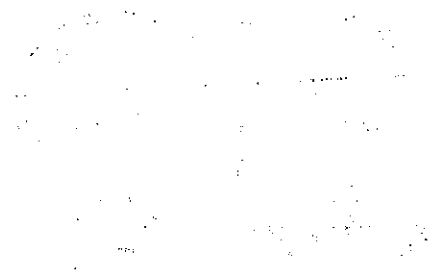
Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty



100

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES
DEPARTMENT OF CHEMISTRY

1955

1956

1957

1958

1959



**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **LMMT/2201/075**

Tên khách hàng : Công Ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải **Số lượng mẫu**: 01
Ngày quan trắc : 25/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	TC KCN Đồ Sơn
			NTSH		
1.	pH	-	8,2	TCVN 6492:2011	5-9
2.	TSS	mg/L	40	TCVN 6625:2000	200
3.	BOD ₅	mg/L	81	TCVN 6001-1:2008	100
4.	COD	mg/L	225	SMEWW 5220C:2017	400
5.	Amoni	mg/L	13,4	TCVN 6179-1:1996	15
6.	Tổng N	mg/L	46,8	TCVN 6638:2000	60
7.	Tổng P	mg/L	6,7	TCVN 6202:2008	8
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	2,0	SMEWW 5520, B&F:2017	30
9.	Coliforms	MPN/100mL	3.400	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSH: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi nối vào KCN. Toạ độ X= 2293990.883; Y= 605871.061;

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Đồ Sơn: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồ Sơn;

+ (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

QA/QC

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

TRƯỜNG PHÒNG



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty





E.A.C ALLIANCE, JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2046/SYT – NVY)
Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: LMMT/2201/076

Tên khách hàng : Công ty TNHH Torshare Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Lô đất L4.8B khu công nghiệp Đồ Sơn, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 27/12/2021
Ngày trả kết quả : 05/01/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
			KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	3.169	EPA Method 2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	49	EPA Method 5	200

Ghi chú:

- + KT1: Mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ X= 2293957; Y= 605803;
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + (-): Không có quy định.

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

QA/QC

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*)
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
4. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
